

CAO XUÂN HUY

THÁNG BÀ GỖY SÚNG



VĂN HỌC 2004

Nguồn: <http://www.vinadia.org/thang-ba-gay-sung-cao-xuan-huy/>

Mục Lục

Những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người

Tựa

Một

Hai

Ba

Bốn

Năm

Sáu

Những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người

Cuối tháng Giêng 85, cùng với một số đồng bào may mắn muợn màng khác ở đảo Bataan, chúng tôi có tên trong danh sách rời trại tị nạn Phi Luật Tân, lên đường đi định cư ở một thành phố miền đông bắc Hoa Kỳ, nơi tôi sẽ được gặp lại cô em út sau mười năm xa cách.

Cảnh vật mùa Đông ở Springfield đẹp mà buồn. Cây cối trụi lá trở cảnh khảnh khiu in mờ nhạt trên một bầu trời xám xịt. Mặt đất phủ đầy tuyết trắng lạnh giá. Tuy vậy, tôi còn nhớ rõ trong lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc ấm áp. Giờ đây khi bước sang mùa Đông thứ hai, tôi nghiệm thêm một điều là không phải bao giờ tuyết cũng trắng sạch, cũng đẹp dễ và cũng thú vị như cái cảm giác tôi đã có trong những ngày đầu. Dù sao, đó sẽ lại là một chuyện khác.

Tôi muốn nói, chính trong những tháng ngày thong thả tạm thời này, tôi có một niềm vui sướng là được đọc những trang viết đầu tay của một tác giả mà tôi chưa hề quen biết: Tháng Ba Gãy Súng của Cao Xuân Huy.

Tháng Ba Gãy Súng. Hình như tên gọi của truyện kể là điều trước tiên lôi cuốn tôi. Tựa đề của một cuốn sách vốn đơn giản. Tháng Ba Gãy Súng là sự đơn giản quyến rũ. Tháng Ba là tháng thọ nạn của miền Trung, khi cơn lốc đỏ từ miền Bắc lao xuống. Phải một thời gian sau nữa nó mới đổ ập tới Sài Gòn yêu dấu cái Tháng Tư Đen hãi hùng và thống khổ. Cao Xuân Huy đặt câu hỏi: Ai đã bẻ gãy súng của quân đội ta, những người lính dũng cảm, có thừa mưu trí và kinh nghiệm chiến trường? Ai đã làm cho người lính chúng ta bó tay, khi súng còn đó mà đạn đã hết ở trong nòng?

Tác giả cho thấy bên dưới những người và việc là sự mất niềm tin của người lính trận trước một số cấp chỉ huy, những đàn anh “khả kính” đã dứt bỏ hàng ngũ trong cơn quẫn bách để chạy lấy thân, còn thì sống chết mặc bay!

Tháng Ba Gãy Súng vẽ lại cơn hồng thủy của một cuộc chiến không thương tiếc, phủ chụp lên số phận của cả một dân tộc. Trên bờ cát lạnh lẽo của biển cố, người ta nghe thấy tiếng động của những vòng xích sắt nghiêng lạo xạo trên sọ người.

Đó là cuốn sách chứa rất ít nụ cười nhưng rất nhiều máu và nước mắt; niềm vui thì khô cằn mà đau thương và bất hạnh thì màu mỡ phì nhiêu; tàn bạo và căm hờn là bình thường nhưng dịu dàng và thuận thảo là điều xa lạ.

Chữ nghĩa trong Tháng Ba Gãy Súng giản dị, tự nhiên và trong sáng. Nhưng người đọc biết rõ một cách mười mươi rằng để có được những dòng chữ tưởng chừng như dễ dàng đó, Cao Xuân Huy đã phải trả một giá khá đắt: sự thách đố của anh với tử thần trong những đường tơ kẽ tóc để đổi lấy phẩm giá làm người. Có thể nói Tháng Ba Gãy Súng đã được viết bằng một trái tim nóng bỏng trước khi được gọt dũa và trau chuốt bằng một bút pháp nghề nghiệp. Nhưng điều này không hề làm hạn chế sức sống của tác phẩm.

Những ai ham đọc sách đều biết rằng các nhà văn lừng danh trên thế giới như Flaubert, Hemingway, Dickens, Tolstoi... đều đã viết bằng một thứ ngôn từ tự nhiên và giản dị.

Trong một lần gặp gỡ tác giả, tôi hỏi anh tại sao lại xếp Tháng Ba Gãy Súng vào thể loại Hồi Ký mà không là Truyện Kể hay Truyện Ký, Cao Xuân Huy trả lời: “Bởi vì tôi đã không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy tai nghe. Chỉ tiếc một điều là tôi đã không đủ khả năng để viết được tất cả những gì tôi cần phải viết”.

Thật vậy, văn chương vốn cần hư cấu, nhưng hiện thực tự nó cũng thừa sự lớn lao và sâu sắc mà một trí tưởng tượng khiêm tốn đôi khi còn nghèo nàn và nông cạn hơn. Nói cách khác, hư cấu trong một tác phẩm tuy cần thiết, nhưng hiện thực bao giờ cũng là nền tảng để từ đó hư cấu có thể thành hình và đứng vững.

Chính cái hiện thực này đã khiến cho ngòi bút của Cao Xuân Huy có được cái vẻ sắc sảo đặc biệt, đồng thời cũng làm cho Tháng Ba Gãy Súng giữ được cái vẻ tươi mát nóng bỏng mà mọi thứ hư cấu rắc rối không sao đạt được.

Và nghệ thuật của Cao Xuân Huy nằm ở chỗ làm cho tác phẩm của anh có được sức thuyết phục mạnh mẽ hơn cái nó vốn có trong thực tế.

Thích nhất là những mẫu đối thoại trong Tháng Ba Gãy Súng. Nó nguyên chất, nhưng không dư thừa và tầm thường. Nó chưa bị chảy qua cái máy lọc “văn chương triết lí” nào. Nó sống và chất. Và rất gần với chúng ta.

Trả lời câu hỏi động cơ nào khiến anh viết Tháng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy nói: “Không ai là không quay lại nhìn chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đồng phân mình vừa thải. Ngã là lỗi của chính mình và phân có thối cũng là phân của mình. Vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay lại nhìn cái lỗi đã làm cho mình ngã ngay trên đồng phân của mình, ngoài những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác”.

Tất nhiên câu nói của anh còn có chỗ phải bàn thảo lại, suy nghĩ thêm, nhưng ở đây trong khung cảnh đặc biệt của Tháng Ba Gãy Súng, câu nói đó có cách lí giải riêng của nó.

Trước khi cầm bút viết lại những ngày tháng của lịch sử một trận chiến mà mình là một chứng nhân, Cao Xuân Huy đã là một sĩ quan chiến đấu thuộc một binh chủng lừng danh chiến trường mà mọi người chúng ta đều nghe tiếng: Thủy Quân Lục Chiến.

Chiến trường, sống và viết, Cao Xuân Huy có đủ những yếu tố đó để viết những trang văn xuôi nóng bỏng của mình.

Cao Xuân Huy nói: “Đất nước ta đâu phải là một bàn cờ mà hễ đánh thua ván này thì xóa đi xếp quân làm lại bàn khác, mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân, đâu phải những con xe, con mã, con chốt đã chết đều có thể dựng đầu dậy để làm lại một trận đấu mới!”

Những suy nghĩ đó của anh không hề có ý định dừng lại ở chỗ chỉ là những điều viết ra để ngẫm nghĩ.

Khi trang cuối của Tháng Ba Gãy Súng được gấp lại, người đọc hình như vẫn cảm thấy còn một điều gì đó chưa xong chưa hết. Cái dấu chấm hết của mệnh đề sau cùng vẫn còn là một lời hứa hẹn sẽ mở ra một trang sách khác.

Dù sao những hình ảnh tàn nhẫn và khủng khiếp, những nỗi lo âu và hãi hùng vẫn còn đọng lại trong ta.

Vẫn còn đọng lại trong ta những địa danh, địa hình, địa điểm quen thuộc của một vùng đất quê hương khô cằn, cả thời tiết của đất trời mà da thịt ta vốn từng chịu đựng, và nhất là vẫn còn đọng lại trong ta hình ảnh những con người – trong đó có chúng ta – với số phận hẩm hiu cô quạnh bị bủa vây trong cơn cuồng nộ của những biến cố bạo tàn...

Tất cả những người và việc ấy chừng như mới xảy ra ngày hôm qua, vẫn còn luẩn quẩn đâu đây...

Với Tháng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy đã viết được “những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người”, điều mà Ernest Hemingway gọi là “trên đời này thật không có gì khó khăn hơn”.

Santa Ana, tháng Tư 1986

Nguyễn Xuân Hoàng

Tựa

Tôi không phải là một nhà văn, mà tôi chỉ là một người lính, lính tác chiến đúng nghĩa của danh từ, và những điều tôi viết trong quyển sách này chỉ là một câu chuyện, câu chuyện thật một trăm phần trăm được kể lại bằng chữ. Tôi viết những điều mà những thằng lính chúng tôi đã trực tiếp tham dự nhưng không ai viết lại, trong khi nhiều người đã viết về những chuyện chiến trường thì hình như chẳng có ai dự.

Trong lứa tuổi của tôi, lứa tuổi dưới mười khi theo gia đình di cư từ Bắc vào Nam, ngoại trừ những người có thân nhân ruột thịt bị giết bởi Việt Cộng, còn hầu hết, có bao nhiêu người thực sự căm thù Việt Cộng đâu, vì rõ rệt một điều là từ lứa tuổi tôi trở xuống, có đứa nào biết Việt Cộng là cái gì đâu. Cũng y như lứa tuổi dưới mười khi theo cha mẹ qua Mỹ từ năm 1975 ở đây bây giờ. Cũng thù ghét Việt Cộng vậy, nhưng chỉ là cái thù gia truyền, cha mẹ thù ghét thì mình cũng thù ghét theo thế thôi, chứ chẳng có gì là sâu đậm cả. Cho đến khi lớn lên, đầu óc đã tạm đủ để suy xét thì khổ một nỗi, hệ thống tuyên truyền của Việt Nam Cộng Hòa lại có giá trị phản tuyên truyền nhiều hơn là tuyên truyền. Cho nên khi vào quân đội, tôi tình nguyện vào đơn vị tác chiến thứ thiệt vì căm thù kẻ địch thì ít mà vì cái máu ngông nghênh của tuổi trẻ, vì bị kích thích bởi những cảm giác mạnh của chiến trường thì nhiều.

Tuy nhiên, vì ở một đơn vị thường xuyên tác chiến, cùng gian nguy, cùng sống chết với nhau nên tôi đã gắn bó với bạn bè, đồng đội trong đơn vị như với anh em ruột thịt. Tôi yêu đơn vị tôi, tôi yêu màu mũ, màu áo tôi, tôi yêu thuộc cấp tôi và tôi kính trọng thượng cấp tôi. Tôi bình thản chấp nhận mọi thói hư tật xấu của thượng cấp và thuộc cấp, và chính tôi cũng có quá nhiều thói hư tật xấu.

Nhưng, khi hai ông xếp lớn của tôi là đại tá lữ đoàn trưởng và trung tá lữ đoàn phó bỏ lữ đoàn gồm bốn tiểu đoàn tác chiến và các đơn vị phụ thuộc tổng cộng vào khoảng trên dưới bốn ngàn người trong cơn quần bách để chạy lấy thân thì lòng căm hận của tôi đột nhiên bùng dậy. Tôi giết Việt Cộng không gớm tay nhưng không bởi lòng căm thù vì giữa chúng tôi và Việt Cộng đã có lần ranh rõ rệt, hai bên

chiến tuyến hăn hòi, hễ cứ thấy mặt nhau là giết, dùng mọi mưu mọi cách để giết nhau. Còn đảng này, vừa mất niềm tin vừa tủi nhục vì những người mình vừa kính trọng vừa phải tuân lệnh một cách tuyệt đối.

Làm thuyền trưởng thì phải sống chết theo tàu, làm đơn vị trưởng thì phải sống chết theo đơn vị. Tôi muốn nói đến tinh thần trách nhiệm của người chỉ huy. Người có quyền hành mà không có trách nhiệm nào có khác gì kẻ phản bội. Chúng ta thua không phải vì kẻ địch mạnh mà vì trong hàng ngũ chúng ta có quá nhiều kẻ phản bội và hèn nhát. Chính vì lòng thù hận sự hèn nhát và vô trách nhiệm của cấp chỉ huy nên hình ảnh và diễn tiến những ngày cuối cùng trước khi cả lũ đoàn tan rã và bị bắt bởi khoảng hơn một đại đội du kích Việt Cộng vào nửa cuối tháng Ba năm 1975 đã như một cuốn phim nằm in trong trí nhớ của tôi, chỉ cần một cái ấn nút là được chiếu lại một cách rõ nét với đầy đủ những suy nghĩ và phản ứng của tôi, với từng diễn tiến nhỏ mà tôi đã phải trải qua.

Tôi ôm cái kỷ niệm đau đớn và tủi nhục này cả chục năm nay, qua những năm tù đầy, qua những ngày tháng lang thang ở trại tỵ nạn, qua đến Mỹ, tôi đọc được lời tuyên bố của một ông tướng cũ nào đó trên báo đại khái “Để mất nước là tội chung của mọi người, làm lớn thì tội lớn, làm bé thì tội bé”. Tôi nghĩ ngay đến một điều là những thằng đâm sau lưng chiến sĩ có tội, và những thằng chiến sĩ đưa lưng cho xếp của mình đâm cũng có tội luôn. Điều này đã là cái ấn nút để tôi kể lại câu chuyện này.

Điều tôi muốn nói trong quyển sách này là không ai là không quay lại nhìn chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đồng phân mình vừa thái. Ngã là lỗi của chính mình, và phân có thói cũng là phân của mình, vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay nhìn lại cái lỗi đã làm cho mình ngã lên ngay trên đồng phân của mình, mà chỉ có toàn những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác, can đảm lắm cũng chỉ dám nhận một cái lỗi chung chung “lớn lỗi lớn, bé lỗi bé” đúng theo cái kiểu “Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”. Thằng thất phu còn có lỗi thì còn ai mà không có lỗi, tôi cũng đành có lỗi vậy.

Tôi không nhớ câu này của ai: “Cái đám quân thần của triều đình cũ chẳng có gì phải ngại cả, vì khi có quân có quyền trong tay họ còn chẳng làm được trò trống gì, thì bây giờ, chỉ còn trơ lại có mỗi cái thân giá áo túi cơm, hỏi rằng họ sẽ làm được gì hơn ngoài cái giá và cái túi”.

Đâu phải đất nước ta là một bàn cờ để hễ đánh thua ván này, xóa đi xếp quân làm lại bàn khác mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân. Đâu phải những con xe, con mã, con chốt đã chết đi đều có thể dựng đầu dây để làm lại một trận mới.

Trí đã không mà dũng cũng không, chỉ có mỗi cái tài dờ dờ ương ương là sử dụng một cách bừa bãi cái dũng của người khác đến nỗi phải bỏ cả đất nước mà chạy, đánh lừa để bỏ hàng triệu thằng dám chiến đấu tới cùng vào trong những trại tù đò, vậy mà vẫn còn dám chường mặt ra đòi tiếp tục làm cha mẹ dân thì quả là quá lắm lắm. Cái dĩ vãng thối tha và hèn nhát thì dù cho người đương thời có thể bỏ qua, nhưng lịch sử đâu có tha thứ. Vẫn cái chính danh là chống Cộng nhưng cái ngôn của các ông trước kia làm xếp lớn đã không thuận rồi, bây giờ phải để cho lớp người mới. Với tư thế mới, họ mới là những người thuận ngôn. Danh chính ngôn thuận mới có thể thắng được Việt Cộng, khôi phục lại được đất nước. Những con chốt thấp cổ bé miệng, những thằng bị đè đầu sai khiến ngày xưa và những người mới lớn bây giờ mới có quyền nói và mới là người có tư cách làm.

Quyển sách này không hề là một tiểu thuyết mà là một hồi ký. Bởi vì tôi chưa từng là một người cầm bút và tôi cũng không biết cách sắp xếp câu chuyện như thế nào. Tháng Ba thì mọi người đã rõ, còn Gãy Súng, tôi muốn nói lên một điều đau lòng cho những thằng lính cầm súng, khẩu súng mà không có đạn thì giá trị không bằng một khúc củi mục, chính tôi đã dẫn đại đội xung phong lên chiếm mục tiêu mà chỉ bắn bằng mìn. Súng của chúng tôi có phải là đã bị bẻ gãy không khi mà vẫn có thể tiếp tế đạn cho chúng tôi để chúng tôi chiến đấu? Ai đã bẻ gãy súng của chúng tôi? Tôi đặt chữ Gãy Súng cho quyển sách này là như vậy.

Và tôi gọi Tháng Ba Gãy Súng là hồi ký vì tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về những điều tôi viết, tất cả những địa danh, những tên người, tên đơn vị, tất cả những diễn tiến đều là thật, thật một trăm phần trăm. Tôi không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào, chắc chắn là tôi đã quên khá nhiều chi tiết, và với cấp bậc và chức vụ thấp kém của tôi, chắc chắn là có rất nhiều dữ kiện mà tôi đã không được biết. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy, tai nghe, những điều tôi đã nhận lệnh và đã thi hành.

Nếu Tháng Ba Gãy Súng là tiểu thuyết thì tôi lại phải thêm một câu màu mè đại khái “những nhân vật và những sự việc đều do sự tưởng tượng của tác giả, mọi sự trùng hợp chỉ là ngẫu nhiên ngoài ý muốn...”, trong khi tôi chỉ có một điều ngoài ý muốn là tôi đã không đủ khả năng để viết tất cả những điều tôi phải viết.

Cao Xuân Huy

Một

Tôi và thằng bạn lang thang khắp các quán nhậu, quán bia ôm trong thời gian thành phố đang xôn xao về chuyện mất Ban Mê Thuật. Vừa mới xong vụ Phước Long thương khó, bây giờ lại đến Ban Mê Thuật “khó thương”. Không biết lần này những nơi ăn chơi của trai thanh gái lịch Sài Gòn có bị đóng cửa ba ngày như lần trước không? Nhưng cả chuyện mất Ban Mê Thuật lẫn chuyện đóng cửa những nơi du hí chẳng ăn nhậu gì đến bọn tôi cả. Cho dù tất cả những quán bia ôm bị đóng cửa, bọn tôi vẫn có thể lê la những quán cóc lề đường. Hơn nữa, lúc này đã vào nửa cuối tháng lương mà ngày vui chắc chắn sẽ còn rất dài nên chuyện ngồi quán cóc lại là điều hợp lý và hợp tiền. Thành ra với bọn tôi, nhậu cái gì cũng là nhậu. Chúng tôi cần nhậu và sau đó xuống xóm tìm chị em ta, thật giản dị và dễ tính. Quán cóc và các xóm chị em ta bảo đảm là không bị ảnh hưởng một tí gì về chuyện thành phố phải để tang cho một địa danh nào đó vừa mất.

Tôi cũng vậy. Phước Long mất; Ban Mê Thuật mất; Pleiku, Kontum đang chuẩn bị mất tôi xem như “nơ pa”, bởi vì tôi sống và lớn lên ở Sài Gòn nên tôi đã thừa hưởng trọn vẹn cái thói thân nhiên, cái tính phớt tỉnh Ăng Lê hơn người Ăng Lê của dân Sài Gòn. Thành thử một địa danh nào đó dù lớn dù nhỏ, vừa mất đi hay vừa chiếm lại được nếu không ăn nhậu gì đến chuyện làm ăn của mình, chuyện mất mát người thân của mình hay ảnh hưởng đến chuyện ăn chơi của mình thì dĩ nhiên không phải là chuyện của mình. Tiếng súng ở ngoài tầm tai của mọi người mà. “Tôi vẫn sống, tôi vẫn ăn và tôi vẫn thờ...”.

Tôi đã trú đóng một thời gian ở Ban Mê Thuật, cũng có một ít kỷ niệm lãng nhãng về tình cảm ở Ban Mê Thuật. Nhưng tôi không có tài sản, tôi không có thân nhân đang ở hay đang đánh đấm ở Ban Mê Thuật, và những nơi ăn chơi của tôi ở Sài Gòn không bị ảnh hưởng bởi chuyện mất Ban Mê Thuật, nên một năm mười hai tháng, chỉ có mấy ngày là được ăn nhậu thoải mái, không phải lo bất cứ chuyện gì, vậy thì tại sao tôi phải bận tâm về những chuyện không phải của mình? Mất hay không mất Ban Mê Thuật thì đã sao?

La cà ở các quán nhậu và sau đó xuống xóm đã là một chương trình bất di bất dịch trong những lần phép ở Sài Gòn. Đã có lần tôi viết thư cho một người bạn kể về những lần phép và những ngày phép của tôi: “Ở Sài Gòn, suốt ngày tao chỉ ngồi và nằm, ngồi với rượu và nằm với gái, vì cả năm sau đó tao không còn được ngồi và nằm thoải mái nữa, và chưa chắc tao đã có thêm được một lần phép kế tiếp. Lý do thật giản dị là mỗi buổi sáng mở mắt ra mới biết là mình đã sống thêm được một ngày”.

Thời gian này tôi chỉ tiếc một điều là Rex vừa chiếu một xuất đặc biệt phim Exorcist để lấy tiền giúp đồng bào chạy loạn; giá vé thật đắt nhưng đã hết nhẵn từ chiều, kể cả vé chợ đen đắt gấp ba bốn lần giá vé chính thức. Tôi đến trễ nên không mua được vé. Không hiểu cả năm nữa tôi mới được về, chắc gì đã đúng vào dịp phim này được chiếu lại. Tôi tiếc không phải vì tôi đã không được đóng góp chút đỉnh tiền theo kiểu trước mua vui sau làm việc nghĩa để cứu giúp đồng bào mình, mà vì phim này được quảng cáo hấp dẫn quá, tôi muốn được xem đã từ lâu rồi. Thôi thì lại nhậu.

Đến ngày hết hạn trên giấy phép tôi ra trình diện hậu cứ ở Vũng Tàu để gia hạn, vì tôi đã lên máy bay rời Huế chậm hơn ngày ghi trong giấy phép. Đường Sài Gòn – Vũng Tàu lúc này hơi mất an ninh nên những chuyến liên lạc giữa hậu cứ tiểu đoàn với Bộ tư lệnh ở Sài Gòn thưa hơn trước. Trong khi chờ đợi quyết định của tiểu đoàn trưởng ở hành quân, tôi la cà ở Bãi Trước để tránh phải nghe chuyện ngồi lê đôi mách, nói xấu nhau của những bà vợ sĩ quan ở khu gia binh của hậu cứ.

Ăn nhậu ở đây quá phí tiền nên không đợi tiểu đoàn trưởng gia hạn giấy phép – tôi biết chắc chắn là tôi sẽ không được gia hạn – và cũng không đợi để đi theo chuyến liên lạc, tôi tự động coi như mình đã hợp lệ chuyện kéo dài ngày phép, tôi lên xe đò về Sài Gòn sau một chiều nhậu say mềm với bọn đệ tử ở hậu cứ. Thủ hai quả lựu đạn trong túi quần cho chắc ăn, nhưng vừa bước chân lên xe tôi đã ngủ như chết. Về đến Sài Gòn tên lơ xe còn phải lay một hồi lâu tôi mới tỉnh.

Tôi lại liên miên sáng xin chiều say tối nằm quay với gái, mặc dầu đã hết cả những ngày phép tự gia hạn. Nhưng nhằm nhò gì, tôi vẫn còn những ngày phép tự ký nữa vì tôi là một thằng có biệt tài trể phép. Tùy cơ ứng biến, tôi có trăm phương nghìn kế để trể phép mà không bị phạt. Tôi đã từng đi hai mươi tám ngày trong khi phép chỉ có bốn ngày, ra đơn vị cũng chỉ cười trừ. Lần đi phép này, tôi đã không định trể, nhưng vì tôi đã bị tiểu đoàn trưởng giữ lại đơn vị đến qua Tết ta trong khi giấy phép của tôi đã được gửi về hậu trạm trước Noël, nên không lý do gì mà tôi không trể phép để bù lại sự thiệt thòi vô lý đó.

Suốt bảy năm lính tôi chỉ được ăn Tết lén ở Sài Gòn một lần vào đầu năm 70 vì tôi tình nguyện đi học khóa Rừng Núi Sinh Lầy ở Dục Mỹ để câu giờ kiếm cái Tết. Để trả thù vì bị mất khời khời một cái Tết huy hoàng ở Sài Gòn tôi tính phải trể phép một tháng tức là phải ở Sài Gòn một tháng rưỡi mới hả dạ. Tôi được phép thưởng đặc biệt mười lăm ngày, cho nên đã hết những ngày phép tự gia hạn, tôi còn đến một tháng phép tự ký nữa. Thiếu một thằng sĩ quan tại một đại đội lúc nào cũng có sẵn hai, ba thằng sĩ quan dự bị thì đâu có nhằm nhò gì, mợ đi lấy chồng thì chợ vẫn vui mà.

Nhưng chợ đã không vui.

Chiều 15 tháng Ba, tôi gặp thiếu úy Bé Quân Cảnh vừa từ Bộ tư lệnh hành quân về, cho biết tiểu đoàn tôi đang đụng lớn. Tiểu đoàn tôi nằm ở cây số 23 về phía bắc trên quốc lộ 1 tính từ Huế. Khu vực trách nhiệm của tiểu đoàn từ bờ bắc sông An Lỗ ra đến căn cứ Hòa Mỹ. Sát sông An Lỗ là hai làng Cổ Bi và Hiền Sĩ, nơi đã xảy ra những trận đánh lớn sát quốc lộ, và hiện nay vẫn đang bị đặc công và du kích quấy phá, nhưng chỉ là quấy phá chứ không có gì đáng ngại. Sát căn cứ Hòa Mỹ là làng Đồng Lâm, một cái làng mà hầu như từ trường ấp trở xuống đều là Việt Cộng. Phía đông là bãi cát mênh mông, có một ít dân Quảng Trị chạy loạn về tạm cư lập thành một vài xóm nhỏ, tương đối an toàn. Còn về phía tây của vùng trách nhiệm, nơi đối diện thực sự với Việt Cộng, nơi mặt đối mặt, có chạm tuyến, có điểm đóng quân, nơi phía tây này có một trọng điểm là đồi 51. Từ đồi 51, chúng tôi có thể quan sát được những cuộc chuyển quân, kiểm soát được những hoạt động tại các vị trí của Việt Cộng, và cũng từ đồi 51, Việt Cộng có thể kiểm soát được các vị trí đóng quân của

chúng tôi, kể cả một đoạn quốc lộ 1. Việt Cộng có thể dễ dàng liên lạc với bọn du kích nằm trong làng Đồng Lâm, nằm ngay sát quốc lộ và ngay bên cạnh căn cứ Hòa Mỹ.

Nếu tiểu đoàn tôi đụng lớn, chắc chắn là đụng tại đồi 51. Tính theo vòng thay đổi điểm đóng quân trong tiểu đoàn thì đại đội tôi đang nằm ở đồi 51.

Ban Mê Thuật mất không ăn nhậu gì đến tôi. Người ta đang bỏ Pleiku, Kontum cũng chẳng nhằm nhò gì đến tôi. Nhưng đồi 51, một ngọn đồi nhỏ không có tên, chúng tôi phải lấy cao độ của nó để đặt cho nó một cái tên cho dễ gọi, nơi mà không một người Sài Gòn nào nghe nói đến, nơi mà dù có mất nó cũng không đáng để cho người ta xê dịch cái kim hay đổi màu bút chì mờ trên bản đồ chiến sự trong những báo cáo hằng ngày, nơi mà bản tin chiến sự hằng ngày của đài phát thanh quân đội cũng không buồn đọc, nơi mà báo chí hằng ngày cũng coi như không đáng đăng bằng tin xe cán chó, thì chính nó, cái đồi trọc lóc, nhỏ xíu và lùn tịt nằm ở cực bắc Việt Nam Cộng Hòa, lại là điều rất quan trọng đối với tôi, đã làm tôi bỏ ăn bỏ nhậu, đã làm tôi đang phê phởn phải tìm mọi cách ra đến nơi càng sớm càng tốt. Nó mạnh hơn những ngày phép trả thù của tôi, nó hạ đo ván tất cả những lý do, những cái mách tôi đang sắp xếp để qua mặt Tiểu đoàn trưởng, vì đó là ngọn đồi mà đại đội tôi đang trấn đóng, nơi mà anh em bè bạn, thầy trò của tôi không biết thăng sống thăng chết ra sao.

Sáng 16 tháng Ba, tôi lên trình diện Bộ tư lệnh, phòng Tư cho biết ít ra phải cả tuần nữa mới có được tên trong danh sách của chuyến bay ra Đà Nẵng – phi trường Phú Bài đã không sử dụng được vì nằm trong tầm pháo của Việt Cộng. Lúc ăn điểm tâm tại Thị Nghè sáng ngày 17 tôi đã năn nỉ thượng sĩ Tuấn, người phụ trách lập danh sách cho các chuyến bay của Sư đoàn để được có tên trong chuyến bay ngày 18.

Chiều 17 tháng Ba, tôi chào gia đình để đi. Bà ngoại ôm tôi khóc. Mẹ tôi không muốn tôi đi. Và cậu tôi – tuy là em của mẹ tôi nhưng ông mới chính là bố tôi vì ông đã nuôi tôi từ ngày còn đồ hỏn cho đến khi

tôi bước chân vào đời – khuyên tôi nên đào ngũ vì tình hình theo ông biết là Mỹ sẽ bỏ rơi Việt Nam. Ông nói:

“Tình hình lúc này không còn được như trước nữa đâu con ạ! Những người Mỹ cậu quen đã lục tục về nước gần hết, chỉ còn ít người ở lại để thu xếp công việc, cậu chắc là rồi họ cũng sẽ đi nay mai gì đó thôi. Tốt nhất là con nên ở nhà để còn lo liệu cho gia đình. Nhà mình chỉ có cậu với con là đàn ông thôi.”

Tôi tin là ông nói thật. Dĩ nhiên là ông không nói hết những điều ông biết nhưng ông cho tôi một lời khuyên gói trọn tất cả những điều ông cần nói. Sự quen biết của ông đủ để bảo đảm những điều ông nói nên tôi tin là ông thực sự muốn tôi đào ngũ ở nhà để tránh phải húc đầu vào những trận đánh vô ích. Nhưng tôi không nghe lời ông. Chắc chắn là Mỹ không bỏ Việt Nam, bao nhiêu xương máu và của cải của Mỹ đã đổ xuống đây rồi. Và hiện giờ Mỹ chỉ không tăng viện trợ chứ Mỹ đâu có cắt hết viện trợ. Chúng tôi đã chẳng phải chiến đấu theo kiểu nhà nghèo từ sau ngày ngưng bắn rồi ư. Còn một điều nữa là bạn tôi, anh Phát làm ở Hạ Viện, cho biết là sẽ cắt đất hoặc ở An Lỗ hoặc ở Lăng Cô.

Hơn nữa, còn đồng đội tôi, còn đàn em tôi, còn danh dự tôi. Tôi sẽ ăn nói thế nào với họ khi mà tôi, thằng Huy Râu của tiểu đoàn 4 đào ngũ khi đơn vị đang trận. Riêng chuyện trể phép trong khi đại đội bị tấn công ở đồi 51 đã không đủ nhục hay sao, không lẽ bây giờ tôi lại bỏ mặc tội nó, đào ngũ để lo cho thân mình vì chuyện khó tin chưa xảy ra. Không, cậu tôi nói thật nhưng chỉ là điều ông căn cứ vào những tin tức từ bạn bè, người quen của ông; còn tôi, tôi không thể nghe lời ông vì tôi không muốn là một thằng hèn. Tôi nói với ông: “Sống chết sướng khổ gì cũng có số hết cậu ạ. Cháu không muốn phải ngượng mỗi lần gặp lại bạn bè, đồng đội.”

Tôi không phải là một người hùng, nhưng tôi cũng không phải là một người hèn. Tôi chỉ là một người lính, lính của một binh chủng chuyên môn đánh trận và chỉ nhận những người tình nguyện; tôi phải xứng đáng với màu mũ tôi đang đội, màu áo tôi đang mặc, và hơi cá nhân một chút, tôi phải xứng đáng với cặp lon tôi đang đeo... Nhưng tôi cũng không phải là một người lính gương mẫu, đúc khuôn theo

những điều được huấn luyện trong quân trường, thi hành đúng 8 điều, 10 điều tâm niệm của mấy ông Chiến Tranh Chính Trị đề ra mà chính mấy ông ấy lại không bao giờ thi hành. Tôi là một thằng lính ba gai, cò bạc, rượu chè, trai gái đủ cả nhưng đánh giặc cũng rất tận tình. Chưa một ai, thượng cấp cũng như thuộc cấp, phải than phiền về tôi trong những trận đánh.

Trưa 18 tháng Ba, ra đến Đà Nẵng, tôi phải ngủ lại một đêm vì không có xe ra Huế. Bộ tư lệnh hành quân đang chuyển từ Hương Điền Huế vào căn cứ Non Nước Đà Nẵng. Xe cộ đang dành ưu tiên để chuyển các tiểu đoàn của Lữ đoàn 258 và 369 vào Đà Nẵng thay cho các tiểu đoàn Dù rút về Sài Gòn.

Ngoại trừ phi trường Đà Nẵng rất đang chộn rộn về những đồng quan tài phủ cờ được đưa về Sài Gòn và những người dân Pleiku, Kontum được di tản bằng máy bay đến, nhịp sống của những người dân trong thành phố hình như không có gì thay đổi. Tôi và mấy người lính cùng tiểu đoàn lại lang thang trong thành phố để tìm các quán nhậu và xóm chị em ta. Cà phê, xi nê, vũ trường vẫn đông đảo tấp nập. Buổi tối chúng tôi còn kéo nhau đến xem hội chợ tại một trường nữ trung học nhân dịp lễ kỷ niệm một nữ anh hùng nào đó trong lịch sử mà tôi không nhớ. Người ta vẫn ăn diện, người ta vẫn chơi bời, người ta vẫn vui vẻ thoải mái, đường xá vẫn rất nhộn nhịp. Sinh hoạt bình thường này đã làm yên lòng những người dân vừa từ Quảng Trị và Huế chạy vào.

Căn cứ chuyển vận vẫn tối tăm, hơi hám và bẩn thỉu như thuở nào, vẫn nhộn nhịp và ồn ào vì chưa bao giờ được yên tĩnh. Những ông già mệt mỏi và những người đàn bà xốc xếch đang vật vã khóc quanh những quan tài phủ cờ được mang đến ở đây không biết từ lúc nào, và cũng không biết đến bao giờ mới được mang đi. Máy bay đã không còn chỗ cho những chiếc quan tài này, và đường thủy cũng chỉ nhận mỗi ngày một số rất hạn chế.

Có cả xác của những người lính của tiểu đoàn tôi đã nằm đợi ở đây bốn, năm ngày. Và thân nhân của họ ở đâu miệt lục tỉnh cũng đã ra đến, xác của họ phải được mang đi gấp vì họ chết ít ra cũng đã hơn một tuần, không hiểu thứ tự ưu tiên của căn cứ được sắp xếp thế

nào mà xác họ vẫn còn để đây. Và điều này cũng làm tôi thắc mắc là từ ngày Sư đoàn tôi ra Quảng Trị, chúng tôi vẫn có những chuyến bay riêng để tiếp tế, tải thương, tải xác... tại sao bây giờ chúng tôi lại phải tải xác qua hệ thống chuyển vận của căn cứ này? Tôi được yêu cầu đứng ra can thiệp nhưng chẳng đi đến đâu cả, chỉ nhận được những lời hứa, mà lời hứa thì giá trị khi gì trong lúc này!

Chúng tôi lại kéo nhau ra cái quán nằm xế cồng căn cứ nhậu tiếp. Lại nhậu, mặc dầu mấy thùng chỉ còn một cây thuốc Capstan đem theo để đổi rượu. Tại quán nhậu, tôi gặp mấy người lính Lôi Hồ đóng tại Đà Nẵng, họ cho biết nửa khuya này họ phải nhảy vào Ban Mê Thuột. Tôi nghĩ bụng quả là chó má khi cố tình giết thêm một ít người nếu đúng như họ phải nhảy vào Ban Mê Thuột. Hy vọng điều này không đúng với sự thật. Quyết định thí quân hay quyết định sai lầm của một cấp chỉ huy có thể giết chết hàng đơn vị lớn cũng không đáng trách, nhưng quyết định thả một toán lính vào một nơi mà hàng sư đoàn không chống giữ nổi, kéo theo cả một quân đoàn phải rút chạy thì cái chết của họ phí quá. Ai là người chịu trách nhiệm về những cái chết kỳ cục vô ích này? Lính cũng là người chứ đâu phải đồ chơi cho những ông xếp lớn!

Trưa 19 tháng Ba, tôi ra đến Huế. Sinh hoạt ở đây rất vội vã, vội vã chứ không ồn ào. Hình như người dân ở đây đã quá quen với những lần phải bỏ nhà bỏ cửa chạy lấy người, và hình như những người chuyên gây ra chuyện ồn ào đã bỏ chạy từ trước rồi. Những người nhà giàu đã vào Đà Nẵng hoặc Sài Gòn, những người trung lưu cũng đã vào Đà Nẵng trú thân, cái vội vã chỉ xảy ra ở những người buôn bán nhỏ, hoặc ở những người còn cố nán lại ở thành phố để kiếm thêm chút “cháo”.

Tôi cũng vội vã không kém. Tôi phải mua ít đồ lặt vặt để đi gấp ra tiểu đoàn trong buổi chiều để còn kịp về đến đại đội trước khi trời tối. Tôi không thể đợi đến ngày hôm sau đi theo chuyến tiếp tế vì tiểu đoàn trưởng ra lệnh tôi phải ra hành quân ngay trong ngày bằng mọi giá. Vả lại, tôi cũng không thích nhìn thành phố Huế đang trên đà gãy chết này nên ra hành quân cho êm chuyện.

Xuống xe tại sân tiểu đoàn, tôi gặp một thiếu tá rất lạ mặt đang đứng với tiểu đoàn trưởng ở cửa lều ban Ba. Tôi trình diện. Ông thiếu tá lạ hoắc đó tên là Thành cũng mang bảng tên màu đỏ của tiểu đoàn. Ông bắt tay tôi và hỏi tiểu đoàn trưởng:

“Ông sĩ quan này đây hả?”

Nghe câu này, tôi biết chắc là hai người đã nói chuyện về tôi, và dĩ nhiên không phải là nói tốt. Nhắm nhò gì! Tiểu đoàn trưởng không trả lời, quay sang nói với tôi:

“Đụ mẹ, ông về đại đội liền bây giờ.”

“Đại đội tôi nằm đâu, thiếu tá?”

“Đụ mẹ, không biết, ông đi cho khuất mắt tôi đi!”

Tiếng chửi thề của ông rất nhỏ nhưng tôi biết ông chửi thề vì thấy môi ông mấp máy trước khi nói. Tôi chào và quay đi với một chút thích thú, đâu phải thằng nào cũng làm cho “Hitler” chửi thề được, dù chỉ chửi lảm bảm trong miệng. Ông đuổi tôi đi ngay lập tức, tức là tôi không phải trả lời ông về lý do trể phép, dĩ nhiên như vậy tôi đâu có bị phạt. Ra đến Huế, hậu trạm đã cho tôi biết đại đội bị “banh ta lông” ở đồi 51 không phải là đại đội tôi, như vậy, cái gánh nặng trong người tôi đã được trút bỏ, chỉ còn mỗi cái gánh nhẹ nhẹ là bị phạt này bây giờ cũng được tháo bỏ nốt.

Trung úy Xuân đại đội trưởng đại đội chỉ huy cho tôi biết là thiếu tá Thành sẽ thay thế thiếu tá Toàn làm tiểu đoàn trưởng, hẳn là hai ông đã bàn giao cả cái ba gai của tôi. Đại úy Phó đang tập sự làm trưởng ban Ba để đi với thiếu tá Toàn qua tiểu đoàn 18, đại đội 3 của đại úy Hiếu đã qua tiểu đoàn 14 trước, còn đại đội mới thành lập của đại úy Chiêu nay trở thành đại đội 3 đã “banh” mất nửa đại đội tại đồi 51, thiếu úy Sáng đại đội phó chết cùng với lính, trong số chết có thằng Hiếu, tên cao bồi ruột của tôi.

Khi thành lập đại đội mới, tôi chắc chắn là qua làm đại đội trưởng nên đã đưa Hiếu qua trước để khi tôi qua khỏi bị rắc rối giấy tờ, nhưng cuối cùng đại úy Chiêu làm đại đội trưởng và thiếu úy Sáng làm đại đội phó, tôi gửi Sáng thằng Hiếu, đâu ngờ tôi đã gửi thằng Hiếu cho cái chết.

Tôi cũng được biết đáng lẽ đại đội 4 tôi lên năm đồi 51 theo đúng vòng luân phiên nhưng vì thiếu đại đội phó -là tôi- nên đại đội 3 đã lên thay. Như vậy, chuyển đi phép của tôi đã cứu tôi và cứu nửa đại đội của tôi, nhưng chuyển đi phép của tôi đã làm chết oan Sáng và nửa đại đội của Sáng. Đồi 51 đã được đại đội 2 lấy lại sau đó một ngày, giải thoát được một tiểu đội còn bám lại và lấy lại toàn bộ vũ khí bị mất, chỉ thiếu có bộ phận máy nhắm của một khẩu súng cộng đồng, đồng thời tịch thu được khá nhiều vũ khí. Xác lính thiếu mấy cái được kể như mất tích. Xác thiếu úy Sáng còi trần và không có thể bài, được nhận diện bằng cái ống quần chặt cổ hữu và cái khóa thắt lưng đặc biệt, loại chỉ có khung mà không có mặt.

Sáng và tôi ở hai đơn vị khác nhau, học cùng một khóa ở Rừng Cấm, trung tâm huấn luyện của sư đoàn, cùng về đại đội một ngày, tuy mỗi thằng chỉ huy một trung đội nhưng thường đi cặp với nhau trong những trận ủa bãi. Hai thằng tôi còn là một cặp tri kỷ về nhậu. Sáng, tôi và Thiện – đã đi đơn vị khác – được mệnh danh là ba cái nấp nhạo. Sáng đeo lon chuẩn úy hơi lâu trên cổ – bốn năm – mà không vì một lý do nào hết, là một trung đội trưởng kỳ cựu nhất tiểu đoàn – hơn ba năm – nên vừa lên thiếu úy vài tháng đã được làm đại đội phó. Cuộc đời binh nghiệp của Sáng khá lặn dạn mặc dầu là một người rất tôn trọng kỷ luật chứ không thuộc loại mất dạy như tôi. Bây giờ lên lon, lên chức liên tục dù rằng đã trễ, tưởng rằng sự nghiệp kaki sẽ khá hơn chút đỉnh, nào ngờ lương thiếu úy chưa được lãnh, hồ sơ chức vụ đại đội phó chưa điều chỉnh xong thì đời Sáng đã xong.

Khi địch tràn ngập vị trí phòng thủ ở đỉnh đồi, Sáng đã xin pháo binh bắn thẳng vào đầu mình, không khóa, không mã, không nguy, không ám danh đàm thoại gì hết trên hệ thống truyền tin, tiếng Sáng ngắn gọn sau một tiếng chửi thề: “Đụ mẹ, nó đông quá, chụp lên đầu tao!” Pháo đã chụp lên đỉnh đồi và hai chiếc máy bay cũng nhắm thẳng đỉnh đồi mà dội.

Cái chết thật anh hùng nhưng cái chết thật vô danh – đã đành -. Cái sống anh hùng của cả một tiểu đội vẫn bám chặt, vẫn chiến đấu trên ngọn đồi đã bị địch tràn ngập cho đến khi được giải cứu, đã chỉ được nhắc nhở đến như một tin tức bình thường. Có vô tình quá không,

mặc dù ai cũng hiểu một vài điều khích lệ lúc này, một chút cử chỉ quan tâm lúc này còn giá trị hơn một triệu hành động tuyên truyền chiến tranh chính trị. Tôi thắc mắc không hiểu tiểu đội anh hùng này là người hùng riêng của tiểu đoàn 4 hay họ cũng là anh hùng của cả binh chủng, của cả quân đội. Chắc chỉ có những ông xếp lớn chết hoặc sống hơi “ngon” một chút mới đáng là anh hùng, còn những thằng cỡ thiếu úy Sáng, cỡ tiểu đội cố thủ trên đồi 51 này thì là “cái mẹ gì”. Quân đội không thiếu những anh hùng cỡ là “cái mẹ gì” mà thành ra thiếu anh hùng một cách trầm trọng. Tôi sức nhớ lại một trong những người là chiến sĩ xuất sắc thuộc tiểu đoàn tôi về dự đại hội chiến sĩ xuất sắc ở Sài Gòn năm 73 là người quanh năm suốt tháng ở hậu cứ, hầu như suốt cuộc đời nhà binh chưa hề nghe một tiếng súng bắn ngược. Hoan hô những người hùng.

Tôi hỏi trung úy Xuân:

“Đại đội tôi nằm ở đâu ông?”

“Chỗ cũ, đến đường rầy quẹo trái.”

Tôi ra khỏi chỗ đóng quân của Ban chỉ huy tiểu đoàn, băng ngang quốc lộ đi dọc lên phía bắc, qua chợ Đông Hòa cũ, mặc dù hôm đi phép tôi còn ngồi ở góc chợ uống bia chờ xe đồ, nhưng bây giờ chưa đầy một tháng vắng mặt, tôi đã phải gọi là cũ vì nó chỉ còn trơ ra những cái xập cháy dờ và những tấm vách nằm ngổn ngang đầy những dấu đạn đại bác. Tôi quẹo trái vào con đường đất đỏ dẫn vào phía núi.

Con đường nhỏ dẫn vào chân núi này rất quen thuộc với tôi nhưng bây giờ lạ hẳn. Ngay từ căn nhà đầu tiên, quán nhậu của mẹ con cô giáo Hương đã không còn nguyên vẹn, mái tôn đổ ụp xuống làm văng tung tóe những tấm ván thùng đạn pháo binh được đóng làm vách, căn nhà bên cạnh, tiệm hớt tóc miền quê cũng không còn cái cọc nào đứng nguyên. Suốt một dọc, những căn nhà ven chợ này đều có chung hình dạng tan nát của cái chợ. Càng vào sâu, nhà cửa càng tan hoang, dấu vết của những đợt pháo kích khủng khiếp.

Qua hết khu “thị tứ” ven chợ, băng qua một vùng sinh lớn, tôi đến khu trong. Gọi là khu trong vì có đám sinh ngăn cách với khu buôn bán bên ngoài chứ thực ra chỉ có lều tèo vài căn nhà lụp xụp để ở.

Khu trong còn nguyên vẹn. Tôi đến gần, một bà sư từ trong nhà đi ra, gọi tôi hỏi: “Răng eng đi giờ ni mà đi có một miếng?”

Câu hỏi làm tôi sửng người. Mặt trời đã lặn, tuy còn thấy rõ mặt người nhưng chỉ là ánh sáng phản chiếu mà đường vào đến đại đội tôi còn xa. Bây giờ tôi mới chợt để ý là khu này không còn người dân nào, vì nhà cửa họ cháy hết đã đành, mà tình hình lúc này không còn phải là tình hình của những ngày tôi chưa đi phép. Nhìn xuống khẩu súng, tôi nổi gai ốc khắp người, súng tôi không có đạn.

Bằng động tác rất tự nhiên, tôi kê khẩu súng lên túi đạn bên hông – dĩ nhiên túi đạn cũng rỗng – đứng nghiêng người để bà sư không thể nhìn thấy chỗ lắp băng đạn của khẩu M-16 tôi cầm trên tay đang rỗng tuếch. Tôi trấn tĩnh rất nhanh.

“Có lính ra đón tôi. Tại sao bà lại ở đây có một mình?”

“Tui tu hành mà eng. Eng đi cho cẩn thận chứ mấy hăn thường ra giờ ni nớ.”

Tôi bước đi, trong đầu không còn nghĩ đến Sáng, không còn nghĩ đến Hiếu, không còn nghĩ đến hùng đến hèn gì nữa mà chỉ còn nghĩ đến mình. Tôi đã quá cầu thả để không hỏi rõ tình hình, để không lấy vài băng đạn đem theo, để không gọi máy về đại đội gọi lính đi đón. Sự cầu thả này không thể chấp nhận được. Cái lỗi này chỉ cần một chút “xui” là không bao giờ còn vấp phải lần thứ hai vì chắc chắn không còn lần thứ hai nào nữa để mà vấp phải. Tôi bước đi, hấp tấp nhưng phải cố làm ra vẻ như mình không hấp tấp, mắt đảo thật nhanh, lảo liên như một thằng ăn cắp, nhưng lại phải rất kín đáo nhìn lại phía sau, súng không có đạn mà lúc nào cũng phải nắm lấy tay cầm của khẩu súng trong tư thế sẵn sàng bắn, nhưng dĩ nhiên phải giấu phía gần băng đạn quay vào người. Cứ trong tư thế mâu thuẫn như vậy tôi đi. Trời không lạnh mà tôi run, trời không nóng mà tôi toát mồ hôi. Bàn tay phải đã ướt nhẹp mà tôi không dám rời tay cầm của khẩu súng để lau. Tôi phải giữ đúng tư thế sẵn sàng tác chiến với hy vọng may ra đánh lừa được tên du kích nào lấp ló ở đâu đó chẳng. Tôi cố gạt phất ý nghĩ là nếu thằng du kích nào đó có súng thì cho dù tôi có ở tư thế “hiên ngang” như thế nào đi nữa thì nó vẫn có thể “tĩa” tôi một cách dễ dàng. Nhưng với tư thế này của tôi, biết đâu nó có

thể nghi rằng đằng sau tôi đang còn một tốp lính nữa mà tôi chỉ là thằng xích hầu, nếu chỉ có một mình chắc chắn nó sẽ không dám bắn. Một cú tháu cáy cạn lảng mà tôi chỉ có đôi bạt mặt.

Sự bình tĩnh gần như chỉ còn là phản ứng không phải của tôi, được tăng lên theo sự rút ngắn của đoạn đường, nhưng lại giảm xuống theo sự mất dần của ánh sáng. Lời nói dối bà sư khi nãy trở thành niềm hy vọng to lớn tôi mong chờ: tôi chờ được gặp tốp lính đang trên đường đi đón.

Đến đường rầy là ngã ba đường thì cũng lại là ngã ba đường của tôi, “chỗ cũ” của đại đội tôi và “tới đường rầy quẹo trái” là hai địa điểm ngược đường với nhau, quẹo trái thì không thể nào đến chỗ cũ, mà đi bằng qua đường rầy thì lại sai với lời chỉ đường. Tôi chửi thầm trung úy Xuân đã chỉ đường cho tôi một cách bá láp, tôi chửi thầm tôi đã không kịp nhận định cho rõ trước khi rời tiểu đoàn, tôi cũng chửi thầm luôn đại đội trưởng đã biết tôi về đến mà không cho lính đi đón.

Tôi phân vân nhưng không được phép chần chừ, quyết định chậm phút nào là kéo dài sự nguy hiểm thêm phút nấy. Tôi không dám lên chỗ cao để nhìn cho xa, vì ánh sáng lúc này không đủ cho tôi nhìn xa và bóng tối lại quá đủ cho thân hình tôi in rõ nét trên nền trời. Chỉ còn chừng ba mươi thước là đến đúng chỗ rẽ, suy tính của tôi không được phép lâu hơn ba mươi bước đôi của một người bước vội. Tôi không còn lựa chọn giữa hai nơi “chỗ cũ” và “đến đường rầy quẹo trái” nữa, mà tôi chỉ còn được phép chọn lựa lối đi theo địa thế. Nếu đi bằng qua đường rầy tôi sẽ phải đi bằng qua mấy cái đồi trọc nằm thoải thoải, dễ chết quá, tôi sẽ là một mục tiêu rất rõ cho những tay súng nhắm bắn từ sát mặt đất. Còn nếu quẹo trái, tôi sẽ phải đi vào con đường mòn thật nhỏ, quanh co và nhiều bụi rậm, cũng dễ chết lắm vì khu này đã không được “ổn” từ những ngày tôi chưa đi phép, hưởng hồ bây giờ.

Tôi quyết định quẹo trái vì chưa chắc hiện giờ lối nào “ổn” hơn lối nào. Nếu đi trên đồi, hai bên gặp nhau thì thằng chết chỉ là tôi, nghĩa là kể cả trường hợp tôi thấy địch trước, vì tôi không có lấy một viên đạn... làm thuốc. Còn nếu quẹo trái, ngộ nhỡ có đụng đầu nhau, kể

cả trường hợp tôi thấy địch sau, tôi vẫn còn có thể lủi vào bụi rậm hai bên đường để mà “chầu”.

Tôi đi rất cẩn thận, nghe ngóng và dọ dẫm ở những khúc quanh và chạy thật nhanh ở những khúc thẳng. Đến bụi rậm cuối cùng, tôi dừng lại quan sát ngọn đồi trước mặt. Con đường lượn lên dốc thoải vòng quanh chân đồi, bên phải trống trơn, một vài bụi rậm nhỏ không đủ che giấu cho tôi đi qua được chân đồi vì bên trái con đường, lên cao một chút trên sườn đồi đang có lố nhố mấy người đứng ngồi nhấp nha nhấp nhô. Bằng mắt với ánh sáng và khoảng cách lúc này tôi không thể phân biệt được họ là ai, mình hay địch. Không phân biệt được bằng mắt thì phân biệt bằng tai vậy: tôi cố gắng lắng nghe họ nói chuyện. Dĩ nhiên với khoảng cách này thì chỉ tiếng được tiếng mất, nhưng tôi đâu cần nghe câu chuyện của họ, mà tôi chỉ cần phân biệt cái giọng của họ, nếu giọng Nam thì thật “đã điu”, mọi chuyện sẽ êm xuôi tại đây, còn nếu giọng Bắc nhà quê hoặc giọng trọ trẹ miền Trung thì... đằng sau quay, và chắc chắn là tôi sẽ có một đêm ngủ vật vờ trong bụi để làm mồi cho lũ muỗi rừng và... đợi sáng tính sau.

Tôi vận dụng tất cả mọi khả năng, dồn hết sức sống của tôi vào đôi tai để chờ đợi, nhưng ngoài tiếng côn trùng và tiếng gió, tôi không nghe được một tiếng nói nào của mấy người trên sườn đồi kia. Tuy nhiên, tôi bình tĩnh thật lạ lùng, cái bình tĩnh của thằng lính khi ra trận đã biết rõ mục tiêu, biết rõ từng vị trí của địch, đã nghe tiếng súng nổ, không còn sự hồi hộp lo sợ của sự chờ đợi những viên đạn đầu tiên của địch thay cho lệnh khai hỏa ghim vào thân thể mình trước khi kịp nghe tiếng súng, không còn là chuyện may rủi trời kêu ai nấy dạ của những viên đạn bắn sè nữa, mà là cái bình tĩnh của một sự việc đã được tính toán, đúng thì sống mà sai thì... húp cháo rùa.

“Đù má, lâu dzậy mảy?”

Tiếng nói đột ngột, không đủ lớn nhưng đủ lọt vào tai tôi. Xong rồi! Tiếng chửi thề nghe sao dễ thương lạ. Tiếng chửi thề đã chấm dứt sự nguy hiểm bao quanh tôi. Bọn này hẳn phải là lính đại đội tôi, đang gài mìn tại tiền đồn cấp tiểu đội.

Tôi ung dung trở ra đường mòn, bằng điệu bộ rất thoải mái, súng vác vai vừa đi vừa huýt gió “cờ bay cờ bay oai hùng...” để tránh sự bất ngờ có thể gây ra ngộ nhận. Mấy người lính dừng tay nhìn tôi, và khi đi vòng theo chân đồi không thấy ai lên tiếng hỏi thăm, chắc là tối quá tụi nó không nhận ra mình, tôi lên tiếng:

“Đứa nào đó bay?”

Không nghe tiếng trả lời, tôi hỏi tiếp:

“Đại đội 4 phải không?”

“Đụ mẹ, đi đâu về trễ vậy cha nội?”

Tôi bực mình, lính tráng thế này thì hỏng rồi, tôi xẵng giọng:

“Đại đội nằm đâu?”

“Ủa, phép ra há mảy, đi tới là gặp liền. Mà đi lẹ lẹ nghe cha nội, coi chừng tụi nó gài “đồ chơi” rồi đó.”

“Có máy không, báo là tao về tới, khoan gài.”

“Không.”

Tiếng không cụt ngắn và có vẻ hơi xẵng. Tôi vừa bực mình vừa buồn cười liên tưởng đến một chuyện cũ. Năm 72, tôi bị thương, trong khi nằm ở tiểu đoàn đợi trực thăng tải thương, có một tay cũng bị thương và đợi trực thăng như tôi xin tôi thuốc và hỏi một câu làm quà:

“Đụ mẹ, mày cũng bị thương hả?”

Tay lính này chắc chắn chưa tới hai mươi, mặt mũi còn non choẹt và điệu bộ đầy vẻ dè dặt buồn sùng. Tôi trả lời ậm ừ. Nó hỏi tiếp:

“Mày trung đội mấy?”

“Trung đội 2.”

“Tao cũng trung đội 2, mày tiểu đội mấy?”

“Tao ở PC trung đội.”

“Đụ mẹ, mày tà lọt mà cũng bị thương hả?”

“Ờ, tao trung đội trưởng.”

Thằng bé bẽn lễn:

“Ủa, ông thầy, em đâu có biết.”

Dĩ nhiên là nó không biết tôi, và cả tôi cũng không biết nó. Nó là một thằng lính mới tò te, rất tò te vừa được đưa từ trung tâm huấn luyện Rừng Cấm ra tiểu đoàn, ban Một tiểu đoàn phân phối cho đại đội, thường vụ đại đội chia cho trung đội, trung đội phó nhận rồi đưa ra tiểu đội. Trung đội đang “ủi bãi”, nó về đến trung đội buổi chiều, buổi tối tôi bị thương, nó đâu thể biết trung đội trưởng là ai được.

Còn một chuyện nữa, cũng năm 72. Tiểu đoàn trưởng lúc đó là trung tá Quang. Trên hệ thống truyền tin ông là Quang Trung, nhưng trên cửa miệng của những thằng lính chúng tôi thì ông là Quang Bóp Cổ. Nghe tên Quang Bóp Cổ phải hiểu ngay ông là nhân vật như thế nào trong đơn vị. Tiểu đoàn nằm ở thôn Bích La bên cạnh bờ sông Vĩnh Định, đại đội tôi nằm ôm tiểu đoàn. Một hôm Việt Cộng chen vào giữa đại đội 2 và tiểu đoàn. Sáng hôm sau chúng tôi đánh bật Việt Cộng ra ngoài đồng trống, thôi thì lính tráng tha hồ bắn những cái bia di động. Quang Bóp Cổ cũng lấy M-79 ra bắn loạn xạ ngẫu. Tụi tôi thấy Quang Bóp Cổ thằng nào cũng né, dạt ra một nơi. Chuẩn úy Chiếm lúc đó đang đi OJT trong đại đội, thấy một thằng mặc áo thun ba lỗ bắn M-79 dờ ọc, anh chàng đi tới vừa giựt khẩu súng vừa chửi thề: “Đụ mẹ, bắn như cái con cặc mà cũng đòi bắn, đưa đây tao!”

Đó là những mẩu chuyện ngộ nhận, nhưng trường hợp tôi bây giờ lại khác. Trong toán lính này ít nhất cũng phải có một thằng biết tôi; không kể thời gian làm trung đội trưởng, tôi đã làm đại đội phó đại đội 4 này ít ra cũng đã hơn hai năm rồi. Tại sao ngay cả tên chỉ huy cũng không nhận ra tôi? Hay là...

Tôi chạy thật nhanh, lần này thì chạy thật chứ không còn giả vờ gì nữa, để kịp về đến đại đội trước khi mìn và lựu đạn gài chặn lối đi. Tôi chạy một mạch gần hai trăm thước tới chân đồi đại đội, thấy mấy người lính đang từ trên đồi đi xuống, tôi đi ngược lên. Khi tới ngang họ, tất cả dừng lại tránh lối cho tôi đi lên, họ nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, tôi nhìn họ cũng rất ngạc nhiên, tất cả những khuôn mặt đều lạ. Tôi hỏi:

“Đại 4 phải không?”

“Ừa, đại 4.”

Một người lính từ trong lều trên đồi bước ra hỏi vọng xuống:

“Gì đó bay?”

Tôi bỏ toán lính, đi tiếp lên đồi. Toán lính nhìn nhau rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn nhau. Khi tôi đi qua người lính gác, đi tới người lính đứng trên đồi, họ mới tiếp tục đi xuống. Người lính đứng trên đồi hỏi vọng xuống là ông thượng sĩ già. Tôi nhìn kỹ bảng tên, bảng tên màu hồng. Té ra đây là đại đội 4 của tiểu đoàn 7. Rõ chán!

“Thượng sĩ cho tôi gặp đại đội trưởng.”

Người lính già trở mắt nhìn tôi, chắc chắn là không hiểu gì cả, bảo tôi đứng đợi rồi chui vào cái lều lớn ở giữa sân. Ông ta không hiểu nhưng tôi hiểu là mình đã đến làm đơn vị, và việc của tôi ngay lúc này là phải gặp đại đội trưởng ở đây để nhờ liên lạc với đại đội tôi cho người đến đón. Nguy hiểm có thể đã hết, nhưng mệt thì còn nhiều. Ông thượng sĩ trở ra, tay cầm đèn được thắp bằng pin của máy PRC-25; một người nữa ra theo, tôi nhận ra người đi sau là Minh, bạn tôi.

“Ê Minh, cho tao gặp đại đội trưởng mày.”

Ông thượng sĩ lại trở mắt nhìn tôi thêm một lần nữa, ông ta không thể hiểu tôi là cái giống gì Tôi không đeo lon. Tuy nhiên ông ta không nói tiếng nào, lặng lẽ bỏ đi khi nghe Minh nói với tôi:

“Đụ mẹ, mày làm cái con cặc gì mà tới đây giờ này, vô đây phê pháo cái đã, mọi chuyện tính sau.”

Tôi theo Minh vào lều nhưng sốt ruột, lại hỏi:

“Tao gặp đại đội trưởng mày đã, phê pháo mẹ gì.”

“Phê pháo đã mà, ổng đang bận.”

“Ừa, bộ mọi chuyện đại đội trưởng mày làm hết hả?”

“Đâu có, đại đội phó làm chứ.”

“Vậy ổng bận cái gì?”

“Bận tiếp khách.”

“Mẹ kiếp, té ra mày là đại đội trưởng à?”

“Chứ còn thằng con cặc nào vô đây!”

Vừa uống cà phê tôi vừa kể cho Minh nghe chuyện vừa qua, Minh nhìn tôi cười:

“Đụ mẹ, mặt mày lớn mà mạng mày cũng lớn, lông rày tui nó ra hà rằm.”

“Lớn cái con củ cải, tao biết chó đâu đó, đến lúc biết đã ngồi cha nó trên lưng cạp rồi.”

Tôi nhờ Minh liên lạc với đại đội tôi, nhưng vì khác tiểu đoàn nên không có tần số để liên lạc, tôi đành phải xin ít đạn và mấy quả lựu đạn để tiếp tục... du lịch. Minh cho mấy người lính đi theo tôi. Về đến chỗ cũ của đại đội, đại đội tôi không còn đóng ở đấy, thay vào đó là một toán tiền đồn thuộc đại đội Trinh Sát của sư đoàn – Viễn Thám cũ. Tôi cho lính của Minh về và nhờ một người lính Trinh Sát đưa tôi về gặp trung đội trưởng của họ. Người trung đội trưởng này là một sĩ quan còn rất trẻ mà tôi không quen nên anh ta nói chuyện với tôi một cách dè dặt. Tôi phải moi tất cả giấy tờ có trong người như thẻ căn cước quân nhân, chứng chỉ tại ngũ và cả tờ giấy phép có chữ ký của trung tướng Ngô Quang Trưởng cho anh ta xem. Tôi chỉ nhờ anh ta mỗi một điều là báo cáo và cho người dẫn tôi về gặp đại đội trưởng của anh ta. Lại muốn gặp đại đội trưởng!

Tôi nghe rất rõ tiếng ông đại đội trưởng -tôi biết là đại úy Lực- phát ra từ ống liên hợp của máy truyền tin.

“Đụ mẹ, không tin thằng nào hết, giấy tờ giả thiếu chó gì. Ông cho tôi biết nó người Bắc hay người Nam.”

Tức cười, lúc này tôi đã dùng cách phân biệt Bắc Nam để phán đoán ta hay địch, bây giờ tôi lại bị người khác dùng cùng một cách để đánh giá tôi là ai. Hồngбет rồi, tôi là một thằng Bắc Kì trăm phần trăm, không sai một ly ông cụ nào, từ giọng nói đến những tiếng tôi đang dùng đều là Bắc Kì đặc.

“Ông này Bắc Kì nhưng trông cũng có vẻ lính mình.”

“Ông cho người mang thằng đó về đây cho tôi.”

Mang tôi đi tức là tôi bị tước súng và áp giải như một thằng tù binh. Mẹ kiếp, thằng này chứ có phải thằng nào khác đâu, đâu có chuyện tước súng tôi một cách dễ dàng như vậy được.

Bỗng nhiên tôi nổi giận:

“Này, đừng có làm cái trò sỉ nhục nhau như vậy chứ thiếu úy!”

Anh ta cho một người lính dẫn tôi về đại đội Trinh Sát.

Đại úy Lực không tiếp tôi. Ông ta để tôi đứng ngoài sân với người thượng sĩ thường vụ, tiếng ông ta hỏi vọng ra từ trong lều:

“Anh ở đơn vị nào?”

“Đại đội 4 tiểu đoàn 4.”

“Chức vụ gì?”

“Đại đội phó.”

Tiếng ông ta dịu lại:

“Đại đội trưởng anh là ai?”

“Tôi không phải là tù binh để phải đứng ngoài trời này khai lý lịch vọng vào lều cho đại úy. Tôi chỉ nhờ đại úy liên lạc với đại đội tôi cho lính đến đón tôi về.”

“Đụ mẹ, liên lạc đâu có khó, nhưng tôi phải biết anh là ai chứ!”

“Đại đội trưởng tôi là 369. Đại úy chỉ cần nói là 520 đang ở chỗ đại úy.”

Chừng hai phút sau, ông ta nói vọng ra không phải với tôi mà với ông thượng sĩ.

“Ông cho dẫn người này ra chỗ toán của thằng...” (tên người này tôi không nhớ).

Thượng sĩ thường vụ đi gọi người. Lúc này đại úy Lực mới từ trong lều chui ra, ông ta tới bắt tay tôi:

“Thằng Gắt” – đại đội trưởng tôi – “cho người đi đón ông lâu rồi, tôi cho người dẫn ông tới đó.”

Tôi cảm ơn rồi đi theo người lính dẫn đường. Toán lính đi đón đang ngồi đợi tôi ở ngay chỗ đại đội tôi đóng cũ, vị trí của toán tiền đồn

Trình Sát, nơi mà tôi và mấy người lính của Minh đã đến. Phải chi tụi nó đến sớm hơn một chút hoặc phải chi tôi ngồi chơi với Minh lâu hơn một chút thì đâu đến nỗi phải đi lòng vòng và phải khai lý lịch với bọn “vịt tiềm” này.

Trung sĩ Khang cho tôi biết là họ phải băng ngang làng Đồng Lâm ra đón tôi ngoài quốc lộ, sợ tôi đi qua làng một mình chắc chắn sẽ bị “xé phay” liền. Đợi hoài không thấy, họ phải đi dọc quốc lộ về tiểu đoàn tìm tôi, gặp trung úy Xuân nói tôi đi về chỗ đại đội đóng cũ, sau đó đại đội trưởng cũng gọi máy bảo họ về chỗ này đợi tôi.

“Đại đội nằm đâu, mày?”

“Sau làng Đồng Lâm. Mấy hôm nay mình ăn pháo lia chia!”

“Có thằng nào bị gì không?”

“Có mỗi một trái lợt vô vị trí, banh một cái lều còn thì rớt cách mình cả trăm thước. Có điều ban ngày mình không dám căng lều, sợ tụi nó thấy.”

Bọn tôi đi tắt đường ruộng về đến đại đội, lính đổi gác cũng đã đến ca áp chót.

Hai

Đến sáng, tức là ngày 20 tháng Ba, tiểu đoàn gọi tôi về để gắn lon. Tôi mượn bộ quần áo “ngựa” của trung sĩ nhất Đăng, thường vụ đại đội, may đề tên tôi lên bảng tên, rồi đi theo toán lính đi lãnh tiếp tế băng qua làng Đồng Lâm ra đến quốc lộ. Tôi lột bộ về tiểu đoàn.

Tôi và thiếu úy Diệu, phụ tá ban Ba tiểu đoàn được gắn lon cùng một lúc. Thật khôi hài khi Đại bàng 816, tức Hitler, tức tiểu đoàn trưởng, gắn lon trung úy lên vai Diệu, ông khích lệ khuyến nhủ đủ điều, lại còn bắt tay và vỗ vai thân mật nữa. Còn tôi, hình như độc nhất vô nhị trong lịch sử gắn lon của quân đội, ông vừa gắn lon lên vai tôi vừa chửi. Tôi phải đứng nghiêm, tay phải đưa lên trán trong tư thế chào, Hitler vừa gắn lon vào vai tôi vừa nói:

“Đụ mẹ ông, đồng ý là ông cũng có công nhưng đâu phải công của mình ông. Ông làm cái gì giờ này mới ra tới?”

Tiểu đoàn trưởng đã cấm tất cả các sĩ quan trong tiểu đoàn khi hết phép không được ra trình diện hậu cứ ở Vũng Tàu, vì như vậy là câu thêm giờ ở Sài Gòn. Ông chỉ chấp nhận cho hạ sĩ quan và binh sĩ được câu thêm vài ngày theo kiểu này, còn sĩ quan bắt buộc phải trình diện thẳng Bộ tư lệnh ở Sài Gòn, để ngày hôm trước hết phép, ngày hôm sau đã phải có mặt ở hành quân.

Không ngờ bị hài tội trong lúc này, bí quá tôi nói đại:

“Tôi ra hỏi vợ ở Bà Rịa, thiếu tá.”

“Vợ con cái con cặc! Đụ mẹ ông!”

Bịa chuyện lấy vợ, tôi nhớ đến lần tôi cũng bịa chuyện lấy vợ để kiếm thêm một tuần ở Sài Gòn. Năm 72, tôi bị thương được đưa về điều trị tại bệnh viện Lê Hữu Sanh ở Thủ Đức. Vì thương binh quá nhiều nên tôi chỉ được nằm ít ngày rồi cho về nhà tự chữa lấy, mỗi tuần lên tái khám một lần, gọi là xuất viện tái khám. Lần tái khám thứ ba, tuy tôi đã có thể đi lại được nhưng vẫn còn phải chống nạng. Bác sĩ Hạnh -Nguyễn Đỗ Hạnh- y sĩ điều trị, đã bắt tôi xuất viện ra hành quân; hình như là ở đâu đó người ta muốn giảm tỉ lệ sĩ quan bị thương trên giấy tờ sổ sách. Muốn kiếm thêm một tuần phè ở Sài

Gòn và cũng để đi đứng được vững chãi hơn trước khi ra hành quân, tôi bèn xuống nước:

“Bác sĩ cho tôi thêm một tuần nữa, thứ tư này tôi lấy vợ. Mọi chuyện đã chuẩn bị xong xuôi, chỉ còn đợi đến ngày làm đám cưới.”

Bác sĩ Hạnh là một người rất đẹp trai và có giọng nói rất êm, rất nhẹ đã phán một câu nghe rất đã lỗ nhĩ.

“Vác ba lô ra Quảng Trị mà cưới!”

Lần này thì tôi lại bịa chuyện lấy vợ, nhưng tôi ở thế thượng phong tức là theo đúng kỷ luật nhà binh, thi hành trước khiếu nại sau. Tôi đã thi hành, bây giờ đến lượt tiểu đoàn trưởng đang... khiếu nại. Ở cái binh chủng “sống khùng sống dại chẳng sống dai” này, khi các quan lớn đã “khiếu nại” thì cỡ các bà chợ Trần Quốc Toàn hay chợ Cầu Ông Lãnh còn phải đưa đi “hấp” thêm nhiều khóa may ra mới theo kịp. Tôi đã từng được ăn hàng trăm nghìn “của ngon vật lạ” rồi nên tôi đứng nghiêm để thưởng thức mấy “món xoàng” của Hitler thì có nhằm nhò gì. Ăn mà không có nhậu thì còn gì giá trị của món ăn nên khi đứng nghiêm để “ăn”, đầu óc tôi lại đang phân vân không biết chuyển tiếp tế này hậu trạm có mang rượu thuốc Thiên Tường cho tôi theo lời dặn hay lại cứ mang rượu Vạn Ích, thẳng Sáng chết rồi mà thẳng Huy mập lại nằm xa đại đội, lấy ai mà nhậu đây. Kỳ lương này không biết có được thành thơ để làm một bữa rửa lon túy lúy không.

Xong vụ gấn lon lạ đời nhất quân đội, tôi đi theo xe tiếp tế về đại đội.

Rượu thịt ê hề nhưng chưa kịp lai rai ba sợi, tôi đã nhận lệnh mang hai trung đội tăng phái cho lữ đoàn 1 Thiết Kỵ.

Chúng tôi ngồi dọc quốc lộ 1 đợi xe của Thiết Giáp đến đón. Gặp Ó Lương đi xe Jeep tới -đại tá Lương lữ đoàn trưởng 147- Ó Lương cho biết là các đơn vị nằm phía Bắc đang bỏ chạy, chúng tôi sẽ không được một sự yểm trợ nào hết của đơn vị gốc, rán mà tự lo liệu lấy. Tôi hiểu là trong hoàn cảnh này khó có hy vọng là chúng tôi sẽ trở về. Cuộc đời nhà binh của những thằng “lính rần” chúng tôi thường xuyên “một đi không trở lại” nên chuyển đi này cũng chẳng

có gì đáng phải bận tâm. Nhưng dù sao tôi vẫn không thể nói những điều này cho lính biết.

Tôi không nói cho lính biết nhưng không phải là họ không biết. Chuyến đi này thế nào cũng sẽ rất thê thảm vì một chuyến đi bình thường của một nửa đại đội đầu cần đến đại tá lữ đoàn trưởng xuống dẫn dò, cộng thêm là chúng tôi thấy lác đác đã có những người lính Bộ Binh chạy về. Một đứa nói với vẻ bất mãn:

“Đụ mẹ, chỗ nào người ta chịu không nổi thì bắt mình tới hứng. Còn nếu mình chịu không nổi thì người ta thay kệ mẹ mình.”

Một đứa khác với giọng giễu cợt:

“Làm trai đâu sợ gì sương gió, chỉ sợ đời không có gió sương thôi em!”

Trung sĩ Khang quay sang tôi:

“Ông thầy, thằng này chưa thấy quan tài chưa đổ lệ.”

Tôi chuyển hướng câu chuyện, chỉ một người lính:

“Thằng này ngon này, không sợ ai hết, anh hùng mà.”

“Ừa, sao vậy ông thầy?”

“Tụi mày biết nó xâm cái gì trên ngực không?”

Đám lính nhao nhao lên:

“Cái gì ông thầy?”

“Cái đầu lâu...”

“Cái hòm...”

“Không phải, tầm bậy hết!”

Tôi cười cười đọc:

“Trên trời có một vì sao.

Dưới đất có một mình tao anh hùng”.

Thằng bé có xâm hàng chữ trên ngực cười bẽn lẽn:

“Tại mấy thằng bạn đè em ra xâm hồi học trong quân trường.”

Hai chiếc GMC của Thiết Giáp chở chúng tôi ghé vào căn cứ Hòa Mỹ một lúc rồi trở ra đi lên phía bắc, dọc đường tôi thấy các đơn vị Bộ Binh đang lếch thếch chạy về phía nam. Mẹ kiếp! Gà hơn nhau tiếng gáy, mình đã lỡ gáy to rồi! Người ta đông thế kia còn phải bỏ chạy, chúng tôi ít người như thế này mà phải húc đầu vào.

Trời chập choạng tối, chúng tôi đến Bộ chỉ huy lữ đoàn 1 Thiết Kỵ – tôi quên mất tên căn cứ này – lính ở nguyên trên xe đậu gần cổng, tôi vào phòng hành quân để nhận lệnh. Phòng hành quân là một cái hầm khá rộng, bày biện rất ngon lành. Người sĩ quan trực hành quân là một ông thiếu tá. Ông ta không biết tí gì về chuyện chúng tôi tăng phái đến nên bảo tôi ngồi đợi trưởng phòng. Tôi đề nghị:

“Thiếu tá giúp cho tôi gặp trưởng phòng ngay bây giờ, trời tối rồi mà còn phải đợi, tôi sợ trễ.”

Ông ta quay điện thoại, chừng năm phút sau trưởng phòng đến. Trưởng phòng cũng là thiếu tá. Câu đầu tiên của ông trưởng phòng mà tôi nghe được khi ông ta bước vào.

“Đụ mẹ, anh để cho tôi ăn một miếng chứ, cái con cặc gì cũng kêu tôi, cái thứ anh đeo thiếu tá làm uống lon nhà binh.”

Người sĩ quan trực cúi đầu nhìn xuống đất, không nói một tiếng. Tôi đứng đấy ngờ ngàng. Thiếu tá trưởng phòng quay sang hỏi tôi:

“Bộ anh không đợi tôi được sao?”

“Không, thiếu tá. Thiếu tá cho tôi biết nhiệm vụ.”

Ông ta bảo tôi cùng đi đến chỗ treo bản đồ hành quân, không hiểu nghĩa sao, ông ta quay lại hỏi tôi:

“Anh có biết bãi đất trống ở đây lên gần Mỹ Chánh nằm phía bên trái không?”

“Tôi biết, cái chợ, phía bên kia là làng Chánh Môn.”

“Rồi, anh ra đó nằm.”

“Thiếu tá cho tôi biết tình hình, nhiệm vụ và bản ám danh đàm thoại.”

“Anh cứ ra đó đi, tôi cho người mang ra sau.”

“Tôi không thể ra đó khi tôi chưa nắm được tình hình và chưa biết được nhiệm vụ.”

“Không có mẹ gì đâu, anh cứ ra nằm đêm nay đi.”

Tôi quay ra, bực mình không thềm chào, mẹ kiếp, quan liêu, hống hách và cầu thả. Không lẽ ông ta giận tôi vì đã phá ngang bữa ăn của ông hay ông vội vàng với tôi để tiếp tục bữa ăn. Chắc chúng tôi còn phải rất chật vật vì cái kiểu cách chỉ huy của bọn “con cua” này.

Trời tối hẳn khi chúng tôi đến nơi. Dân làng đã bỏ đi hết. Một vài con chó đang xục xạo quanh những cái xạp chợ bỏ chạy khi chúng tôi đến. Thế là chúng tôi sẽ có những bữa nhậu “đã đời” với mấy con mồi này. Tôi cho lính lục soát thật kỹ trước khi đóng quân quanh chợ và hai bên quốc lộ.

Tôi không biết tí ti gì về tình hình ta và địch ở đây nên suy nghĩ rất lâu về vị trí phải đặt các toán tiền đồn. Cuối cùng, tôi đặt một toán ở tây bắc và một toán ở phía đông.

Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ báo cho tôi biết là tôi được đặt dưới sự điều động của chi đoàn 1. Tôi lại xin bản nguy nhưng vẫn được trả lời là sẽ cho người mang ra sau. Không lẽ bọn “con cua” này không có bản ám danh đàm thoại!

Chi đoàn 1 gọi tôi:

“Anh cho tôi biết vị trí chính xác của anh và mấy đứa con.”

“Tôi không thể báo cáo cho đến khi tôi có bản nguy. Anh đã biết đại khái chỗ tôi nằm chứ?”

“Biết.”

“Anh cho tôi biết tình hình quanh tôi.”

“Phía bắc anh không có ai, phía đông cũng vậy, phía tây hoặc nam gì đó của anh là tôi.”

Tôi đã đặt tiền đồn theo đúng tình hình.

Tôi báo cáo tình hình và vị trí đóng quân về tiểu đoàn. Tôi cũng than phiền về lề lối làm việc của mấy ông “bố ghẻ” này. Tiểu đoàn cho tôi

biết nếu có đựng độ, hãy để một máy liên lạc thường xuyên với tiểu đoàn.

Chi đoàn 1 gọi lại:

“Anh cho tôi biết vị trí chính xác của anh để tôi còn báo cáo.”

“Không thể được vì tôi không có bản ngy. Thôi được, anh biết số nhà riêng của tôi không?”

“Biết.”

“Rồi, lấy cái đó làm alpha. Tôi ở alpha phải 27 lên 16.”

“Tôi không tìm ra.”

“Anh không tìm ra cái gì?”

“Alpha.”

“Hiện giờ tôi đang gặp anh tại số nhà của anh. Anh biết rõ số nhà của tôi không?”

“Biết.”

“Lấy số đó làm alpha. Hay thế này vậy, lấy số nhà anh làm alpha. Anh tìm ra alpha chứ?”

“Tôi chịu, không thể tìm alpha được.”

“Đành vậy, tôi không thể cho anh biết vị trí của tôi được.”

Tôi bỏ máy. Một lúc sau chi đoàn 1 gọi lại:

“Thôi thế này, anh lật bản đồ ra.”

“Rồi.”

“Anh thấy chữ I của chữ HẢI không?”

“Rồi.”

“Lấy đó làm chuẩn, anh cho tôi biết vị trí của anh.”

“Đâu được anh bạn, anh bạn không sợ Việt Cộng nó cười cho à? Hình như anh không phải là thẩm quyền. Anh cho tôi gặp thẩm quyền của anh đi.”

“Tôi là thẩm quyền đây.”

“O, vậy thì xin lỗi thẩm quyền. Thẩm quyền cứ báo cáo đại một điểm nào đó trong cái biết đại khái về tôi, chứ tôi không thể cho thẩm quyền biết chính xác theo kiểu đề nghị của thẩm quyền được.”

Tôi không hiểu ông chi đoàn trưởng này không có kinh nghiệm hay tại bên Thiết Giáp ngay tự bản thân họ đã ồn ào khi đóng quân, máy nổ ầm ầm nên họ không cần giữ bí mật vị trí đóng quân, hay tự họ cảm thấy an toàn trong mấy cái khối sắt nên không sợ bị pháo kích.

Nhưng dù không sợ bị pháo kích thì vẫn phải đề phòng đặc công chứ.

Sáng hôm sau, 21 tháng Ba, khi tôi và mấy tên lính đang làm vơi dần chai nước biển đựng đầy rượu thuốc Thiên Tường cùng đĩa thịt chó luộc, có một đơn vị Địa Phương Quân kéo từ phía bắc về đến chỗ tôi một cách hỗn độn. Đơn vị kéo về này là một đơn vị lớn nên tôi phải báo cáo cho Bộ chỉ huy lữ đoàn 1 Thiết Kỵ, tôi nghe chính giọng của đại tá lữ đoàn trưởng ra lệnh cho tôi:

“Anh chặn hết tụi nó lại, đuổi ngược trở lên. Thằng nào vượt qua chỗ anh, bắn bỏ hết.”

Tôi nghĩ bụng, chỉ cần họ đái chúng tôi cũng đủ chết đuối rồi, ở đó mà bắn với bỏ. Nghĩ vậy nhưng tôi vẫn cho cả hai trung đội dàn ngang quốc lộ không cho họ đi sâu hơn nữa về phía nam. Có một đại úy trong toán này đến gặp tôi, tự giới thiệu:

“Tôi là trưởng ban Ba liên đoàn 913 Địa Phương Quân. Một chút nữa, trung tá liên đoàn trưởng tôi sẽ tới gặp trung úy. Hiện giờ nhờ trung úy giữ đám quân này ở đây hộ.”

“Ngồi làm một ly chơi đợi trung tá, đại úy. Lúc này rượu thuốc với thịt cầy đâu phải dễ kiếm, đại úy.”

Ông ta ngần ngừ rồi từ chối quay ra.

Tôi ngồi húp bát cháo chó, “ngon như cháo chó”, tôi chẳng thấy bát cháo chó này ngon tí nào hết, mặc dầu được nấu bởi một tay làm thịt chó được coi là “điều luyện” gốc Hồ Nai, không hiểu tại không đủ gia vị hay tại những điều xảy ra từ chiều hôm qua đến giờ.

Tôi đang gặm miếng xương chó thì có xe Jeep gần hai cần câu chạy tới dừng ngay cạnh đường. Ngồi ghế trưởng xạ là một ông to béo, bộ quân phục ủi hồ còn thẳng nếp, mắt đeo kính đen, tay cầm can, chân phải gác lên cửa xe để lộ chiếc giày bóng loáng, không hiểu ông ta giữ như thế nào mà chiếc giày không dính tí bụi, ít ra cũng phải cả chục con “mồi” đã bị ngã trên chiếc giày này. Biết ngay là trung tá liên đoàn trưởng liên đoàn 913 Địa Phương Quân nhưng tôi không buồn đứng dậy. Viên đại úy lúc này ngồi ở băng sau nhảy xuống đi lại phía tôi.

Định bụng là tiếp tục ngồi gặm xương chó chứ tôi không đứng dậy, nhưng tôi chợt có một ý nghĩ hơi hèn là lính tụi tôi đụng trận như cơm bữa, chết không nói làm gì, ngộ nhỡ bị thương, ra khỏi binh chủng chẳng may lại về đơn vị của ông trung tá này làm xếp thì hơi phiền, nên tôi vứt miếng xương chó, vừa chùi tay vào quần vừa đứng dậy đi ra phía xe Jeep. Ông trung tá to béo gỡ kính, bỏ can bước xuống xe.

Tôi chào lấy lệ.

“Trung úy chỉ huy ở đây?”

“Vâng, tôi.”

“Trung úy không cho tụi này xuống sâu hơn nữa, thẳng nào cứng đầu trung úy bắn hộ tôi.”

“Tôi đã nhận lệnh này của đại tá Hường.”

“Vậy bây giờ trung úy tập trung chúng lại tại bãi đất này cho tôi.”

Nghe thật ứa gan! Sự lo xa mơ hồ một ngày nào đó là thuộc cấp của ông trung tá to béo này không còn nữa, mà chỉ còn trong tôi sự thương hại và một chút khinh miệt.

“Không, trung tá, họ là lính của trung tá mà. Tôi nhận lệnh của đại tá Hường là chặn họ lại. Tôi chỉ là trung úy và là đại đội phó, tôi không có khả năng tập trung cả một liên đoàn của trung tá.”

“Thôi được, tôi về gặp đại tá. Đứa nào không nghe lệnh anh cứ bắn cho tôi. Tôi sẽ nằm ở cái lô cốt dưới kia.” - Vừa nói ông vừa chỉ về cái lô cốt nằm xa xa phía nam.

Tôi chán nản quay vào, báo cáo chuyện vừa xảy ra cho tiểu đoàn.

Liên đoàn 913 Địa Phương Quân này nằm ở bờ bắc sông Mỹ Chánh, thuộc tiểu khu Quảng Trị, không hiểu có đánh đấm gì không mà họ lại chạy như thế này. Đơn vị vẫn còn nguyên vẹn mà đơn vị trưởng đã không còn chỉ huy được, phải đi nhờ đến tôi thì còn trời đất chớ gì nữa. Địa Phương Quân Quảng Trị suốt năm 72 đã sát cánh với chúng tôi, vì rất nhiều lý do họ không thể có khả năng tác chiến bằng chúng tôi, nhưng họ cũng đâu phải là những tay “vừa” để mà chưa đánh đã chạy, để mà đã mất chỉ huy khi đơn vị vẫn còn nguyên vẹn.

Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ ra lệnh tôi tập trung liên đoàn Địa Phương Quân và bắt họ di chuyển về hướng tây. Tôi làm xong việc này không khó nhưng chán nản vô cùng. Một ông thiếu úy trẻ hông đeo Colt, tay cầm bản đồ, bên cạnh là hai thằng máy trông oai phong lẫm lẫm tâm sự với tôi.

“Nếu không gặp mấy anh chúng tôi còn chạy nữa. Bọn tôi dừng lại không phải vì lính của anh dàn hàng ngang ở dưới kia đâu. Anh thấy không, bọn tôi dừng lại trước khi anh cho lính ra chặn nút mà. Tôi biết chắc chắn trung úy không ra lệnh bắn nếu bọn tôi cứ tiếp tục chạy, phải không?”

Tôi nghĩ bụng, tay này cũng là một tay “xịn” đây. Anh ta nói tiếp:

“Từ khi Thủy Quân Lục Chiến rút khỏi Quảng Trị, tụi tôi có cảm tưởng mình bị bỏ rơi. Dân bỏ đi theo các anh, các cơ quan hành chánh, tiểu khu, chi khu cũng bỏ đi hết, bọn tôi ở lại để tự sát à? Tôi là dân Sài Gòn thấy dân chúng bỏ đi còn sốt ruột huống gì lính tráng, tụi nó là dân địa phương, gia đình vợ con bỏ chạy, không đào ngũ là may rồi, còn nói gì đến đánh đấm.”

“Tại sao gặp tụi tôi, mấy anh không chạy nữa?”

“Tụi tôi nghĩ Thủy Quân Lục Chiến đã về hết Đà Nẵng rồi, như vậy tức là bỏ Quảng Trị, bỏ Huế, nên chúng tôi chạy. Bây giờ thấy mấy anh còn đây, tức là vùng này không bị bỏ, mà đã không bị bỏ rơi thì chúng tôi đâu có sợ.”

Sau khi liên đoàn 913 di chuyển hết vào phía núi, tôi nhận lệnh tiểu đoàn lên quan sát Công Binh giựt cầu Mỹ Chánh. Cầu xe lửa đã

không sử dụng được từ lâu, cầu đường bộ này cũng đã hỏng từ trận năm 72, nhưng sau đó đã được sửa chữa để sử dụng. Tôi báo cáo chính xác những điều tôi quan sát được.

Cầu bị bung một vài ở giữa, xe cộ không lưu thông được nhưng người đi bộ vẫn có thể qua lại tuy hơi khó.

Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ ra lệnh cho tôi đưa một trung đội lên nằm chặn phía nam cầu cùng với hai chiếc M-48, trung đội còn lại vào sâu trong núi đến nằm chung với chi đoàn 1.

Gặp đại úy chi đoàn trưởng, người thẩm quyền đã yêu cầu tôi cho vị trí chính xác tối hôm qua. Bây giờ tôi mới hiểu lý do sự bết bát của ông ta. Ông tốt nghiệp khóa 2 Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Đang từ một chức vụ chuyên môn là chiến tranh chính trị của Thiết Giáp, ông đã này nọ để được ra chỉ huy một chi đoàn. Hết ý kiến!

Buổi tối, chúng tôi theo chi đoàn 1 đến vị trí khác đóng quân đêm. Tôi vừa đặt xong hai chốt tiền đồn thì nhận được lệnh di chuyển. Lý do di chuyển là liên đoàn 913 Địa Phương Quân cảm thấy “lạnh gáy” khi chúng tôi dời đi chỗ khác nên đã báo cáo ẩu lên lữ đoàn 1 Thiết Kỵ là họ nghe thấy tiếng di chuyển của xe xích sắt ở phía trong núi, yêu cầu được chúng tôi nằm chặn đầu.

Trời đã tối, hai cái chốt của tôi đã gài xong mìn và lựu đạn, bây giờ phải gỡ hết đâu phải là chuyện dễ, sau đó đến vị trí mới lại phải gài lại. Gài hay gỡ mìn tự động, lựu đạn là một chuyện rất nguy hiểm, ban ngày còn có người chết, huống hồ là ban đêm. Tôi quyết định không gỡ và khi đến đóng chốt ở vị trí mới cũng không gài, bù lại, lính phải gác theo kiểu đang đựng trận, nghĩa là cứ hai người một vọng gác, người thức người ngủ thay phiên nhau.

Ngày 22 tháng Ba, lãnh lương. Trung đội 2 của Huy mập lãnh lương xong, tôi hướng dẫn ban quân lương lên cầu Mỹ Chánh phát cho trung đội 1. Nhà cửa khu đầu nam cầu Mỹ Chánh đã tanh tanh hết, không còn dấu vết đang phục hồi sau ngày ngưng bắn, rất ít căn nhà còn nguyên vẹn. Lại mất rồi cái chợ Mỹ Chánh, lại mất rồi những tiệm ăn quán nhậu.

Pháo binh vẫn bắn đều từ phía sau qua bờ bắc. Tại đây cũng vẫn ăn pháo một cách rất “vu vơ” từ bờ bắc bắn qua không trúng đâu vào đâu cả nhưng vẫn phải đề phòng, biết đâu đạn “lạc” trúng mình. Với kinh nghiệm nhiều năm trong nghề ăn 130 ly, hể Việt Cộng pháo mình thường thì trúng chỗ khác, nhưng nếu nó nhắm bắn vào chỗ khác thì nên coi chừng, rất dễ “lạc” vào chỗ mình vài quả như chơi. Y hệt như mấy ông cảnh sát và nhân dân tự vệ ở thành phố, nếu nhắm thẳng mình mà bắn thì bảo đảm trăm phần trăm là an toàn, vì luôn luôn trúng người khác, còn nếu mấy ông ấy mà nhắm người khác hoặc bắn chỉ thiên thì coi chừng, trúng mình là cái chắc!

Trong khi trung đội 1 lãnh lương, tôi ra đầu cầu quan sát qua phía bắc, thấy Việt Cộng xuất hiện lẻ tẻ trên đường lộ, tôi cho bắn, vì chúng thập thò nên khó biết được là bắn có trúng không. Có tiếng loa vọng sang từ bờ bắc:

“Đừng bắn nữa, vài hôm nữa Huế cũng còn không giữ nổi nói gì đến Mỹ Chánh mà bắn cho mệt.”

Mẹ kiếp, bọn này lúc nào cũng một tắc đến trời, nhưng lần này tôi nghĩ có lẽ chúng nói thật, vì nhớ lại lời anh Phát làm ở Hạ Viện là hoặc cắt đất ở An Lỗ, hoặc ở Lăng Cô; nếu cắt đất ở Lăng Cô thì Huế mất là “cảng” rồi. Hơn nữa, tôi nghe trung sĩ nhất Đăng, thường vụ đại đội nói: “Em nghe BBC nói 12 giờ trưa ngày 25 này là bàn giao Huế”. BBC không từng là đài phát thanh đáng tin cậy nhất từ xưa đến giờ hay sao?

Nhưng mà, mẹ kiếp, như vậy thì nhục nhã quá, chúng tôi đánh nhau với Việt Cộng như người lớn đánh với con nít, dĩ nhiên là cũng có chết chóc, nhưng vừa đánh vừa đùa chúng tôi vẫn chiếm gọn được bất cứ một mục tiêu nào được chỉ định. Khốn nỗi đã quá nhiều lần chưa đánh mà chỉ toàn nhận lệnh rút, cứ rút loạn xà ngầu đâm ra hỗn loạn, đâm ra mất chỉ huy. Lính đã mất chỉ huy sẵn súng trong tay càng gây thêm hỗn loạn.

Việt Cộng đã hết thập thò và tôi cũng hết hứng chơi trò tập bắn. Tôi về chỗ PC trung đội 1 viết vắn tắt mấy chữ nhờ ban quân lương mang về Sài Gòn đưa cho mẹ tôi: “Người ta đánh nhau nhưng ở tận

mãi đâu, chỗ con đang ở mang tiếng là khủng khiếp nhưng thực sự vẫn còn yên. Ở nhà yên tâm về con”.

Một ngày trôi qua rất thoải mái với thêm một chai rượu thuốc mà hậu trạm ở Huế gửi ban quân lương mang ra cho tôi.

Ngày 23 tháng Ba, tiểu đoàn cho biết là tôi hết nhiệm vụ tăng phái. Chúng tôi trở về đại đội nhưng không có xe đến đón, có nghĩa là chúng tôi phải cuốc bộ. Dĩ nhiên khi người ta cần mình thì bao nhiêu phương tiện di chuyển mà chẳng có, đến khi không còn cần đến mình nữa thì đừng có hòng. Tôi hiểu thân phận mình như vậy nên tuy hơi ngán đoạn đường quá xa, nhưng bù lại, trong suốt thời gian tăng phái, chúng tôi thực sự đã không phải làm một việc gì đáng gọi là việc. Tôi chỉ tức một điều là Thiết Giáp không có xe đưa trả chúng tôi về đơn vị gốc trong khi chi đoàn 1 lại có xe đi Huế mua mía về nhai với nhau.

Đang tập trung con cái ra quốc lộ 1, chỗ làng Chánh Môn, thì Điều, phụ tá ban Ba tiểu đoàn gọi máy cho biết là đợi tại chỗ, chính Điều sẽ hướng dẫn xe lên đón. Gặp Điều và hai chiếc GMC không phải là xe và tài xế của tiểu đoàn, khi xe chạy tôi hỏi Điều:

“Mấy cái xe này ở đâu ra vậy?”

“Tôi cũng không biết là của đơn vị nào, thấy xe không chạy ngang qua tiểu đoàn, tôi chặn lại bắt đi đón mấy ông.”

Cám ơn sự cà ngơ của mấy cái xe này.

Đi ngang qua Bộ chỉ huy của lữ đoàn 1 Thiết Ky, nơi này không còn là một căn cứ quân sự nữa vì đã vắng tanh vắng ngắt, tôi chỉ còn thấy mấy đám khói bốc lên, khói của những đám lửa phá hủy hồ sơ và những thứ không mang theo được. Thảo nào bọn tôi được trả về đơn vị gốc, vì còn ai nữa đâu để mà sử dụng bọn tôi. Tôi sức nhớ là liên đoàn 913 Địa Phương Quân cũng biến đâu mất tự bao giờ rồi, chỉ còn lại chúng tôi và Chi đoàn 1 Thiết Ky. Chúng tôi đi, không hiểu chi đoàn của ông đại úy Chiến Tranh Chính Trị làm Chi đoàn trưởng bao giờ thì rút, hay là các ông xếp lờ đi để họ nằm chặn hậu vô thời hạn.

Điều cho hay thiếu tá Thành đã làm tiểu đoàn trưởng, thiếu tá Toàn tức Hitler và đại úy Phó đã đi Đà Nẵng để qua tiểu đoàn 18.

Tôi nhận lệnh vào căn cứ Hòa Mỹ. Căn cứ này rộng mênh mông, ngày trước là doanh trại của Dù và Thiết Giáp, bây giờ trở thành Bộ chỉ huy của tôi, một trung úy và hai trung đội. Tôi không biết đường xá và ngõ ngách của căn cứ mặc dầu trước đây đại đội tôi đã có lần tăng phái cho Thiết Giáp nằm trong căn cứ này cả tháng. Tôi chọn đại một chỗ đóng quân và tổ chức phòng thủ đêm, không phải là phòng thủ căn cứ mà là phòng thủ trong căn cứ, vì không còn ai trong căn cứ Hòa Mỹ này ngoài chúng tôi.

Đêm có trăng, tuy không sáng nhưng cũng đủ hữu tình để chúng tôi nhâm nhi cho hết ít rượu còn lại. Rải tuyến xong, bữa nhậu nhà binh vừa được bày biện, chưa kịp lai rai, tôi đã nhận lệnh của tiểu đoàn đưa một trung đội tăng phái cho tiểu đoàn 5 đang đụng ở sông Bồ, phía tây nam cầu An Lỗ. Trung đội 1 đã nằm giữ cầu Mỹ Chánh một mình, bây giờ đến lượt trung đội 2 của Huy mập đi. Thằng nào đi cứ việc đi, thằng nào còn lại cứ việc nhậu.

Đang ăn nhậu nửa chừng, tôi lại nhận lệnh. Lần này chúng tôi đi nốt.

Vượt qua hàng rào phòng thủ của căn cứ, nơi còn sót lại rất nhiều mìn bẫy, nhưng may mắn chúng tôi qua an toàn bằng đường mòn mà lúc trước những tên lính “dù” đi chơi khi căn cứ còn đóng quân. Băng qua thửa ruộng nhỏ, đi vòng theo bìa làng Đồng Lâm, vào sâu trong núi, chúng tôi có nhiệm vụ làm gạch nối cho đồi 51 và quốc lộ 1. Quá nửa khuya chúng tôi đến được vị trí ẩn định, bố trí sơ sơ để nghỉ ngơi, vì tôi đoán chắc chúng tôi còn phải di chuyển trong đêm.

Các tiểu đoàn Biệt Động Quân của liên đoàn 14 đáng lý phải nằm bắt tay hàng ngang với chúng tôi để trải dài tuyến phòng thủ bỗng dưng biến mất, chỉ còn trơ ra mấy đại đội của tiểu đoàn tôi nằm lẻ loi trên vài cái đỉnh đồi.

Khoảng 4 giờ sáng ngày 24 tháng Ba, đại đội tôi nhận nhiệm vụ làm gạch nối ở làng Đồng Lâm để yểm trợ cho đại đội 1 và đại đội 2 rút ra từ phía núi. Trời sáng rõ khi các đại đội 1 và 2 ra đến quốc lộ. Đại đội 1 nằm lại để đại đội tôi rút. Dân làng Đồng Lâm đứng nhìn chúng tôi rút quân, thật khó để tôi có thể phân biệt được ánh mắt của họ căm

thù hay thích thú. Đại đội tôi về đến đồi Chè -cây số 23- nằm lại khi đại đội 1 rút qua mặt chúng tôi. Có vài tên du kích từ trong làng ra bám chúng tôi từ xa xa. Việt Cộng pháo 130 ly ra quốc lộ như mưa để chặn đường rút của chúng tôi nhưng không chính xác nên không có thiệt hại nào.

Đang di chuyển chúng tôi phải ngừng lại nhường một cánh quân Địa Phương Quân đang kéo từ hướng đông về quốc lộ. Có hai lý do, thứ nhất, chúng tôi là đơn vị chặn hậu nên phải đi sau cùng, thứ hai chúng tôi không muốn bị lộn xộn mất chỉ huy như kinh nghiệm 72, rất dễ bị trà trộn.

Buổi trưa đại đội tôi phối hợp với một đại đội Biệt Động Quân -không hiểu từ đâu hiện ra- rải quân nằm ở bờ bắc sông An Lỗ, trong khi tất cả tiểu đoàn tôi nằm ở bờ nam. Nhưng rồi khoảng 2 giờ trưa, đại đội Biệt Động Quân lại biến mất. Họ không báo cho chúng tôi biết và họ cũng không đi qua cầu An Lỗ. Tôi không đoán nổi là họ đi lối nào và lúc nào. Tôi báo cáo về tiểu đoàn. Chỉ còn đại đội tôi nằm ở bờ bắc cầu An Lỗ. Lúc 4 giờ chiều tôi nhận lệnh rút về phía nam cầu. Chúng tôi về nằm dọc bờ sông ngay chân cầu.

Dân chúng ở đây không chạy hết như tôi nghĩ. Ngay trong khu vực đóng quân của tôi có một ngôi chùa đang tập nập dân chúng đi lễ. Tôi không biết là ngày lễ gì nhưng quang cảnh quanh ngôi chùa rất thanh bình. Tôi tự cảm thấy thừa thãi khi xuất hiện tại đây với đầy đủ vũ khí, trang bị của một thằng lính ngoài mặt trận. Hình như người dân ở bờ nam cầu An Lỗ không biết hay không cần biết đến những chuyện đang xảy ra sát cạnh họ, ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến cuộc sống của họ. Tôi thực không thể hiểu vì lẽ gì và tại sao người dân ở đây lại có thể bình thản đến như vậy.

Súng vẫn nổ liên hồi ở sông Bồ nhưng tôi đã mất liên lạc với trung đội 2 của Huy mập từ đêm hôm qua, khi chúng tôi rời bỏ căn cứ Hòa Mỹ, không hiểu bọn nó giờ này ra sao.

Tôi lại nhận lệnh ra quan sát và báo cáo về chuyện Công Binh phá cầu An Lỗ. Một người lính gác nói với tôi.

“Vừa có một chiếc Jeep chạy qua cầu, cũng có một bà già đi qua bên kia, không hiểu họ có về kịp không.”

Tôi chỉ có nhiệm vụ quan sát và báo cáo chứ tôi đâu có chỉ huy toán phá cầu, nên tôi đâu có quyền hoãn lại để đợi họ trở lại. Tôi nói:

“Họ không về kịp là tại cái số của họ phải ở lại với Việt Cộng. Tao đâu có quyền hoãn chuyện phá cầu.”

Kết quả phá cầu không được như ý, chỉ có xe là không lưu thông được, còn người đi bộ vẫn qua lại thoải mái. Không hiểu toán Công Binh này thực sự không muốn phá cầu hay tại họ không đủ khả năng. Tôi báo cáo kết quả này lên tiểu đoàn và xin phá thêm một lần nữa. Tiểu đoàn trả lời:

“Toán công binh không thuộc Thủy Quân Lục Chiến nên không thể ra lệnh trực tiếp cho họ được. Phải xin lên trên, nhưng hiện giờ số thuốc nổ của họ cũng đã hết, nếu xin được chắc cũng không kịp. Muộn rồi.”

Tôi không hiểu ý nghĩa của tiếng muộn rồi nên kỳ kèo thêm:

“Ngày hôm nay không kịp thì ngày mai, chứ cái cầu như vậy thì coi như đâu đã phá.”

“Thôi được, để tôi xin, nhưng chắc chắn với anh là không kịp đâu. Vô ích!”

Không hiểu tiểu đoàn xin thật hay chỉ hứa với tôi để tôi khỏi kỳ kèo.

Khoảng 6 giờ chiều Huy mập gọi:

“520 – 272.”

“Nói, tại sao giờ này ông mới chịu lên “mai”?”

“Cái “mai” của tôi banh rồi 520. Tôi phải mượn của bọn “con cua”.”

“Cho tôi biết tình trạng của ông ra sao. Khỏi nguy.”

“Tụi tôi banh hết rồi, còn có mấy mống thôi, lại sắp phải ủi thêm cú nữa. Tôi cũng bị thương rồi.”

“Mấy thằng bị thương ra sao?”

“Tôi xin tải thương nhưng bọn “Lươn Đen” -Tiểu đoàn 5 Hắc Long-bắt tự túc.”

“Sao ông không xin thẳng 324?”

324 là thiếu tá Tiền, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 5 Hắc Long, tháng trước ông còn là tiểu đoàn phó tiểu đoàn 4 tôi, người nổi tiếng “ngon lành” khi trực tiếp chỉ huy chúng tôi đánh trận Cửa Việt ngày ngưng bắn.

“324 biết rồi, ông còn nói: “Thầy trò mày rán làm cho tao cú nữa, đây là trận đầu của tao ở bên này”.

“Thôi được rồi, tôi xin bên mình lo cho ông. Còn ông gom con cái lại. Đây là lệnh của tôi không ừi nữa vì bất cứ lý do gì. Ông nghe rõ không?”

“Rõ, 520.”

Tôi gọi đại đội trưởng, Đại đội trưởng bó tay. Tôi liên lạc với tiểu đoàn, tiểu đoàn hứa sẽ can thiệp.

Khoảng 7 giờ tối, tôi liên lạc thêm một lần nữa với tiểu đoàn yêu cầu lo gấp cho trung đội 2. Tiểu đoàn trả lời bất lực. Tôi liên lạc với trung đội 2 nhưng không được.

8 giờ tối, khi tôi đang cố gắng liên lạc với trung đội 2, Đại đội trưởng gọi tôi lên họp.

“Ông cho con cái trang bị nhẹ tối đa, bằng mọi giá phải về đến Thuận An trước 6 giờ sáng mai. Ai tới trễ sẽ bị bỏ lại vì chỉ có một chuyến tàu đón mình về Đà Nẵng thôi.”

Bây giờ tôi mới hiểu tiếng “muộn rồi” của tiểu đoàn. Tôi hỏi:

“Còn trung đội trưởng Huy mập sao?”

“Bỏ! Đại đội có một bản đồ thôi, tôi không chia cho ông được, ông về chuẩn bị khi nào có lệnh của tôi thì đi.”

“Sao tiếng bỏ của ông nghe gọn quá vậy 369?”

“Chứ ông thấy còn cách nào khác không? Bây giờ chỉ còn mỗi một việc là lo được cho trưởng nào thì lo. Ông về chuẩn bị đi.”

Tôi bước ra, muốn khóc. Mẹ kiếp, bạn nhà binh tình nhà thổ, không ai lo cho bọn nó cả, còn tôi lại không thể nào lo được cho tụi nó. Tiếng súng vẫn nổ dữ dội phía sông Bồ. Không hiểu nó có nghe lệnh tôi rút

ra ngoài hay lại nổi máu điên mà ủi tiếp. Ai chứ thằng Huy mập này thì mê ủi lắm.

Đại đội tôi trang bị nhẹ. Súng cối mang theo mười quả đạn, đại liên một dây 100 viên, M-79 một dây sáu quả, M-16 một băng; mỗi người lính hai quả lựu đạn, một bao gạo sấy, một lon thịt hộp; tất cả những thứ bỏ lại vớt hết xuống sông An Lỗ, quần áo mừng mền cũng vớt.

Tôi cố gắng liên lạc với Huy mập nhưng vẫn không được. Âu cũng là phần số. Hy vọng nó bám được theo tiểu đoàn 5.

9 giờ tối tôi nhận lệnh di chuyển, đại đội tôi đi sau cùng của tiểu đoàn. Khi đi ngang chỗ đại đội trưởng, ông ta đã bỏ đi từ trước.

Tôi liên lạc một cách nhẩn nại với trung đội 2. Trời đã không phụ tôi. Trung sĩ Khang trung đội phó trả lời tôi ở đầu máy bên kia:

“Tao gặp 272.”

“520 chờ.”

“Thôi khỏi, mày nói 272 ngay bây giờ kéo hết con cái ra quốc lộ, ngay bây giờ, nghe rõ không?”

“Rõ, 520.”

“Cố gắng kéo hết con cái ra quốc lộ, theo dòng người về Huế.”

Tôi yên tâm. Với trung đội 2 tôi đã cố gắng hết khả năng của tôi. Những thằng bị thương tùy thuộc vào trung đội trưởng và những thằng còn khỏe mạnh của trung đội. Nếu tôi không cố gắng liên lạc, chưa chắc bọn nó chịu nằm yên, nhưng cũng chẳng còn ông xếp nào nghĩ đến cái trung đội què quặt đang bị bỏ rơi.

Bập bùng trước mặt là đám lửa của chiếc M-48 cháy nằm ngay trên quốc lộ. Đó đây trên đường lộ, xác của những người lính bất hạnh nằm chết đủ kiểu. Đoàn người vẫn đi qua, chỉ có những cái nhìn ném về phía những xác chết. Dòng người càng lúc càng đông, đại đội tôi bị lẫn trong dòng người đang di chuyển về phía nam. Thỉnh thoảng trên đường chúng tôi di chuyển, bọn du kích xuất hiện bắn chặn chúng tôi, y hệt cái kiểu năm 72 đã tạo ra đại lộ kinh hoàng, nhưng lần này không phải là cuộc rút chạy hỗn loạn của năm 72. Tuy không dễ chỉ huy như bình thường nhưng chúng tôi không bị lẫn lộn với các

đơn vị Bộ Binh hoặc Địa Phương Quân, cũng không bị lẫn lộn với những người dân, tuy rằng cũng có những đơn vị khác, cũng có một ít dân chúng cùng chạy với chúng tôi, nhưng vẫn có một sự khác biệt của một đơn vị còn chỉ huy nên những cái nút chặn của bọn du kích không có khả năng chặn được chúng tôi lại. Và cũng nhờ ở sự trật tự này nên nếu có bọn Việt Cộng trà trộn vào, cũng không dám giở trò ném trái khúi chỉ điểm hay dùng máy truyền tin để điều chỉnh pháo binh của chúng như hồi năm 72.

Tuy nhiên tôi là thằng ích kỷ, chỉ biết đến đại đội mình nên tôi đã ngầm khuyến khích lính của tôi đi càng nhanh càng tốt, tôi đã rất lỏng lẻo trong việc kiểm soát lính, thậm chí tôi còn lơ đi khi thấy lính tách khỏi hàng đi vượt qua mặt tôi. Đại đội tôi tan dần vào dòng người, cuối cùng chỉ còn tôi và vài người lính thân tín. Trung sĩ Khang gọi cho tôi biết là đã gặp đại đội chỉ huy của tiểu đoàn, những người lính bị thương không thể đi được đã được gửi theo xe cơ hữu của tiểu đoàn. Tôi yên tâm hoàn toàn về trung đội 2.

Tôi đi vượt lên trên, gặp đại đội 1, thật tuyệt hảo! Đại đội 1 vẫn đi một hàng dọc bên lề đường, các sĩ quan đi ngoài hàng ngang với trung đội của mình và người đại đội trưởng, đại úy Tài, tay cầm một khúc cây làm roi đi lên đi xuống theo đại đội, miệng la hét chửi bới và cả quất roi vào đít những tên lính nào bỏ đứt đoạn hay đi chệch ra khỏi hàng. Đại đội 1 di chuyển như đang thực tập bài di hành trong quân trường, chứ không phải đang rút lui gấp cho kịp tàu. Gặp tôi đi tới, đại úy Tài hỏi.

“Đụ mẹ, đại đội mày đâu?”

“Loạn xà ngang hết rồi anh Hai.” -Chúng tôi vẫn gọi đại úy Tài là anh Hai, anh Hai Tài.

Anh Hai Tài cầm roi nhấp nhấp về phía tôi:

“Đụ mẹ, năm roi nghe mày!”

Tôi cười cười ngượng ngượng:

“Lên tàu rồi đánh, anh Hai. Em đi trước nghe.”

“Ờ, tới Huế rán gom đại đội lại nghe mày, thằng láu cá!”

Qua ngã ba An Hòa, đã gần 12 giờ khuya, tôi đi thêm một đoạn nữa, đến chỗ đèn sáng ngồi nghỉ, đồng thời để dễ gom lính lại. Khoảng hơn nửa tiếng sau, tôi gom được gần hai chục mạng chậm chân hơn tôi, tiếp tục kéo nhau đi.

Đến cầu Bạch Hổ, tại chòi gác ở gần cầu, tôi thấy một người lính Nghĩa Quân quần áo súng đạn rất chỉnh tề đang đứng gác. Tôi ngạc nhiên hỏi:

“Giờ này còn đứng gác cái mẹ gì ở đó, cha nội?”

“Em không nhận được lệnh gì hết.”

“Lệnh cái con cặc, tiểu đội trưởng mày đâu?”

Một người lính già tay xách khẩu súng chạy lại.

“Dạ tôi.”

“Huế bị bỏ rồi, ông còn gác cái gì nữa. Tôi là trung úy ra lệnh tan hàng, về lo mang vợ con đi gấp nghe không!”

“Dạ.”

Thật tôi không thể hiểu nổi tại sao mấy ông xếp lại có thể nhẫn tâm bỏ lại lính tráng mà chạy lấy thân như vậy, trong khi tình hình đâu đến nỗi. Trung đội 2 của Huy mập đã bị mấy ông xếp bỏ rơi. Không, tiểu đội Nghĩa Quân này bị lừa ở lại thì đúng hơn. Những loại ông xếp vô liêm sỉ này trong quân đội chắc chắn không phải là ít. Không hiểu hiện giờ ở khắp Quảng Trị Thừa Thiên này có bao nhiêu đơn vị nhỏ còn đang phải thi hành nhiệm vụ nào đó trong khi các ông xếp của họ đã ung dung ở Đà Nẵng hoặc Sài Gòn. Xin hãy gán anh dũng bội tinh với ngành dương liễu cho những ông xếp này. Ở mà hình như cũng chẳng phải xin, vì thường ra thì huy chương được gán nhanh và nhiều vào ngực áo của những thằng chẳng bao giờ biết đánh đấm là gì. Xin cảm ơn những cái huy chương.

Một bà già đứng ở cửa một túp lều bên vách tường thành Phú Văn Lâu, một tay cầm đèn dầu, tay còn lại quệt nước mắt liên hồi, nhìn chúng tôi. Tôi hỏi bà cụ:

“Răng không đi mẹ?”

“Mẹ không có tiền để đi con ơi!”

“Tụi con cho mẹ tiền, hay mẹ đi chung với tụi con.”

“Chừ hết kíp rồi con ơi!”

Ba

Huế đang là một thành phố chết và đang là một thành phố bị bỏ ngỏ. Cả thành phố chỉ còn lại vài ba ngọn đèn đường, cái sáng cái tối, đạn pháo Việt Cộng nã đều vào cầu Trường Tiền và khách sạn Hương Giang, đó đây người ta đang đạp xe ba bánh, xe xích lô đi hôi của.

Đi lối cầu mới thì được an toàn, nhưng tôi sẽ đi lối cầu Trường Tiền mặc dù cầu này đang bị pháo. Một chút lảng mạn trong người tôi nổi dậy, chẳng gì cũng chỉ còn là lần chót. Ngay đầu cầu, một chiếc M-48 nằm chình ình, máy vẫn còn nổ mà không có người. Lên đến giữa cầu, tôi nói với mấy thằng lính đệ tử.

“Quay lại nhìn Huế lần chót bay, chắc chắn là mình sẽ không đánh ra tới đây để lấy lại đâu.”

Một nỗi buồn dâng lên trong tôi, không khóc nhưng mắt tôi đoanh tròn. Bao nhiêu gian truân, bao nhiêu xương máu, bao nhiêu xác người, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của bạn bè, của anh em đồng đội tôi đã đổ xuống cho cái vùng địa đầu nghiệt ngã này. Bản thân tôi cũng đã hai lần đổ máu ở nơi này, bây giờ bỗng chốc bỏ đi, hỏi ai là người không tức tưởi. Dù má những thằng chịu trách nhiệm trong vụ bỏ Huế này, lịch sử sẽ bôi tro trát trấu vào mặt chúng! Những ai đã từng tuyên bố, từng hô hào tử thủ Huế giờ này ở đâu? Khốn nỗi, những thằng đánh trận mà luôn luôn đi đằng sau và luôn luôn bỏ chạy trước lại là những thằng có quyền, có quyền mà hèn nhát, đồn mặt nên bây giờ bao nhiêu người khốn đốn, rút chạy như một lũ thua trận. Nhưng thực sự chúng tôi đã đánh nhau đâu để bị gọi là thua! Đồ tiếp liệu trong thành Mang Cá dư sức cung cấp cho lũ đoàn tôi ít nhất là ba tháng, tại sao không cho chúng tôi vào thành Nội? Ờ mà tử thủ làm chó gì, bao nhiêu thằng xếp cút mẹ nó hết rồi, vợ đẹp con khôn và tiền bạc bao năm ăn bản không lẽ lại vứt bỏ. Vậy thì tội chó gì mình lại nghĩ đến chuyện ở lại đánh nhau để chết oan mạng, cùng lắm được vài giọt nước mắt cá sấu, một cái huy chương không giá trị, những lời ca tụng giả dối, ngoài cửa mồm thôi chứ có mẹ gì nữa đâu. Đồ chó má!

Qua hết cầu, tôi gặp đại úy Chiêu, Đại đội trưởng đại đội 3, tay cầm chai rượu chát khổng lồ, túi đựng chai rượu mạnh. Thấy tôi ông kêu lớn:

“Ê Huy, nhậu mày.”

Bao nhiêu tủi hờn, căm hận, buồn bực biến mất nhanh như viên đạn ra khỏi nòng súng. Bọn tôi ngồi quây tròn giữa ngã tư đầu nam cầu Trường Tiền nhậu không có mồi, không có nước đá “chữa lửa” thì chúng tôi nhậu chay. Câu chuyện lại vui như pháo Tết. Mấy tên lính không biết lấy xe xích lô của ai chở đầy xe thuốc lá Ruby và bia Quân tiếp vụ đến tiếp tế và nhập cuộc. Tôi đập vỡ cổ chai bia rót từ đầu xuống, người ướt đầm bia thích thú, từ bé đến lớn chưa bao giờ được tắm bằng bia mà. Nhưng chẳng có cái đại nào giống cái đại nào: bị ướt bia, người tôi dính nhem nháp khó chịu.

Đang ngồi nhậu, Đại đội trưởng tôi không biết từ đâu tới cho biết điểm hẹn đã thay đổi vì những kho đạn, kho xăng ở Thuận An đã bị cháy, không biết vì pháo kích hay vì đặc công. Điểm tập trung mới là bến phà Tân Mỹ.

Mấy ông lính của tôi không biết vác ở đâu ra một lô súng mới tinh, nào là M-16, nào là M-79, nào là đại liên M-60, còn có cả máy truyền tin ANPRC-25 nhưng không có pin. Tôi bảo lính đi lấy thêm, đại đội trưởng tôi không chịu:

“Vác nặng thêm chứ được cái gì!”

“Nặng khi gì, mình đi tàu đâu có vác.”

“Tôi nói không, giờ này không lo mà đi đi, còn ở đó mà lo súng với lo nhậu. Đi!”

Tôi uể oải đứng dậy. Lệnh đi thì đi chứ thực sự tôi còn muốn ngồi nhậu, mấy khi còn có dịp ngồi xếp chân bằng tròn giữa ngã tư mà nhậu thế này. Ung dung ngồi nhậu nhìn thiên hạ hót ha hót hã thú lắm chứ. Tôi đi qua khách sạn Hương Giang lúc này đã hết bị pháo kích, qua Đập Đá, đến ngã ba con đường đất đỏ. Ngã ba này là điểm tụ hội của dòng người đi từ Huế ra và dòng người quá nhanh chân nên phải đi ngược từ Thuận An vào. Tất cả đổ vào con đường đất đỏ để đến bến phà Tân Mỹ.

Đại đội trưởng ra lệnh tôi đợi ở ngã ba để chỉ đường cho lính ở cả hai phía tới, còn ông ta nhập vào dòng người đi trước.

Tôi gặp So, trung úy đại đội trưởng đại đội 2. So, Hồ, Sáng và tôi là bốn thằng cùng về tiểu đoàn một ngày. So cũng đứng lại đợi những con nhận là đả, đứng với nhau cùng ngậm ngùi về chuyện thằng Sáng. Chừng nửa tiếng So cũng lại đi trước.

Khoảng gần 3 giờ sáng, khi dòng người thưa dần tôi mới đi. Đi chừng chưa đầy 20 phút, chúng tôi mất bóng những người đi trước vì bị đứt đoạn. Đến một ngã ba rẽ ra như hình chữ Y, hai ngã đường đều lớn như nhau, tôi rất phân vân trong sự lựa chọn. Trong số người có mặt, tôi là thằng có cấp bậc cao nhất, tôi lại có máy truyền tin nên mọi người đều trông vào tôi. Tôi gọi máy cho đại đội trưởng:

“Tôi gặp ngã ba hình chữ Y, 369 cho biết đi đường nào?”

“Đi thẳng.”

Mẹ kiếp, vậy thì hỏi làm chớ gì cho mất công, đường nào cũng là đường thẳng và đường nào cũng là đường rẽ.

“Ông cho tôi biết phải đi về hướng nào?”

“Hướng nam, bộ ông không đang đi về hướng nam sao?”

Tôi không muốn hỏi nữa. Đường bên trái về hướng đông nam, đường bên phải về hướng tây nam. Tôi chọn đường bên trái vì chắc chắn đường này sẽ ra đến phá Tam Giang. Đi được chừng hai cây số, có một xe Jeep từ sau chạy tới. Tôi hỏi:

“Phải đi đường này không mấy anh?”

“Ừ, gần tới phá rồi.”

Chắc hẳn là mình đã đúng đường, cứ thế chúng tôi đi. Nhưng khoảng chừng 15 phút sau, chiếc xe Jeep lúc nãy đi ngược trở lại, không đợi hỏi, mấy người trên xe đã nói:

“Tụi tôi ra tới phá rồi, không gặp ai hết, quay lại đi.”

Chúng tôi nhìn nhau thở dài. Tôi liên lạc với Đại đội trưởng:

“369 – 520.”

“Nói.”

“Tôi đi lạc rồi, bây giờ vòng lại thì xa quá, ông bắn cho tôi ba phát súng để tôi định hướng.”

Im lặng. Tôi gọi lại:

“369 – 520.”

“Nói.”

“Sao ông chưa bắn?”

“Bắn rồi.”

“Tôi không nghe gì hết, ông bắn lại đi.”

Lại im lặng. Tôi lại gọi:

“369 – 520.”

“Nói đi.”

“Ông bắn chưa?”

“Rồi, cha nội.”

“Vậy thì tôi đi lạc xa quá rồi!”

“Ông rán đi làm sao cho kịp thì đi.”

Giận quá tôi mĩa:

“Cám ơn 369.”

Chúng tôi kéo nhau đi ngược trở lại, đi theo tôi có đến bốn, năm chục người nhưng thầy trò tôi chỉ có ba. Thế là mất toi cả hơn tiếng đồng hồ, bù lại được cái là tăng thêm một nhọc và sự bức mình.

Về đến ngã ba chữ Y lúc nãy, đương nhiên lần này tôi không còn phân vân hay phải hỏi đường.

Càng đi đoàn người phía sau càng đông dần và dần dần qua mặt chúng tôi. Có rất nhiều xe đi qua, tôi chặn được một xe Jeep không đến nỗi chật lắm, cả ba thầy trò tôi cùng lên được trên xe. Tôi nghĩ bụng, mệt quá rồi, thôi thì phó mặc cho tài xế. Ngủ.

Tôi ngủ ngon lành cho đến khi xe đến bến phà Tân Mỹ khoảng 6 giờ sáng. Người đã tập trung ở đây rất đông nhưng phương tiện qua sông lại không có một cái. Bao nhiêu ghe, gọ nằm hết ở bờ phá bên

kia. Tôi chẳng rồi hơi mà lo chuyện làm sao để qua phía bên kia phá, không phải là việc của tôi.

Trong thời gian nghỉ ngơi để chờ đợi, thiếu tá Thành cho tập hợp các sĩ quan của tiểu đoàn lại để tự giới thiệu.

“Tôi là thiếu tá Thành, Đinh Long Thành, tiểu đoàn trưởng mới của các anh. Tàu đã đợi sẵn chúng ta ở bờ biển, các anh kiểm điểm lại quân số. Những mất mát về vũ khí, trang bị không thành vấn đề. Chúng ta sẽ được tái trang bị khi vào đến Đà Nẵng.”

Kể cũng tức cười, sau khi chạy vắt giò lên cổ, chạy ướt nhẹp cả quần, tiểu đoàn trưởng mới được giới thiệu với các sĩ quan trong tiểu đoàn. Quân số đại đội tôi thiếu gần chục mạng, tuy nhiên người vẫn tiếp tục đến. Trung đội 2 của Huy mập cũng đã có mặt, kể cả những người bị thương nhẹ; còn những người bị thương nặng tôi không biết họ ở đâu nhưng chắc là được yên ổn, an toàn.

Khoảng 11 giờ đại đội tôi vượt xong phá Tam Giang.

Nơi mới đến tôi chỉ biết duy nhất có một điều là bốn bề là nước, phía bắc là cửa Thuận An, phía nam là cửa Tư Hiền, phía tây là phá Tam Giang và phía đông là biển Đông. Một cái túi được bọc kín chung quanh bằng nước, bề ngang đông tây rất hẹp.

Chúng tôi được chia vào nằm ở những căn nhà dọc hai bên con đường đất chính của làng ở ven phá để ăn uống, nghỉ ngơi.

Rải rác có thêm những người lính của đại đội tiếp tục đến, cho biết đã có những đụng độ giữa Việt Cộng với những người đi phía sau.

Hơn 12 giờ trưa, chúng tôi được lệnh di chuyển ra bờ biển. Vừa lên hết đụn cát cạnh làng tôi đã thấy ngay một chiếc tàu thật lớn mang số HQ-801 thừa sức chứa cả lữ đoàn đã đợi sẵn ở gần bờ không biết từ bao giờ. Tôi nghĩ bụng chỉ còn lên tàu nữa là chấm dứt sự rút chạy, bọn Việt Cộng có tới nơi cũng sẽ chỉ được một phen chưng hửng. Nhưng lên tàu cũng còn có nghĩa là chấm dứt một cách nhục nhã và vô lý cuộc chiến đấu khủng khiếp mấy năm trời nay để giữ vùng Quảng Trị và Huế, và sẽ chẳng bao giờ còn trở lại cái nơi đã in đậm vào tôi những kỷ niệm vui buồn xấu tốt.

Sóng có vẻ cao ở sát bờ nên tàu phải đậu cách bờ có đến khoảng năm mươi mét. Những người dân chạy loạn và lính tráng của các đơn vị khác tan hàng đã đứng đầy ở bờ biển. Họ đã chạy theo chúng tôi từ Quảng Trị, Huế và các vùng phụ cận về đến đây.

Theo lệnh lữ đoàn, mỗi tiểu đoàn tập hợp thành một khối đứng quay lưng ra biển. Đại đội tôi mỗi trung đội đứng một hàng dọc cộng với một hàng dọc ngắn của ban chỉ huy đại đội.

Trong khi kiểm điểm quân số, tiểu đoàn bắt được một tên Việt Cộng trà trộn. Tên này cũng mặc quần áo Thủy Quân Lục Chiến, cũng đeo bảng tên màu đỏ của tiểu đoàn, bị phát giác vì một sự ngờ nghệch nhỏ. Mỗi bảng tên đều có con số của từng đại đội, tên Việt Cộng này mang bảng tên không có số tức là thuộc đại đội chỉ huy lại đứng vào khu vực của đại đội 2. Bắt được tên Việt Cộng trong hoàn cảnh này dù có nhân đạo đến đâu cũng không thể giữ làm tù binh, mà chỉ có một cách duy nhất là tặng chàng cái vé đi tàu suốt.

Buổi sáng kiểm điểm quân số ở bên kia phá, tôi chỉ nghe báo cáo của các trung đội, bây giờ đâm hoảng, tôi phải đích thân đi nhìn mặt từng người lính trong đại đội. Oái ăm thay ngay trong trung đội tôi – tôi làm trung đội trưởng trung đội 4 thay cho thiếu úy Sáng từ ngày Sáng qua đơn vị mới, vì tôi là đại đội phó nên mọi sinh hoạt của trung đội đều do trung sĩ nhất Ba trung đội phó điều động. Tôi hoảng hồn vì trong trung đội tôi có mấy tên mang đúng bảng tên của đại đội nhưng mặt mũi lạ hoắc, có một tên còn dắt theo một cô gái đang lúng ta lúng túng, mặt mũi tái xanh tái mét. Tôi hỏi:

“Mày đại đội nào?”

“Em đại đội 4.”

“Mày trung đội nào?”

“Em trung đội 4.”

“Trung đội trưởng mày là ai?”

“Là trung úy”, – vừa nói người lính vừa chỉ tôi.

Trung sĩ nhất Ba đỡ lời:

“Nó là lính mình đó trung úy” – anh ta chỉ thêm mấy người lính nữa – “mấy đứa này cũng lính mình luôn trung úy. Tụi nó về đại đội hồi ông đang đi phép, ra tới đại đội ông đi Mỹ Chánh liền nên không biết tụi nó.”

Tôi hỏi tiếp:

“Cô gái này là gì của mày?”

Cô gái hốt hoảng nói:

“Em là vợ anh ấy.”

“Phải không mày?”

Tay lính ngập ngừng, tiếng dạ lí nhí trong miệng.

“Mày mới Sài Gòn ra mấy ngày, tại sao đã có vợ Huế?”

Cô gái òa lên khóc, thú nhận:

“Em không phải là vợ anh này, em là người Huế, em học năm thứ hai Văn Khoa” – vừa nói cô gái vừa móc căn cước và thẻ sinh viên đưa cho tôi – “em không phải là Việt Cộng.”

Bất thần cô gái sụp xuống lạy tôi như tế sao:

“Trung úy cho em đi theo với, em không còn cách nào để đi được.”

“Mấy cô hoạt động chống chính phủ dữ lắm mà, sao không ở lại đón Việt Cộng, chạy theo tụi tôi làm gì. Hay cô được gài đi theo mấy thằng lính “mồ côi” này.”

Cô gái khóc rống lên một cách thảm thiết, tay vái tôi lia lịa:

“Gia đình em đi trước hết rồi, còn mình em ở lại để thu xếp nhà cửa rồi đi sau, đâu ngờ đã không kịp thu xếp gì hết lại còn bị kẹt như vậy.”

Tôi bảo trung sĩ nhất Ba:

“Anh coi kỹ giấy tờ rồi khám người cô ta xem có gì khả nghi không?”

Tôi không phải là người dễ xúc động vì những giọt nước mắt đàn bà, tôi cũng không phải là một người cả tin nhưng xét cho cùng, người con gái trong hoàn cảnh loạn lạc này, một thân một mình nếu không bám vào chúng tôi thì còn biết bám vào ai, kể cả trường hợp nếu cô ta là người của Việt Cộng gài cũng chẳng có gì đáng ngại vì tôi đâu

để cho cô ta đi lại thoải mái, còn nếu cô ta đích thực chỉ là một người dân cần chạy theo chúng tôi mà mình không giúp chẳng hóa ra mình tiếp tay cho Việt Cộng hay sao.

Năm 72, tôi đã chứng kiến cảnh những người dân Quảng Trị bị kẹt lại trong vùng của Việt Cộng, khi chúng tôi đánh chiếm lại vùng thôn Bích La, Triệu Phong, có những đoàn người đã vượt bao nhiêu nguy hiểm để tìm về với “bộ đội miền”, có đoàn lúc khởi đầu khoảng ba trăm người, sau ba bốn ngày đêm đi ngày trốn, đến khi gặp được chúng tôi chỉ còn chừng một trăm. Có đoàn khi đi khoảng một trăm, sau nhiều ngày trốn tránh đã không bị chết dọc đường, nửa đêm cuối cùng của đoạn đường vướng phải mìn tự động của một trung đội tiền đồn chết một số, tiếng rên của những người bị thương, tiếng la của những người hốt hoảng với âm điệu miền Trung đã lọt vào tai chúng tôi thành những tiếng “xung phong”, thế là đạn chúng tôi bắn ra, lựu đạn chúng tôi ném ra lại giết thêm một số dân không tí kinh nghiệm gì về chiến trường, sáng ra nhận diện được nhau rồi, gom góp lại còn khoảng chưa tới năm mươi người, kể cả những người bị thương.

Có toán về gặp chúng tôi giữa ban ngày, có một người đàn ông mừng quá ôm chầm lấy một người lính vừa nhắc bóng lên vừa kêu “gặp lính miền rồi, gặp lính miền rồi, chết cũng sướng, chết cũng sướng”, kêu xong ông ta nhảy ùm luôn xuống dòng sông Vĩnh Định, khi chúng tôi vớt lên được chỉ còn một cách là đắp cho ông ta một nắm mồ. Hương hồn ông chắc chắn là đã ở nơi miền cực lạc.

Những hình ảnh đó của quá khứ đã bắt buộc tôi phải cho cô gái Huế học Văn Khoa đi theo trong đại đội, nhưng dưới sự kiểm soát của hai người lính trong ban chỉ huy của đại đội. Khả năng và quyền hạn của tôi không thể giúp được cho tất cả những người dân đang chờ đợi, mong ngóng được lên tàu đứng đông nghẹt ngoài kia, nhưng giúp chỉ một cô gái thôi thì tôi có thể làm được.

Cả lữ đoàn tập hợp đứng khời khời quay lưng ra biển từ hơn 12 giờ trưa cho đến 4 giờ chiều trong khi chiếc HQ-801 vẫn dập dềnh chờ đợi. Không hiểu để làm gì và không hiểu tại sao. Điều này chỉ có Ó Lương tức Đại bàng Lâm Thao biết, hoặc thêm một ít sĩ quan trong

ban tham mưu của lữ đoàn biết, còn ngoài ra, chúng tôi, những thằng lính đang đứng tập hợp trong hàng không thể nào biết. Có một số lính vô kỷ luật đã trốn khỏi hàng, lấy mấy chiếc ghe nằm trên bãi biển chèo ra tàu cùng với những người lính Bộ Binh và một ít dân chúng. Trong số này tôi thấy có cả trung sĩ Châu, hạ sĩ Nam lùn và mấy người lính của đại đội. Tôi nhìn những thuộc cấp đó hoàn toàn đứng đưng, chẳng còn buồn nghĩ là họ đúng hay họ sai nữa.

Người lính cuối cùng của đại đội vắng mặt khi tập hợp đã tìm đến, binh nhất Tuấn. Tuấn bị bắn nát cánh tay trái, máu nhuộm đỏ cả tay áo, quần áo người ngòm ướt nhẹp, bê bết bùn, nhưng vẫn vác khẩu đại liên M-60 với còn chừng nửa dây đạn trên vai phải. Tuấn nói:

“Tụi nó đã kéo tới đầy hết bên kia phá rồi. Em bị tụi nó bắn theo khi mới ra khỏi bờ được một khúc. Lính mình bị kẹt bên kia vẫn còn nhiều, đang đưng.”

Chúng tôi được lệnh di chuyển khi y tá đang băng cánh tay cho Tuấn đại liên.

Đừng tưởng bở, không phải chúng tôi di chuyển ra bờ biển để xuống tàu, và cũng không phải chúng tôi di chuyển ra bờ phá để lập tuyến phòng thủ, mà là di chuyển một hàng dọc dọc theo bờ biển đi về hướng nam. Nhưng cũng không phải là tiếp tục cuộc rút lui đến một điểm hẹn khác, mà lần lượt các tiểu đoàn, các đại đội nối đuôi nhau tà tà mà đi. Tôi xin nhấn mạnh là chúng tôi đi rất tà tà dọc theo bờ biển.

Trong khi đang tà tà dạo mát như vậy, một chiếc trực thăng từ phía biển bay vào, quần trên đầu chúng tôi rồi ném chừng một chục bao cát đựng gạo sấy và thịt hộp. Một sự hỗn loạn đã xảy ra để tranh giành mấy bao cát đựng lương thực ném xuống được gọi là tiếp tế đó. Có một bao rơi trúng đầu làm bất tỉnh một người lính. Khốn khổ cho những thằng lính chúng tôi, đói thì thực sự chưa đói, bao nhiêu thứ bỏ lại hết và sắp sửa đây còn bỏ lại ngay cả mạng sống của mình, vậy mà đi tranh nhau một ít lương thực “tiếp tế” kỳ cục đó.

Có tin đồn là chính tướng Lân ngồi trên chiếc trực thăng tiếp tế này với mục đích là để thị sát, nhân tiện ném xuống cho một ít lương thực. Tôi không tin điều này vì hai lý do, thứ nhất theo tôi nghĩ là

tướng Lâm không thể ra đây trong tình trạng này, và thứ nhì là nếu tướng Lâm có trên trục thăng, chắc chắn người anh cả đã ra lệnh cho chúng tôi xuống tàu bằng mọi giá chứ không phải để chúng tôi cứ tà tà rước đèn như thế này.

Chỉ cần một tay binh nhất có nghĩa là chỉ cần có chừng một năm kinh nghiệm chiến trường, thăng dốt đặc về quân sự, thăng chưa được học một khóa tiểu đội trưởng nào, chứ đừng nói đến hạ sĩ Nam lùn, trung sĩ Châu, cũng đã hiểu là chúng tôi phải xuống tàu càng nhanh càng sớm càng tốt, vì càng dây dưa bao nhiêu là càng rút ngắn khoảng cách giữa chúng tôi với Việt Cộng bấy nhiêu. Đại bàng Lâm Thao tức đại tá lữ đoàn trưởng chắc chắn là biết điều này, vậy thì vì lý do gì chúng tôi đã không được xuống tàu.

Với đội hình một hàng dọc ngoằn ngoèo như con rắn ở dọc bờ biển, chúng tôi nhận lệnh ngồi xuống. Chiếc tàu đã ra xa bờ và “đợi” chúng tôi tận ngoài khơi. Dĩ nhiên nó không thể đậu mãi ở gần bờ để xem chúng tôi đi dạo mát, để xem chúng tôi nấn ná không có một hành động nào chứng tỏ chúng tôi muốn xuống tàu cả. Hai ông xếp lớn của chúng tôi, đại tá Lương lữ đoàn trưởng và trung tá Tống lữ đoàn phó đứng thân nhiên nói chuyện, cười đùa thân mật với một ông xếp lớn nữa là trung tá Tông (trong những bản in trước, vì trông gà hóa cuốc, tôi đã viết là đại tá Thiệt, biệt danh “Tử Thần”, xin thành thật tạ lỗi với “Tử Thần”) liên đoàn trưởng liên đoàn 14 Biệt Động Quân. Không hiểu cả ba ông xếp lớn đang nghĩ gì trong những cái đầu của họ, đang thú vị gì trong những câu pha trò của họ, đang bàn bạc gì bằng những cái mồm của họ. Chỉ biết là cả ba đứng nói chuyện rất thoải mái và thảnh thơi cười ồ lên hình như vì một câu pha trò đầy ý nhị.

Trung tá Tông là người của đơn vị khác và hơn nữa, ông ta là đơn vị trưởng của một đơn vị không còn quân, dĩ nhiên ông ta không có quyền hành gì cũng như trách nhiệm gì đối với chúng tôi. Đối với tôi, ông ta không khác gì cô gái Huế học Văn Khoa đang bám víu vào chúng tôi. Trung tá Tống là lữ đoàn phó trong khi đang có mặt lữ đoàn trưởng, ông cũng không thể có quyền hành hay trách nhiệm gì đối với chúng tôi. Nhưng còn đại tá Lương, người có cấp bậc cao nhất và quyền hạn lớn nhất ở đây, người có trách nhiệm về cuộc lui

quân của chúng tôi, người mà chúng tôi phải gọi là đại bàng, ông đã có sẵn một diệu kế trong đầu chẳng, ông đang muốn noi theo danh tướng thời xưa đang lập một trận Bối Thủy tân thời chẳng.

Tôi rất hoang mang với cái trò dị hợm này, tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách. Chúng tôi đã bỏ Quảng Trị, bỏ Huế, chúng tôi đã bỏ bớt lương thực, đạn dược cùng tất cả mọi thứ trang bị cá nhân, đơn vị lúng cúng khác để tẩu về đến đây, nhưng chúng tôi đã không được lệnh lên tàu khi hoàn cảnh còn có thể, để tẩu cho xong đoạn đường tẩu. Bây giờ chúng tôi tẩu đi đâu trong cái túi “lừa” bốn bề là nước này. Phương tiện độc nhất là chiếc tàu thì nó đã “ra khơi thấy lòng phơi phới” rồi, vì trong lòng nó đã trống rỗng, không có chúng tôi.

Ngập ngừng là chết, đã không thoái được thì phải tiến, nhưng lấy cái gì để mà tiến, và tiến đến đâu? Đạn dược chúng tôi đã hết, lương thực chúng tôi cũng không còn, chúng tôi lại chỉ ở một bên mép của cù lao này, mà còn ngồi khơi khơi hóng mát chứ không chịu phòng thủ. Thoái đã không thoái mà tiến lại không chịu tiến, công đã không công mà thủ lại cũng không thủ. Có phải đây là một chiến thuật mới nhất đang được ghi vào quân sử?

Lính của những đơn vị Bộ Binh đã tan hàng và người dân Huế chậm chân đang chạy theo chúng tôi chắc chắn hẳn là hoang mang hơn chúng tôi nhiều. Họ tụ tập ở nhiều chỗ nhìn chúng tôi, nơi bám víu sau cùng của họ đang ngồi nhìn trời ngấm biển, chúng tôi đang làm gì chúng tôi còn không biết thì người ngoài làm sao biết được.

Cứ ngồi như vậy cho đến gần 6 giờ chiều chúng tôi mới nhận lệnh tổ chức phòng thủ đêm. Đại đội trưởng tôi ra lệnh:

“Ông dắt con cái vô trong kia kiểm chỗ đóng quân tạm. Đợi tôi đi họp về rồi tính sau.”

Sẵn đại đội đang ngồi một hàng dọc dọc theo bờ biển, tôi cho quay phải thành một hàng ngang, cứ vậy mà đi vào phía trong.

Đang di chuyển, mấy viên đạn xé gió bay ngang đầu chúng tôi, bắt nhịp cho dàn đại hòa tấu nhiều loại súng bắn xối xả vào chúng tôi từ phía những lùm dương trên đồi cát.

Cả lũ đoàn nhốn nháo, người ta dồn cục ùn ùn chạy lên phía bắc, rồi lại dồn cục ùn ùn chạy xuống phía nam, mấy chiếc M-113 chạy lẫn trong đám quân này bắn tứ tung loạn xạ ngẫu, không nhắm vào đâu hết.

Đại đội tôi đã ở cách đám đông hỗn loạn đó cả trăm thước nên không bị cuốn theo phản ứng loạn xạ của họ.

Sẵn đội hình hàng ngang, tôi dẫn đại đội xung phong ngay tức khắc vào mấy lùm dương phát ra tiếng súng trên các đụn cát, vừa xung phong vừa reo hò tỏ mở. Kết quả rất hài lòng, khoảng chừng một trung đội Việt Cộng bị đẩy bật ra khỏi vị trí trước sức tấn công vũ bão “bằng mồm” của chúng tôi. Tấn công “bằng mồm” đừng nghĩ là chúng tôi nắp kín một chỗ bắn loạn lên trời rồi mồm la xung phong, cũng đừng hiểu tấn công “bằng mồm” có nghĩa là tấn công bằng đạn mã tử vừa tiến vừa la dưới sự kiểm soát của huấn luyện viên chiến thuật trong quân trường. Tấn công “bằng mồm” ở đây có nghĩa là chúng tôi xung phong tiến chiếm mục tiêu hăn hoi, Việt Cộng bị đẩy bật ra khỏi vị trí nhưng không một tên nào chết hoặc bị thương, vì khi xung phong chúng tôi đã không bắn một viên đạn, mà chỉ có cái mồm ngoác ra mà la, mà reo hò.

Bố trí quân xong, tôi đi một vòng đại đội kiểm soát và được biết chính xác số đạn của từng người lính chỉ còn trên dưới mười viên. Chắc chắn là không thể nào giữ nổi một phòng tuyến tuy khá nhỏ so với quân số một đại đội nhưng lại quá lớn so với số đạn được chúng tôi đang còn, tôi cho thu nhỏ phòng tuyến lại. Một người lính đã chết khi đại đội thu tuyến. Lần đầu tiên trong đơn vị, xác một đồng đội nằm rất gần mà chúng tôi chịu bó tay, không dám mạo hiểm lấy xác, lý do rất giản dị là chúng tôi không có đạn để bắn yểm trợ. Trí thư ký sống khôn chết thiêng thông cảm cho anh em.

Vì là đồi cát nên chúng tôi đào hầm hố, giao thông hào không mấy khó, mọi chuyện được hoàn tất thật nhanh chóng. Việt Cộng lại bám sát chúng tôi.

Đại đội trưởng từ tiểu đoàn về cho biết phát súng đầu tiên Việt Cộng đã bắn chết đại úy Chiêu – Tô Thanh Chiêu – đại đội trưởng đại đội 3 và phát súng tiếp ngay sau đó đã bắn trúng giữa trán thiếu tá Nam -

Nguyễn Tri Nam- tiểu đoàn phó, trong lúc thiếu tá Nam đang chia tuyến phòng thủ cho các đại đội trưởng.

Chiếc tàu đã ra xa, thật xa ngoài khơi, bờ biển đã vắng tanh vắng ngắt, Lữ đoàn đã bố trí thành một đường vòng cung bảo vệ một đoạn bờ biển, những người dân và những người lính mất hàng ngũ đã trốn nấp đâu đó. Mặt trời đã khuất, tất cả đều đã biến mất trong ánh sáng cuối ngày, chỉ còn lại là những tiếng súng, những lần lửa đạn ngang đạn dọc trên đầu chúng tôi. Chúng tôi di chuyển thật hạn chế dưới giao thông hào được đào vội vã để chuyển cho nhau những viên đạn đi nhặt, đi mót được. Bóng tối xuống rất từ từ.

Một chàng trung úy Biệt Động Quân còn đeo cả khẩu Colt 45 bên hông và cái xẻng sau lưng không biết từ đâu xuất hiện, bò đến chỗ tôi, giọng trầm:

“Trung úy cho tôi đi theo trong đại đội” – vừa nói anh chàng vừa vỗ vỗ vào túi quần – “tôi có hơn trăm ngàn, khi về đến Đà Nẵng mình sẽ đi nhậu.”

“Một trò hối lộ bỉ ổi, tôi sẽ đồng ý cho anh đi theo trong đại đội nếu anh có súng và đạn chứ tôi không cần anh phải có tiền. Tôi nhấn mạnh là súng để đánh nhau chứ không phải là súng để làm cảnh như khẩu Colt này.”

“Trung úy để tôi đi kiểm.”

Anh ta bò ngược trở lại phía biển, khuất dần sau những mô cát phía sau lưng tôi.

Đạn cối 61 ly của Việt Cộng nổ rất gần chúng tôi nhưng vì rơi trên cát nên chẳng hiệu quả gì bao nhiêu, và sự điều chỉnh không được chính xác vì Việt Cộng không nắm được vị trí chính xác của chúng tôi. Tuy nhiên những nháng lửa và những tiếng nổ cũng đủ làm cho thần kinh chúng tôi căng thẳng. Một vài quả lựu đạn được ném ra từ giao thông hào chỉ có giá trị níu kéo một chút tinh thần còn sót lại.

Tiếng khóc ư ử của cô gái Huế học Văn Khoa vang lên, thỉnh thoảng còn được cầm chịch bằng những lời kêu than, van vái. Đàn bà quả thật là vô duyên trong lúc này, vậy mà còn phải nghe lời than khóc

của cái món vô duyên ấy nữa. Trong trường hợp này và trong hoàn cảnh này, cô nàng quả chỉ đáng đem ra xử bắn. Tôi bảo tên cao bồi:

“Bưởi, mày tới hỏi con nhỏ bộ muốn chỉ điểm mục tiêu cho Việt Cộng hay sao mà khóc rùm trời vậy?”

Bưởi bò đi một lúc rồi bò về vừa cười vừa nói:

“Con nhỏ vừa khóc vừa kêu cha mẹ ơi, trời phật ơi, tay vái lia lịa mà đâu có thấy nó vái trời, chỉ thấy cái mông nó chống lên trời thôi, còn tay nó vái đất. Còn nữa ông thầy, có thêm một cặp nằm ôm nhau trong tuyến mình.”

“Ngon há, sao mày không tống cổ tụi nó ra?”

“Đâu được ông, lính mình mà.”

“Lính mình hả, thằng nào vậy?”

“Không phải đại đội mình, đại đội chỉ huy. Tụi nó đi theo trung úy Xuân.”

“Ừa, ông Xuân cũng nằm đây à? Để tao đi coi.”

Trung úy Xuân là đại đội trưởng đại đội chỉ huy, nhưng chắc chắn một điều là đại đội chỉ huy không có mặt ở vị trí của đại đội tôi. Tại sao ông Xuân lại nằm đây?

Tôi bò dọc theo giao thông hào, nhiều đoạn chạy quanh phía sau ụ cát nên không phải bò. Đi một vòng để kiểm soát và khích lệ tinh thần lính tráng, tôi đến gặp trung úy Xuân:

“Tại sao ông lên nằm đây?”

“Nằm với tụi mày chắc ăn hơn nằm dưới kia.”

Tôi không hiểu được ý của câu trả lời.

“Còn cặp nào nằm đây?”

“Cao bồi tao, con vợ nó ở Sài Gòn ra bị kẹt lại.”

Tôi bò đi. Cô gái Huế học Văn Khoa đã cố nén tiếng khóc không cho bật ra ngoài, thỉnh thoảng chỉ còn nấc lên một tiếng. Tình cảnh này thật thương tâm, nhưng không ai giúp được gì cho cô ta trong lúc

này, và cũng chẳng có ai rảnh để mà an ủi cô ta. Có mỗi một cô gái nằm gần bên thì cô này cũng quá sợ, ôm cứng lấy chồng.

Việt Cộng vẫn bắn đều, chúng tôi vẫn đáp lễ cầm chừng.

Đại đội trưởng chuyển xuống cho một mũ sắt đạn M-79 và lựu đạn. Chính tôi đi kiểm soát để bổ sung cho lính.

Việt Cộng mở đợt tấn công đầu tiên. Với lối đánh quen thuộc, chúng tôi đã đẩy lui đợt tấn công mở màn, thăm dò của địch nhanh chóng và nhẹ nhàng, chúng tôi không có một tổn thất nào. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra là chúng tôi sẽ phải chống đỡ bao nhiêu đợt tấn công trong đêm, và đến đợt tấn công thứ mấy thì chúng tôi hết nhả đạn.

Có lệnh mở đường máu đi về phía cửa Tư Hiền. Vô ích phải không đại tá lữ đoàn trưởng? Phải mở bao nhiêu lâu và con đường máu phải kéo dài bao xa, và phải cần đến bao nhiêu máu mới mở được con đường đến cửa Tư Hiền, và còn nữa, phải tốn bao nhiêu xác người mới đủ để tạo thành cái cầu bắc qua cửa biển. Và chắc chắn một điều là chúng tôi sẽ không đủ đạn để mở nổi con đường máu đó. Tại sao không mở rộng khu vực phòng thủ để bảo đảm an toàn cho tàu vào tiếp tế đạn dược, lương thực tạo điều kiện thuận tiện và an toàn hơn cho một bãi bốc để di chuyển từng đơn vị nhỏ ra biển. Nếu chơi trò này tối thiểu chúng tôi cũng phải rút được hai tiểu đoàn. Lệnh mở đường máu về cửa Tư Hiền là một cái lệnh vô lý, thậm chí vô lý, vô ích, thậm chí vô ích, chỉ là sự dấy dựa của một con cá đang nằm trong lưới.

Trời ơi chúng tôi có còn phải là Thủy Quân Lục Chiến nữa hay không, chúng tôi có còn phải là những thằng lính thiện chiến “quân thù phải khiếp oai danh” nữa không, hay chúng tôi đã trở thành những cái xác vô tri vô giác được chỉ huy một cách vô lý. Chúng tôi là những thằng lính không bao giờ sợ chết, chúng tôi là những thằng luôn luôn tuân lệnh một cách tuyệt đối, nhưng bây giờ có nên tuân theo cái lệnh này hay không. Đã không cho chúng tôi xuống tàu trong khi còn có thể yên ổn mà xuống chỉ vì vài ba ngọn sóng nhỏ vỗ bờ, đã không cho chúng tôi lập tuyến phòng thủ khi còn có quyền chọn lựa địa thế. Chúng tôi bị đặt vào một thế chiến đấu cực kỳ bất lợi, với một địa thế thật tênh hênh mà lại nằm gọn trong một cái túi bít kín,

chúng tôi không còn lương thực, chúng tôi không còn đạn dược, và cũng không còn sức lực, tinh thần chúng tôi đã xuống đến mức thấp nhất, bây giờ bắt chúng tôi mở đường máu chỉ có nghĩa là bắt chúng tôi chọn lấy cái chết nhọc nhằn và vất vả hơn là để chúng tôi nằm yên ở đây đánh nhau để mà chết.

Còn nỗi bi thảm nào hơn tình thế chúng tôi trong lúc này. Có những người tìm cái sống trong cái chết, ít ra họ, họ còn cái hy vọng tìm thấy cái sống mặc dù rất nhỏ nhoi, hy vọng nhỏ đến đâu cũng vẫn là hy vọng, một mảnh ván mục giữa biển cũng là hy vọng. Còn chúng tôi, miếng ván mục cũng không trông thấy, chúng tôi không thất vọng, chúng tôi không tuyệt vọng mà chúng tôi vô vọng. Chúng tôi, những thanh niên khỏe mạnh, yêu đời, rất ham sống đang ngồi mơ được dậm chân tại chỗ này, đánh nhau để rồi chết tại đây cho đỡ mệt, chứ không muốn mở đường máu để chết dần chết mòn dọc đường, cuối cùng đến được một chỗ cũng để chết. Cái chết kiểu này quả tình không hứng thú tí nào hết.

Nghĩ đến chuyện phải mở đường máu, phải di chuyển cho mệt rồi cuối cùng cũng chết, nhưng đã có lệnh chuẩn bị tức là sẽ đến lúc thi hành, quả là ngao ngán. Tôi không muốn thi hành cái lệnh này, nhưng tôi lại không thể không thi hành lệnh. Vậy thì cách giải quyết tốt nhất để không phải thi hành lệnh là chết trước, chết ngay tại đây trong lúc này. Tôi không muốn mệt nhọc hơn nữa để kéo dài cái sống thêm được vài tiếng đồng hồ. Tôi đi một vòng dọc theo tuyến của đại đội để kiểm soát lính tráng, lần này tôi đi theo đúng nghĩa của tiếng đi, thẳng lưng mà đi. Cứ thẳng lưng như vậy tôi đi trong ánh sáng chập chờn của những trái hỏa châu chiếu đến, kéo dài những bóng đen rung rinh của những lùm dương, mờ dần rồi đen thui, trời lại sáng lên, bóng đen của những lùm dương lại rõ nét, ngắn hơn, lại kéo dài ra mờ dần. Đột nhiên tôi bị hất ngã và không biết gì nữa.

Bốn

Phản ứng đầu tiên của tôi khi tỉnh dậy là đưa tay sờ lên đầu, chỗ để đội mũ còn nguyên nhưng cái mũ sắt đã vắng đâu mất. Biết chắc là mình còn sống, tôi cố gắng trấn tĩnh nhưng trong người vẫn thảng thốt làm sao ấy. Kết quả của viên đạn làm bay mũ sắt trên đầu tôi đã làm tôi không còn suy nghĩ gì nữa, ý nghĩ muốn chết ngay lập tức đã không còn, mở đường máu hay không mở đường máu không còn là vấn đề. Đầu óc tôi hoàn toàn thờ ơ, trống rỗng. Giờ này có lẽ cũng một, hai giờ khuya gì rồi. Vấn đề của tôi lúc này là ngủ. Ngồi dựa lưng vào vách giao thông hào, tôi ngủ một giấc. Giấc ngủ dĩ nhiên rất mệt mỏi và chập chờn trong tiếng súng.

Không rõ tôi ngủ như vậy trong thời gian bao lâu. Bỗng đánh thức tôi dậy:

“Ông thầy, tiểu đoàn 7 lên trám bót tuyến cho mình. 369 nói ông thầy rút ngắn tuyến lại.”

Tiểu đoàn 7 là đơn vị được vận chuyển bằng xe từ Quảng Trị vào nên đạn dược còn đầy đủ và sức khỏe chưa bết bát như chúng tôi. Sau khi bắt tay nhau và sắp xếp xong khu vực phòng thủ, tôi bèn làm một bài ca con cá kiếm chút đạn, và đồng thời tôi vững tin hơn rất nhiều vì phòng tuyến không còn quá rộng so với khả năng phòng thủ của chúng tôi trong lúc này. Tuy nhiên tôi lại bị ám ảnh trở lại bởi cái lệnh mở đường máu.

Gần sáng 26. Biển yên gió lặng, trời sáng nhờ nhờ vì sương mù. Tôi nhận lệnh cho tải thương binh ra sát bờ biển để đợi tàu vào bốc. Trung úy Xuân đã biến mất cùng tên lính mang máy. Tôi nói với cô gái Huế học Văn Khoa và vợ chồng người lính cao bồi của trung úy Xuân còn nằm lại:

“Có tàu vào tải thương, mấy người ra bờ biển đi theo đám thương binh lên tàu, trời còn tối, đi từ đây xuống mé nước không nguy hiểm bao nhiêu đâu.”

Họ dắt nhau chạy băng từ mô cát này đến mô cát khác và biến mất trong màn sương.

Đã thấy bóng dáng đen xì của chiếc tàu vào sát bờ, tôi đinh ninh là thế nào cũng được tiếp tế thêm đạn, nhưng chờ đợi vô ích, vì đợi cho đến khi tàu ra tận ngoài khơi đã khá lâu mà vẫn chẳng thấy ai gọi tôi đi nhận đạn. Hóa ra chúng tôi không được tiếp tế.

Tiếng súng thừa đã lâu, bây giờ lại bắt đầu dồn dập. Bóng đêm bao che cho những người rút chạy, nhưng chúng tôi đã không lợi dụng bóng đêm nên bây giờ lại phải đương đầu với những khó khăn, nguy hiểm càng lúc càng tăng. Sương đã tan, mặt trời chưa lên nhưng đường chân trời phương đông đã sáng, đủ để chúng tôi thấy những chiếc tàu nhỏ đang từ từ di chuyển qua lại ở mãi ngoài xa.

Đại đội trưởng cho người gọi tôi:

“Ông bàn giao nốt tuyến của mình cho tiểu đoàn 7.”

“Vậy là không mở đường máu nữa à?”

“Mở cái con mẹ gì, bộ ông ham lắm hả?”

“Nản thấy mẹ chứ ham gì ông.”

“Hủy bỏ rồi.”

“Tại sao tàu không vào bốc mình hồi đêm, và tại sao tàu vào tải thương mà không tiếp tế gì cho mình?”

“Bộ ông tưởng tôi biết nhiều hơn ông sao?”

“Bàn giao tuyến cho Tiểu đoàn 7 rồi mình đi đâu?”

“Về đằng sau. Thăng Xuân bỏ đơn vị xuống tàu rồi, thăng So dẫn nguyên đại đội xuống tàu luôn rồi. Tiểu đoàn kêu ông qua coi đại đội 3 thay đại úy Chiêu, sau đó ông mang đại đội 3 trám vào tuyến của thăng So.”

“Bao giờ tôi qua đại đội 3?”

“Tiểu đoàn kêu ông từ hồi khuya, nhưng tôi chưa muốn để ông đi.”

“Sao vậy?”

“Đại đội 3 ban hết rồi, ông qua đó lúc này đâu có làm được cái mẹ gì. Lỡ bị gì có phải kệt không!”

Có thật là lỡ bị gì “có phải kẹt không” hả trung úy Gắt, chắc là không rồi. Đại đội 3 mới thành lập, đại đội phó chết, đại đội trưởng chết, mấy trung đội trưởng còn lại chỉ là chuẩn úy, các tay kia là thiếu úy lại tinh là những tay ba búa, cứng đầu, đâu có ai nói ai nghe. Gần như là một thông lệ, một đơn vị mới được thành lập hầu như được tập hợp bằng những tay trật búa, những tay bị “đi” từ các đơn vị khác được đơn vị trưởng “ưu ái” tổng ra khỏi đơn vị. Đại đội 3 là đại đội tập trung tất cả những thằng “hết xài” của các đại đội khác trong tiểu đoàn, hiện giờ lại đang là một con rắn mất đầu. Tôi qua làm đại đội trưởng chỉ là để ổn định lại đại đội chứ đâu phải để đánh đấm. Rõ rệt là tôi đã có lệnh mang đại đội 3 trám vào tuyến đại đội 2 của trung úy So, tức là nằm ôm mặt sau của tiểu đoàn. Trung úy Gắt không cho tôi đi chắc chỉ vì đại đội 4 tôi chưa có ai được chuẩn bị để làm đại đội phó. Mà thằng đại đội phó Thủy Quân Lục Chiến mới là thằng chỉ huy đại đội đánh đấm, ủi bãi.

Ông sợ cho tôi hay ông sợ cho ông. Ông đã làm mất một dịp làm đại đội trưởng của tôi. Xin thành thật cảm ơn ông, ông trung úy Gắt.

Bàn giao tuyến xong, Đại đội trưởng lại gọi tôi đến. Bằng một giọng giận dữ, trung úy Gắt nói:

“Đụ mẹ, mình bị bỏ rơi rồi!”

“Ông nhận lệnh gì vậy?”

“Lệnh cái con cặc! Ó Lương lên tàu tải thương rồi, đụ mẹ, dắt theo lữ đoàn phó và thằng cha trung tá Tòng.”

“Ừa, vậy rồi ai ra lệnh cho tiểu đoàn 7 thế chỗ mình?”

“Thiếu tá Cang” – thiếu tá Cang là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 7.

Tôi buồn chứ không tức giận như trung úy Gắt. Đã đến tình trạng này thì ai mà chẳng muốn chạy thoát lấy thân. Trung úy So ngon lành nhất, So không chạy một mình mà dẫn theo cả đại đội xuống tàu. Trung úy Xuân khá hèn, bỏ cả đại đội chạy một mình, nhưng Xuân chỉ là một đại đội trưởng, cùng lắm thì tai tiếng chỉ loanh quanh trong phạm vi nội bộ của sư đoàn. Đằng này, cả lữ đoàn trưởng lẫn lữ đoàn phó bỏ lữ đoàn lại mà chạy, trời đất ơi, đại tá lữ đoàn trưởng, trung tá lữ đoàn phó Thủy Quân Lục Chiến đào ngũ khi đối diện với

địch quân. Tôi không phải là chánh án tòa án quân sự mặt trận, tôi cũng không phải là một sĩ quan thượng cấp để ra lệnh thi hành bản án tử hình theo quân luật hai ông xếp lớn này, nhưng tôi là một thằng Thủy Quân Lục Chiến, tôi sẽ nhục nhã như thế nào khi những người của các binh chủng khác nói đến chuyện này. Sĩ quan cao cấp của Thủy Quân Lục Chiến mà lại hèn đến thế sao? Buồn thật!

Tôi không muốn nghĩ thêm nữa về vết nhơ này của binh chủng. Tôi hỏi trung úy Gắt:

“Mình bàn giao, rồi làm cái giống gì ở đằng sau?”

“Một chút nữa sẽ lại có tàu vô đón. Tiểu đoàn mình được lên tàu trước tiên, kế đến là tiểu đoàn 3 rồi đến tiểu đoàn 5. Tiểu đoàn 7 nằm lại lên sau cùng.”

“Ai sắp xếp thứ tự này vậy 369?”

“Thiếu tá Cang.”

“Khi nào mình dzọt?”

“Khi nào có tàu vô tiểu đoàn 7 sẽ yểm trợ cho mình chạy xuống mé biển.”

Tôi trở về vị trí. Từ đây xuống đến mé nước, đoạn đường độ khoảng trên dưới một trăm thước, cát khô. Tuy gần nhưng đâu phải là dễ chạy. Tôi ra lệnh cho cả đại đội cởi giày để chạy trên cát cho dễ.

Tiếng súng thưa dần rồi im bặt. Trời sáng hẳn. Chúng tôi ngồi quay mặt ra biển chờ đợi. Không còn tí vướng bận gì về chuyện phòng thủ phía sau lưng. Những người lính ở tuyến sát biển đang thập thò quanh những ụ cát thấp. Những con tàu vẫn từ từ qua lại ở ngoài xa. Sự yên lặng này có làm nặng nề thêm không khí chiến trường? Có nặng nề, ngột ngạt chẳng là với những người lính của tiểu đoàn 7. Họ có biết không những tính toán của Việt Cộng và họ đã biết chưa cái thứ tự ưu tiên sau cùng của họ? Những người lính của một người tiểu đoàn trưởng anh hùng.

Với chúng tôi đoạn đường trăm thước này được kể như là vũ môn của những con cá chép. Sống chết dĩ nhiên cũng tùy thuộc vào sức mạnh của đôi chân, càng chạy nhanh thì càng rút ngắn được thời

gian điểm danh của thần chết, nhưng sức mạnh của đôi chân vẫn chỉ là thứ yếu, mà sống chết phần lớn là tùy thuộc vào số mạng của từng người. Hãy tập trung tất cả khả năng của mình để chạy chết trên đoạn đường này, nhưng cũng hãy bình thản để chấp nhận số mệnh. Tôi cố gắng làm cho trọn điều tâm niệm đọc được của Nguyễn Mạnh Côn, “làm cho hết sức mình rồi bình tâm”.

Nhưng, rất cố gắng mà tôi vẫn không thể bình tâm được. Mới có được tí ti hy vọng là sẽ được tào bốc, tôi đã đâm ra sợ chết. Nếu tôi cầm súng chiến đấu, cầm súng xung phong mà chết thì cái chết nó sẽ nhẹ nhàng hơn vì tôi không đang nghĩ đến nó, vì tôi còn đang hăng, vì máu tôi còn đang nóng. Còn bây giờ, chúng tôi buông súng, quay lưng, ủa chạy như một đàn vịt và chờ đợi một viên đạn ghim vào lưng, cái chết này quả là nặng nề, quả là lạnh căm.

Sống chết không còn tùy thuộc vào khả năng của mình, mà sống chết tùy thuộc vào may rủi, vào số mạng. Trời kêu ai nấy dạ. Trong lúc chờ đợi để thử thách với trời này, tôi chỉ còn có thể bám víu vào một đấng nào đó không thuộc về con người, khốn nỗi tôi lại là một thằng vô thần, không Chúa không Phật, đi nhà thờ chỉ để tán con chiên, đi chùa chỉ để theo tín nữ, vậy thì Chúa nào Phật nào chịu giao tay cho tôi bám. Tôi bỗng nghĩ đến ông ngoại tôi, lần đầu tiên nghĩ đến ông sau khi ông chết đã hơn mười năm. Tôi lẩm nhẩm trong miệng “ông ơi cứu con! ông ơi cứu con!” Bà ngoại đã chẳng từng dặn rằng “có gì con cứ gọi đến ông, tối nào bà cũng thắp hương cầu ông phù hộ cho con” đó sao.

Mắt tôi bỗng sáng lên khi thấy một chiếc tàu quay mũi vào bờ. Trống ngực tôi đập thật mạnh, người tôi như lên cơn sốt trong khi miệng tôi chọt đắng nghét, bụng tôi thắt quặn lại, cố gắng một cách liên tục, dù hai hàm răng vẫn đập vào nhau, tôi vẫn lẩm bẩm “ông ơi cứu con! ông ơi cứu con!”

Tiếng súng Việt Cộng bắt đầu nổ, tiểu đoàn 7 cũng bắt đầu bắn. Tôi nhìn ngược nhìn xuôi kiểm soát và nhắc nhở con cái lần chót. Miệng tôi bật ra tiếng hô:

“Dzọt!”

Tất cả đại đội ủa chạy.

Súng nổ nhiều hơn, nhiều loại súng nổ hơn, rền hơn, gắt hơn, nhắm vào những mục tiêu di động là chúng tôi bắn tới tấp hơn. Tôi cố gắng chạy thật nhanh, miệng không ngớt “ông ơi, ông ơi”, nhưng hình như người tôi nặng hơn, cát dưới chân hình như lún sâu hơn, thân hình tôi hình như to lớn, dềnh dàng hơn. Mồ hôi tôi vã ra, tai tôi ù đi, mắt tôi hoa lên. Hình như đâu đó quanh tôi có những tiếng thét thất thanh, hình như đâu đó quanh tôi có những bóng người ngã xuống. Không gian thì ngắn mà sao thời gian lại quá dài. Hình như thằng Bưởi vẫn chạy sau lưng để đỡ tôi, hình như thằng Khải mang máy đang kè kè bên cạnh tôi, và hình như tôi nghe loáng thoáng đâu đó tiếng của những người lính la lớn “tới rồi, tới rồi, nhào xuống giao thông hào”.

Không biết những bàn tay nào đã hất tôi xuống giao thông hào, không biết những bàn tay nào đã đỡ tôi khỏi ngã. Tôi ngồi phệt xuống, dựa lưng vào bờ cát, miệng há ra mà thở nhưng vẫn không mất âm thanh của hai tiếng “ông ơi!”.

Tiếng súng thưa dần rồi im hẳn.

Sau khi hoàn hồn, tôi đứng dậy nhìn lại đoạn đường vừa chạy, xác những người lính của đại đội nằm rải rác đây đó trên bãi cát. Tôi không dám nhìn kỹ để nhận ra những ai, tôi không dám đếm để biết là bao nhiêu người. Nước mắt tôi trào ra, không hiểu là mừng vì mình còn sống hay vì thương những thằng em vẫn sống. Một cái giá quá đắt trên một đoạn đường quá ngắn, một món nợ quá nặng chúng tôi phải trả vì mấy ông xếp lớn của chúng tôi vay. Tại sao chúng tôi chỉ được chạy như thế này vào ban ngày hả trời. Tôi đứng đấy, mắt nhòa lệ, thần thờ.

Bưởi vỗ lưng làm tôi giật mình:

“Ông thầy, 369 kêu.”

“Ông ấy ở đâu?”

“Đằng kia” – vừa nói Bưởi vừa lôi tôi đi – “đại đội mình tập hợp đằng sau ụ cát kia.”

Gọi là đại đội nhưng quân số chỉ còn chừng một trung đội. Những người lính của tôi còn lại đâu rồi? Họ đã nằm hết ở ngoài kia hay còn

đang lẫn quẩn đầu đó mà tinh thần và thể xác chưa được phục hồi.

Đại đội trưởng tôi, trung úy Gắt tuyên bố:

“Tôi không biết tàu có vào nổi để bốc chúng ta hay không, tôi tuyên bố kể từ giờ phút này, đại đội hết chỉ huy, mạnh ai nấy lo.”

Tôi sửng sò. Trời đất ơi, đụ mẹ, con cặc, tại sao lại tuyên bố một điều vô lý như vậy được. Lúc này là lúc cần sự chỉ huy nhất, lính tráng cần sự hướng dẫn nhất thì ông lại tuyên bố đại đội mất chỉ huy. Đại đội đã tan hàng, đại đội đã tanh banh nhưng đại đội vẫn còn tập hợp lại được. Dù ít dù nhiều vẫn còn là một đại đội. Tại sao thế này hả trung úy Gắt? Tại sao ông lại đào ngũ một cách hèn nhát và công khai như vậy? Tại sao ông tuyên bố đại đội mất chỉ huy mà ông còn gom những thằng lính thân tín của ông lại? Âm mưu xé lẻ lúc này có đáng mặt chỉ huy hay không? Đã vậy mà còn tuyên bố. Tuyên bố cái con cặc! Tại sao ông không dẫn mấy thằng đệ tử ruột của ông trốn cha nó đi từ trước khi tập hợp có phải hay hơn không, có phải đỡ nhục hơn không?

Tuy nhiên không sao, kể từ giờ phút này, theo đúng lời ông, ông không còn là cái thằng con cặc gì ở trong đại đội này nữa. Đụ mẹ, nghe rõ không, trung úy Gắt. Cút cha ông đi!

Tôi nói lớn:

“Đại đội trưởng tuyên bố đại đội mất chỉ huy. Đứa nào muốn đi đâu thì đi. Đứa nào muốn theo tao thì theo.”

Tất cả kéo dồn về tôi, không hiểu vì ngượng hay vì thỏa mãn, trung úy Gắt dẫn mấy tên đệ tử ruột đi ra một nơi khác.

Huy mập tức quá khóc rống lên:

“Đụ mẹ, tôi bị thương, tôi không thèm theo tàu tải thương, tôi ở lại với lính, sống chết với tụi nó. Tại sao ông đốn mạt đến vậy hả ông xếp ơi!”

Tàu đã vào gần nhưng chưa tìm ra được một chỗ an toàn để cập bờ nên vẫn cứ đi lên đi xuống. Những người dân, những người lính của các đơn vị khác đã xuất hiện đông kín một khúc bờ cũng chạy lên chạy xuống theo hướng chiếc tàu di chuyển.

Thiếu tá Thành tiểu đoàn trưởng xuất hiện. Tôi có cảm tình và kính trọng rất nhiều với người chỉ huy này. Ông mới về tiểu đoàn, mặt mũi các sĩ quan thuộc cấp trong tiểu đoàn ông còn chưa biết mặt hết, gặp hết nói gì đến chuyện ông biết tánh tình và khả năng của họ. Làm tiểu đoàn trưởng được mấy ngày thì chạy, chết mất tiểu đoàn phó, chết mất một đại đội trưởng, banh luôn một đại đội, đào ngũ một đại đội trưởng, và một đại đội cũng đang lênh đênh trên biển, nằm ngoài sự kiểm soát của ông. Không hiểu đại đội của đại úy Tài ra sao, đại đội tôi kể như rã đám. Vậy mà ông vẫn chạy ngược chạy xuôi cố gắng tập trung, gom góp những thằng đeo băng tên màu đỏ tiểu đoàn 4 để hướng dẫn, để cho biết tin tức, để khích lệ tinh thần. Ông đã không lợi dụng tình trạng tan rã của tiểu đoàn để bỏ trốn một mình. Phải chi quân đội chỉ có tinh những cấp chỉ huy như thiếu tá Cang, thiếu tá Thành.

Ông gọi tôi:

“Anh dẫn đám con cái của anh lên trên kia đợi sẵn, đừng chạy theo đám người này cho mệt.”

Hóa ra chúng tôi đã được chuẩn bị sẵn một bãi bốc.

Tôi chào ông rồi chúng tôi kéo nhau đi.

Tin tức về chỗ tàu sẽ vào bốc tưởng rằng rất kín đáo, rất bí mật, chỉ riêng Thủy Quân Lục Chiến biết, hóa ra đã có quá nhiều người biết. Chuyển tàu dành riêng cho tiểu đoàn 4, nhưng khi chúng tôi đến nơi, số người đã đứng đợi sẵn cũng có đến cả vài ngàn, xấp xỉ với số người đang chạy ngược chạy xuôi theo chiếc tàu.

Con tàu khá nhỏ, sức chứa tối đa theo tôi ước lượng chỉ có thể chứa được hơn ngàn người, đó là đã kể đến trường hợp nêo người như nêo cối. Vậy mà số người muốn được lên tàu, cũng theo ước lượng của tôi, có đến trên chục ngàn. Chắc chắn sẽ xảy ra một cuộc thi tuyển bằng bắp thịt và giá phải trả bằng máu, bằng sinh mạng của từng thí sinh để kiếm được một chỗ trên tàu. Một cuộc thi không có trọng tài, không có giám thị, không có hội đồng giám khảo, mà cuộc thi chỉ có những thí sinh là những người đang chạy cho xa Việt Cộng, đang liều mạng sống để khỏi rơi vào tay Việt Cộng.

Tôi rùng mình, tưởng rằng bàn giao tuyến cho tiểu đoàn 7, buông tay súng trở về phía sau là đã an toàn, yên ổn để lên tàu. Bây giờ mới thấy rằng còn quá nhiều cam go, còn quá nhiều nguy hiểm. Chỉ khác lúc trước là thay vì cầm súng chiến đấu với địch, bây giờ chúng tôi không cầm súng và chiến đấu với dân, chiến đấu với lính, với đồng đội, bạn bè mình, và cái giá phải trả cũng không rẻ gì hơn. Chấp nhận húc đầu vào tranh giành với người nhà để lọt được vào con số một phần mười nếu được thì có một vé trên tàu, nếu thua thì thân xác sẽ trôi nổi bập bênh theo sóng nước. Không có một lựa chọn nào khác nếu không muốn bị sa vào tay Việt Cộng.

Sẵn súng ống trong tay, chúng tôi chiếm được vị trí hàng đầu trong đám đông đứng đợi tàu rất dễ dàng, chẳng ai phản đối, chẳng ai la ó, họ sợ vì chúng tôi có súng hay họ khinh vì không ai muốn dây với hải. Chuyện cùi hải gì đó nào còn nghĩa lý gì trong lúc này. Vấn đề chính của lúc này là lên tàu, phải lên tàu bằng mọi giá. Những chuyện khác tính sau.

Chiếc tàu từ từ vào điểm hẹn.

Chúng tôi bị đám đông phía sau đẩy lấn tới hàng trước. Cả khối người xô đẩy, chen lấn ùn ùn dồn nhau ra biển. Tôi bị đẩy ra xa bờ dần. Nước lên đến đầu gối tôi, nước lên đến bụng tôi, nước lên đến ngực tôi. Nước lên nữa, lên cao nữa.

Sóng nâng đám người lên cao, sóng đánh bật đám người rã ra, nhận chìm đám người xuống đáy, sóng đánh văng nhiều người lên bờ, sóng kéo nhiều người ra ngoài xa, sóng lại nâng đám người lên cao, sóng lại đánh bật đám người rã ra, sóng lại nhận chìm đám người xuống đáy, sóng lại kéo nhiều người ra ngoài xa. Cứ thế sóng nhồi, cứ thế liên tục sóng nhồi.

Tôi đã ra xa bờ nhưng cũng phải còn xa tôi mới tới được chiếc tàu. Nước và sóng đã không để yên cho tôi bơi ra tàu theo một đường thẳng. Bụng tôi đã chứa khá nhiều nước biển, vậy mà miệng tôi vẫn cứ tiếp tục dồn nước biển vào bụng sau mỗi lần bị sóng nhồi, và cứ sau mỗi lần bị sóng nhồi, tôi lại ra xa bờ và xa chiếc tàu hơn một chút. Tha hồ mà ngụp lặn, tha hồ mà vẫy vùng. Tiểu đoàn 4 Kinh Ngự nào có sợ gì biển cả. Tôi là một con cá kinh đang “nhờn nhơ” với

biển to, đang “tung tăng vui đùa” cùng sóng dữ trong khi chân tay tôi mỗi như dần, rã rời dần, trong khi bụng tôi phình to dần vì nước biển. Cái chết đến mỗi lúc một gần tôi hơn. Con “cá dữ” đang chờ lúc chết đuối.

Buồn ngủ gặp chiếu manh, tôi vớ được chiếc ba lô căng phòng không biết của ai. Tuy cái ba lô đã thấm khá nhiều nước nhưng vẫn có giá trị của một cái phao cứu mạng tôi lúc này. Tôi ôm chắc mà không đeo vào lưng vì cái dây đeo đã tụt ra khỏi móc sắt. Tay ôm cứng ba lô, tôi thả nổi cái mạng sống bấp bênh của mình. Tuy đang chờ chết nhưng lần chờ chết này tôi lại rất bình tĩnh, không hốt hoảng, không run sợ như lần chờ viên đạn ghim sau lưng lúc nãy. Một chút thèm thuồng nhìn những người đã leo được lên tàu, và một chút hối tiếc nhìn những người còn đang đứng trên bờ mỗi khi sóng đưa tôi lên cao. Tăng thêm một vài ngụm nước biển vào bụng, mất dần thêm một chút sức lực mỗi khi sóng nhận chìm tôi xuống. Tôi không còn ý niệm về thời gian, nên không thể nhớ nổi tình trạng bập bênh này kéo dài trong bao nhiêu lâu.

Có một người không biết từ đâu đến, xuất hiện cạnh tôi, ối giao, cũng chỉ bình thường như những người bình thường đang ngụp lặn giống tôi và quanh tôi. Nhưng không, anh chàng này không giống ai hết, nét mặt của anh chàng có một cái vẻ gì đó có thể gây nguy hiểm đến cho tôi. Linh cảm được điều này, nhưng tôi không làm sao có thể tránh xa anh ta. Anh chàng nhìn tôi một cách van lơn, nhìn cái ba lô tôi đang ôm một cách thèm thuồng, anh chàng cố gắng nói thật lớn với tôi, nhưng giọng bị đứt quãng vì hụt hơi, vì mệt, vì gió và vì tiếng sóng:

“Anh đưa em ra tàu với. Em bơi hết nổi rồi.”

Hình như có một dòng điện cao thế vừa chạm vào người tôi, tôi hốt hoảng, tôi run lên vì sợ. Anh chàng này đúng là thần chết đến bắt tôi đi. Trời ơi, có phải thần chết cũng có khuôn mặt của người, hay thần chết đang vờn tôi như mèo vờn chuột. Tôi hấp tấp nói, chỉ sợ anh ta không kịp nghe tôi nói:

“Tôi không ra tàu đâu, tôi đang quay vào bờ.”

Mặc cho tôi không ra tàu, mặc cho tôi đang quay vào bờ, mặc cho tôi hấp tấp nói, anh ta ôm cứng lấy tôi, biến tôi thành cái phao giống như

tôi đang ôm cứng cái ba lô. Mặc cho tôi giãy giụa, mặc cho tôi đạp, mặc cho tôi lên gối, sức nặng nghìn cân ôm cứng lấy tôi. Người tôi từ từ chìm xuống, cái ba lô không chịu nổi hai người cũng từ từ chìm xuống. Anh chàng vẫn ôm cứng lấy tôi và càng lúc càng cứng hơn mặc dầu cả ba -anh chàng, tôi và cái ba lô- đã chìm sâu xuống dưới mặt nước, mặc dầu sóng vẫn nhồi cả ba lên xuống, “tung tăng” trong nước.

Một con sóng mạnh nâng bổng chúng tôi lên cao, thật cao rồi ném mạnh chúng tôi xuống. Anh chàng biến mất, cái ba lô cũng biến mất, chỉ còn lại mình tôi lơ ngơ, nước chỉ còn ngang ngực, tôi chỉ còn cách bờ hơn chục thước. Con sóng lớn đã ném tôi vào bờ, con sóng lớn đã cứu tôi. Không hiểu anh chàng thần chết có được ném vào bờ như tôi không.

Tôi nương theo những con sóng nhỏ đi lần vào bờ.

Cũng đã có rất nhiều người quay trở lại bờ như tôi, chán nản, tuyệt vọng.

Cũng vẫn còn rất nhiều người hăm hở lội ra tàu.

Tôi đi thất thểu trên bờ cát, không còn biết mình phải làm gì, và cũng không quyết định được gì.

Tôi gặp thiếu úy Sĩ – Lâm Chí Sĩ – tiểu đoàn 2 Pháo Binh, quần áo còn khô, mái tóc mềm dài phủ ớt bay bay theo gió, nụ cười bên lên như con gái cố hữu vẫn nở trên môi, mặt Sĩ đang phừng phừng vì rượu. Thấy tôi, Sĩ đưa tay vẫy:

“Ê Râu, làm vài nắp cho ấm, mày.”

Tôi sà ngay vào, uống liền tù tì năm, sáu nắp bi đông rượu. Rượu khá nặng nhưng chỉ đủ làm nóng bụng chứ không đủ làm ấm người.

“Rượu đâu ra mà có giờ này vậy?”

Sĩ chỉ một người cũng mặc quần áo của tiểu đoàn 2 Pháo Binh ngồi bên cạnh.

“Của thằng này, thằng Lộc. Nó làm phân chi khu trưởng ở Gia Hội mang theo cả bốn năm lít.”

“Sao tụi mày không xuống tàu?”

Sĩ cười lớn tiếng kiêu hát bội:

“Ha... ha... ha... còn mày sao không xuống tàu?”

Tôi cũng cười, lắc đầu:

“Tao suýt chết đuối.”

“Tội nghiệp thằng con trai, mày suýt chết đuối rồi cũng lại lên bờ, bố mày ngồi đây nhậu để coi những thằng suýt chết đuối như mày, bố mày cũng ở trên bờ.”

Tôi gật gù:

“Mẹ kiếp, cũng có lý.”

Tôi ngồi nhậu và trở thành kẻ bàng quan, ngồi ngắm nhìn thiên hạ.

Rất nhiều người từ biển trở lại bờ, người ngơ m quầ áo ướt sũng, kẻ khóc vì đã không ra được đến tàu, người cười vì vừa thoát chết, người đi lang thang thất thểu, kẻ ngồi hoặc nằm vật ra bất cần mọi chuyện sẽ ra sao.

Những người quần áo còn khô vẫn nhấp nha nhấp nhồm, nửa như muốn thử thời vận, nửa như rứt rề sợ hãi. Chỉ có những người lính Quân Y Thủy Quân Lục Chiến là những người đặc biệt trong số những người quần áo khô. Họ không nhấp nha nhấp nhồm mà họ hoạt động thực sự. Họ tập hợp thành những toán cấp cứu đặc biệt, lắg xắg hết tiêm thuốc cho người này, lại hô hấp nhân tạo cho người khác mới từ biển vào, hết băng bó cho người này, lại đem băng ca khiêng người khác. Xin cảm ơn và xin nghiêng mình kính phục những người lính Quân Y này.

Ngoài xa, chiếc tàu đã đông người nhưng vẫn còn đậu nguyên một chỗ, hình như cố tình kéo dài thời gian để bốc thêm được càng nhiều người càng tốt. Sức tải không thành vấn đề chỉ có sức chứa của chiếc tàu và tinh thần của thủy thủ đoàn mới là điều quan trọng. Những người đã lên được trên tàu đang cố gắng kéo những người vừa bám vào được thành tàu. Nhiều người không ai kéo đang cố gắng leo lên tàu từ mọi chỗ có thể bám mà leo. Có người leo lên được nhưng cũng có người rơi trở lại xuống biển. Lại còn có cả người trên tàu ngã xuống biển theo người mình đang cố kéo lên.

Từ bờ ra đến tàu khoảng cách hơn trăm thước, tôi không còn trông thấy màu xanh của nước biển mà chỉ thuần một màu đen của đầu người. Đầu của những người đang cố gắng bơi ra chiếc tàu.

Trên tàu đã chật người, tỷ lệ một phần mười hình như đã đủ số, trên bờ đã có khá nhiều người trở lại, dưới nước đã có nhiều người trôi dạt ra xa, nhưng cuộc thi đã chấm dứt hay chưa khi mà số người bơi ra vẫn còn nhiều và số người bám quanh tàu mỗi lúc một đông thêm.

Chiếc tàu bắt đầu kéo búng, những người bám vào búng tàu được nâng lên cao khỏi mặt nước, một số người may mắn rơi ngay vào trong lòng tàu, số còn lại lần lượt rơi xuống biển.

Búng tàu đã được kéo lên hoàn toàn nhưng không khép kín nổi vì giữa búng và thành tàu đã kẹp cứng một thân người. Người bị kẹp nửa thân trên nằm trong lòng tàu, nửa thân dưới thò ra ngoài, hai chân giãy giụa, đập đập trong không khí được chừng nửa phút rồi ngay đơ. Hai cái chân của người xấu số trở thành có ích cho nhiều người còn ở dưới nước, họ bám vào đó để tiếp tục leo lên tàu. Lúc đầu hai cái chân còn đủ hai ống quần, dần dần chẳng còn gì cả và cuối cùng, cả hai chân đều bị gãy. Nhưng gãy thì gãy, người ta vẫn bám vào đó để leo lên tàu. Ít ra cũng có đến cả chục người leo được lên tàu nhờ cặp chân đó. Và chắc chắn sẽ còn được thêm nhiều người nữa nếu...

Chiếc tàu phụt khói từ từ quay mũi ra biển. Chân vịt đập nước đầy không biết bao nhiêu người ra xa tàu, và không biết là đã chém đứt bao nhiêu người.

Thân tàu quay ngang đập vỡ không biết bao nhiêu đầu người, và không biết đã nhận chìm bao nhiêu người xuống sâu dưới đáy tàu.

Biết bao nhiêu người đã chết vì chiếc tàu quay mũi.

Nhưng...

Chiếc tàu đã không ngừng quay khi cái mũi đã hướng ra biển. Mà, chiếc tàu vẫn tiếp tục quay, mũi tàu lại từ từ hướng vào bờ.

Chân vịt lại chém thêm không biết là bao nhiêu người.

Thân tàu lại đập vỡ thêm không biết là bao nhiêu cái đầu, và lại nhận chìm thêm không biết là bao nhiêu người xuống sâu dưới đáy tàu.

Tại sao chiếc tàu bỗng dừng quay đúng một vòng tròn để làm chết biết bao nhiêu là người như vậy?

Đã có những xác chết trôi nổi dập dềnh xen lẫn với những xác sống đang cố bơi ra tàu hoặc đang cố giữ cho mình không trở thành xác chết. Chiếc tàu lại nằm im như đang mời gọi.

Chúng tôi ở cách xa vùng mặt trận có đến nửa cây số, tiếng súng chỉ nghe văng vẳng, nhưng chết chóc lại nhiều hơn có đến cả trăm lần.

Ủa, tại sao lại có người từ trên tàu nhảy xuống biển, không lẽ mắt tôi đã hoa lên vì rượu. Không phải một người, hai người mà là rất nhiều. Rõ ràng là mắt tôi trông thấy người ta leo qua lan can tàu, có người còn ngần ngừ, có người không ngần ngừ nhảy xuống biển. Lại có người lao mình qua lan can tàu để nhảy xuống biển.

Không tin nổi ở mắt mình mặc dầu tôi đã dụi mắt thật nhiều lần. Tôi hỏi Sĩ:

“Mày có thấy người ta nhảy từ trên tàu xuống biển không?”

Sĩ cũng ngạc nhiên không kém tôi.

“Đụ mẹ, kỳ quá mày!”

Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, nhưng chúng tôi không có thời giờ để ngạc nhiên. Hai chiếc M-113 chở đầy người chạy từ hướng mặt trận đã cán bừa lên những người vừa từ biển lên còn đang nằm vật ra mà thở, và cán luôn cả những người không kịp chạy tránh đường.

Vừa thấy bóng thiếu úy Ngô Du – một trung đội trưởng của đại đội tôi – từ dưới biển trở lên, đang lão đảo như muốn ngã gần mé nước, tôi và Sĩ chạy vọt tới đỡ và kéo Du chạy thật nhanh vừa kịp chiếc M-113 chạy lướt qua sát người chúng tôi.

Hai chiếc M-113 lội xuống nước để ra chiếc tàu.

Những cái bánh xích đua nhau cán lên đầu của không biết bao nhiêu là người đang nhấp nhô từ bờ ra đến tàu.

Ra đến nơi, chuyển hết người lên tàu xong, hai chiếc xe lội nước quay đầu lội vào bờ. Lại không biết bao nhiêu là đầu người bị nghiền nát bởi những cái bánh xích.

Vào đến bờ, hai chiếc M-113 ngừng lại. Từ vị trí tài xế, một cái đầu thò ra, nhìn quanh rồi la lớn.

“Ai muốn lên tàu thì leo lên tôi chở ra.”

Lúc đầu nhiều người ngần ngại, nghi ngờ, nhưng rồi lác đác cũng có người leo lên. Có đến cả 15 phút mà hai chiếc M-113 vẫn chưa đầy người.

Cái đầu lại thò ra, nhìn quanh rồi la lớn.

“Leo lên gấp đi mấy cha, tôi ra chuyển này không trở vô nữa đâu.”

Lại có thêm vài người leo lên.

Tôi phân vân trong sự chọn lựa. Nên hay không nên leo lên. Tôi hỏi Sĩ:

“Lên không mày?”

Sĩ lắc đầu:

“Tao không muốn chạy thoát bằng cái chết của những người đang lớp ngóp dưới kia.”

Câu nói của Sĩ đã cho tôi một quyết định:

“Mẹ kiếp, có mày có tao hay không có mày không có tao thì những người đang lớp ngóp dưới kia cũng sẽ bị những cái xích sắt này cán. Đừng có triết lý ba xu thẳng con trai.”

Sĩ cười бурong:

“Tao có nói khác gì mày đâu, nhưng tao không.”

“Được rồi, phụ tao đưa thẳng Du lên.”

Sĩ và tôi đưa thiếu úy Du lên thiết vận xa. Trước khi leo lên, tôi nắm chặt vai Sĩ:

“Hy vọng sẽ gặp mày ở Đà Nẵng.”

Sĩ nhìn tôi cười:

“Đụ mẹ, đồ cái lương, cút mẹ mày đi thẳng con trai.”

Hai chiếc M-113 lại lội nước ra tàu.

Lần này tôi mục kích tận mắt những cái xích sắt nghiền nát những đầu người. Tiếng máy nổ và tiếng nước vỗ đã át đi những tiếng thét tiếng la và có thể, cả tiếng vỡ của những cái đầu, nhưng không có gì có thể che lấp được những mảnh quần áo và màu đỏ của máu cuộn theo chiều quay của xích sắt. Màu đỏ của máu và những mảnh vải cuộn theo chúng tôi suốt cả lộ trình khoảng một trăm thước. Màu đỏ của máu và những mảnh quần áo chắc chắn còn dính cả thịt còn trôi lên, trôi lên xen lẫn với bọt nước phía sau chúng tôi. Không hiểu tôi có dã man không, không hiểu tôi có chai đá không, không hiểu tôi đã trở thành súc vật chưa, hay vì tôi đã nhìn thấy quá nhiều cái chết từ sáng đến giờ, hay vì tôi đã yên tâm trên đường ra tàu an toàn mà tôi rất thản nhiên, lòng tôi rất bình thản khi nhìn những cái chết, quá nhiều cái chết ngay dưới chỗ mình ngồi, bị chết bằng ngay cái phương tiện mình đang sử dụng. Tôi nhìn những cái chết như một kẻ bàng quan, vô thường vô phạt. Không hiểu thằng Sĩ hèn nhát không dám nhìn cảnh này hay thằng Sĩ quá can đảm chọn lựa ở lại, chấp nhận bất cứ một điều gì sẽ xảy ra cho nó khi sa vào tay Việt Cộng. Dù sao thì tao cũng mong là lần chia tay vừa rồi chỉ là tạm biệt thôi Sĩ ạ.

Chiếc M-113 cặp sát vào thành tàu.

Người trên tàu phần lớn là Thủy Quân Lục Chiến. Lính của tiểu đoàn 4 tôi cũng khá đông. Tuy khoảng cách từ mũi xe thiết giáp đến boong tàu khá xa nhưng được khá nhiều đàn em giúp nên tôi và Du lên tàu không khó khăn gì mấy. Có điều làm tôi xúc động là trong số người giúp tôi lên tàu có binh nhất Vạn – Nguyễn Văn Vạn. Vạn là dân Vũng Tàu, khi nhỏ phải đi bán báo chứ không được đi học, lớn một chút làm nghề đánh xe ngựa cho du khách, và nguồn lợi tức chính là hành nghề mặt rô ở các quán bia ôm, các xóm chị em ta. Vạn là một tay du đãng nổi tiếng ở Vũng Tàu. Cách đây ít lâu, vì vi phạm kỷ luật, tôi đã cho đóng bốn cái cọc trời căng hai chân hai tay Vạn ra, đánh theo hệ thống quân giai, bắt đầu từ tiểu đội phó là mười roi, đến tiểu đội trưởng số roi được nhân gấp đôi, và cứ theo cấp số nhân như vậy

mà đánh. Mỗi lần Vạn xiu là y tá chích thuốc và tạt nước vào người cho tỉnh dậy để đánh tiếp. Chưa đến lượt tôi đánh, Vạn đã xiu ba lần. Sau trận đòn, chúng tôi phải đưa Vạn lên bệnh xá của Lữ đoàn, nằm lại mười ngày vì bị đái ra máu. Tôi không sợ chuyện thù oán của lính tráng, nhưng không thể ngờ được là Vạn lại là người hăng hái, sốt sắng nhất khi kéo tôi lên tàu.

Năm

Lên đến trên tàu, không khí quá nặng nề ngột ngạt. Không phải nặng nề ngột ngạt vì số người trên tàu quá đông, mà vì cả tàu đang bị bao trùm bằng mùi giết chóc, căng thẳng.

Huy mặt nhét vào tay tôi khẩu súng ngắn, dặn dò:

“Súng tôi lên đạn sẵn, ông giữ cẩn thận.”

“Còn gì nữa để mà phải thủ súng lên đạn sẵn?”

“Thì ông cứ giữ đề phòng. Biết đâu có lúc phải xài tới.”

Chưa kịp tìm chỗ ngồi, tôi nghe một tiếng súng nổ.

Hai người lính Thủy Quân Lục Chiến cúi xuống khiêng xác một người lính Bộ Binh vừa bị bắn chết ném xuống biển. Một người lính Thủy Quân Lục Chiến khác đang gí súng vào đầu một trung úy Bộ Binh ra lệnh:

“Đụ mẹ, có xuống không?”

“Tôi lạy anh, anh cho tôi đi theo với.”

“Đụ mẹ, tao đếm tới ba, không nhảy xuống biển tao bắn.”

“Tôi lạy anh mà, tôi đâu có gia đình ở ngoài này.”

“Đụ mẹ, một.”

“Tôi lạy anh mà, anh đừng bắt tôi ở lại, anh muốn lạy bao nhiêu cái tôi cũng lạy hết. Tôi lạy anh, tôi lạy anh.”

“Đụ mẹ, hai.”

“Trời đất, mình đồng đội với nhau mà, anh không thương gì tôi hết. Tôi lạy anh mà.”

“Đụ mẹ, ba.”

Tiếng ba vừa dứt, tiếng súng nổ.

Người trung úy Bộ Binh ngã bật ngựa ra, mặt còn giữ nguyên nét kinh hoàng. Viên đạn M-16 chui vào từ đỉnh đầu. Xác của anh ta được hai người lính Thủy Quân Lục Chiến khác khiêng ném xuống biển.

Tên lính vừa bắn người thân nhiên tiếp tục chĩa súng vào đầu một thiếu tá Bộ Binh đang sợ hãi nằm mọp người ở cạnh đó, mặt lạnh băng đầy sát khí:

“Đụ mẹ, tới thẳng này, mày có xuống không?”

Ông thiếu tá Bộ Binh này hơi lớn tuổi, mặt cắt không còn hột máu, run lên cầm cập, năn nỉ:

“Anh tha cho em, anh tha cho em.”

“Đụ mẹ, một.”

“Thôi, thôi, thôi anh để em xuống.”

Lết ra tới lan can tàu, ông ta quay lại năn nỉ lần chót:

“Anh tha cho em, anh thương em với.”

“Đụ mẹ, hai.”

Biết là không thể năn nỉ, xin xỏ gì được, ông ta vừa khóc vừa nhảy xuống biển.

Cùng trong thời gian đó, tôi nghe thấy nhiều tiếng súng khác ở nhiều nơi khác nhau trên tàu.

Huy mập cho biết:

“Tàu chở nặng quá nên bị mắc cạn. Hồi nãy cố ra thử nhưng không nổi nên quay đúng một vòng tròn rồi hết nhúc nhích. Ông thuyền trưởng cho biết là tàu dành riêng cho Thủy Quân Lục Chiến, nên yêu cầu những ai không phải Thủy Quân Lục Chiến rời tàu. Ông Râu thấy không, sức mấy mà người ta chịu xuống. Thành ra ông thuyền trưởng yêu cầu Thủy Quân Lục Chiến giải quyết. Lính mình tụi nó giải quyết bằng súng.”

“Vậy thì có nhằm nhò gì đến tôi mà ông bắt tôi phải thủ khẩu súng trong người.”

“Bộ ông tưởng thẳng mặc đồ rắn nào cũng là Thủy Quân Lục Chiến sao. Và bộ ông tưởng thẳng Thủy Quân Lục Chiến nào cũng phải biết ông sao. Trong lúc hỗn quân hỗn quan này, ông không lo thủ lấy thân còn ai lo cho ông đây.”

Tiếng súng vẫn đi đoành đây đó trên tàu. Xác người vẫn tiếp tục bị ném xuống biển. Nhiều người vừa khóc vừa nhảy ra khỏi tàu. Những khẩu súng vẫn được kê vào đầu những người lính Bộ Binh, vẫn đi đoành.

Tình người!

Tình chiến hữu!

Tôi đứng nhìn bắt lực. Tôi hoàn toàn bất lực trước cảnh đau xót này.

Thiếu tá Thành tiểu đoàn trưởng cũng có mặt trên tàu nhưng tôi tìm không gặp. Chắc thiếu tá Thành cũng chỉ bất lực như tôi.

Gặp trung úy Nghĩa – Hoàng Trung Nghĩa đại đội 1- hai đứa rủ nhau ra góc tàu phía sau đài chỉ huy. Nghĩa nói như một lời nhận tội về sự bất lực của mình.

“Tụi nó giết người dã man quá. Kiếm chỗ khuất này ngồi may ra còn đánh lừa được con mắt của mình.”

Một người lính còn mặc mỗi cái quần rằn, mặt ngơ ngác, mắt thất thần hai tay giơ ra phía trước như phân bua như làm chứng cho lời nói chỉ sợ người nghe không tin.

“Vợ tôi chết rồi, chết dưới biển rồi, thật mà, tôi nói thật mà, vợ tôi chết thật rồi, chết đuối dưới biển rồi mà!”

Một cô gái trần truồng, không còn một tí gì gọi là vải trên người, hai tay không che hết những chỗ cần che trên thân thể nên cũng chẳng buồn che, mặt còn in đủ những cảnh khủng khiếp vừa trải qua, hai con mắt mở to ráo hoảnh. Còn gì nữa đâu để mà phải mắc cỡ, còn gì nữa đâu để mà phải khóc lóc. Cô ta đón nhận một cách hững hờ cái quần của một người lính và cái áo của một người lính khác.

Tôi nói với Nghĩa:

“Thôi thì phó mặc, đã leo lên được trên tàu này rồi, sống hay chết, chạy thoát hay bị bắt nằm ngoài khả năng của mình. Giao hết mọi thứ cho số mạng.”

“Mày cũng đổ cho số mạng cái chết của những người lính Bộ Binh đang bị bắn kia à?”

Tôi cãi bướng:

“Mỗi người có một số mạng tận cùng nên mới có thành ngữ “tận cùng bằng số”.”

Số người trên tàu đã vơi đi thật nhiều, chiếc tàu đã nhẹ hơn trước, nhưng nước thủy triều xuống còn nhanh hơn nên chiếc tàu vẫn bị mắc cạn. Thêm nữa, một máy tàu bị hỏng không biết từ lúc nào, thợ máy cũng bó tay, nên chỉ còn một cách duy nhất là cầu cứu chiếc tàu khác vào kéo.

Mọi người đều bồn chồn nóng nảy, thủy thủ đoàn lẫn xăng gọi nhau ới ới, tiếng súng vẫn tiếp tục nổ đi đoành đó đây trên tàu, tiếng khóc, tiếng la, tiếng cười, tiếng chửi thề cộng chung với nhau tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn không thể gọi tên một cách chính xác.

Thuyền trưởng là một ông chuẩn úy già – chuẩn úy Tấn – cố gắng một cách liên tục vừa đốc thúc sửa máy vừa liên lạc với những chiếc tàu khác còn đang qua lại ngoài khơi.

Thời gian chờ đợi nào cũng dài hơn giờ thực sự của kim đồng hồ.

Một chiếc tàu từ ngoài khơi quay mũi vào bờ để tiếp cứu.

Thủy thủ đoàn – gọi là thủy thủ đoàn nhưng thực ra ngoài ông thuyền trưởng già đang liên lạc máy và người thợ máy đang cố gắng sửa máy dưới hầm, họ chỉ còn khoảng chừng ba, bốn người – được sự tiếp tay của mấy người Thủy Quân Lục Chiến còn khỏe mạnh lo chuẩn bị dây cáp để chuyển sang chiếc tàu đang từ ngoài vào.

Nhưng chiếc tàu vào cứu đã không vào được đến nơi, vì khi còn cách chúng tôi chừng trăm thước, chiếc tàu đã ăn nguyên một quả tàn tàn – tàn tàn là tên chúng tôi đặt cho loại hỏa tiễn tầm nhiệt AT-3 của Việt Cộng. Có lẽ chỉ bị hư một máy nên chiếc tàu đã từ từ quay mũi và trở ra ngoài khơi. Vị cứu tinh của chúng tôi đã bỏ đi, niềm hy vọng của chúng tôi đã chạy mất.

Đến bây giờ mọi người mới sức nghĩ là mình vẫn còn đang nằm trong tầm súng của Việt Cộng.

Cảm giác hãi hùng truyền đến cho tất cả mọi người trên tàu. Chúng tôi đang là những con cá đã nằm trên thớt, vậy mà không một ai để ý.

Mọi người chỉ để ý đến một điều là tranh giành nhau, bắn giết nhau để có được một chỗ “ngon lành” trên “cái thớt”.

Nhưng đã trót thì phải trót, không lẽ chúng tôi lại chịu bó tay, còn nước thì còn tát. Ông thuyền trưởng già lại liên lạc liên tục để xin tàu khác vào cứu, nhưng hình như hệ thống truyền tin của Hải Quân lúc này đang “hỏng”, hay vì hiệu thính viên của các tàu khác đang “ngủ gục” nên có đến cả gần một tiếng đồng hồ, ông thuyền trưởng vẫn không liên lạc được với bất cứ một chiếc tàu khác nào nữa. Giở khóc giở cười, ông ta nói với thiếu tá Thành, tiểu đoàn trưởng tôi.

“Tôi không thể nào liên lạc được với những chiếc tàu ngoài kia nữa. Chắc chắn là tại nó có nghe nhưng thẳng nào cũng lạnh gáy nên không dám trả lời. Bây giờ nhờ thiếu tá liên lạc qua hệ thống của Thủy Quân Lục Chiến xem có giúp giải quyết được gì không?”

Thiếu tá Thành vào đài chỉ huy. Chừng nửa giờ sau, ông ra cho biết:

“Sẽ có một chiếc tàu nữa vào kéo, nhưng không vào sát trong này. Mình phải cho người đem dây cáp ra miết ngoài xa giao cho nó.”

Một chiếc ca nô cấp cứu được hạ xuống biển. Kêu gọi và tuyển lựa được một tay lính Thủy Quân Lục Chiến bơi giỏi và khỏe mạnh xuống theo chiếc ca nô, bơi bằng dầm để mang dây cáp ra ngoài xa đón chiếc tàu sắp vào.

Nước thủy triều vẫn đang rút, gió đã ngưng thổi từ lâu, nhưng không hiểu tại sao lại có sóng. Mọi người đổ dồn cặp mắt vào chiếc ca nô bị sóng nhồi, dập dềnh từ từ ra biển. Đã có một chiếc tàu khác quay mũi vào, nhưng với vận tốc của chiếc ca nô thì còn khurót đầu dây cáp mới đưa được lên chiếc tàu vào cứu.

Ù ỳnh.

Tiếng nổ long trời làm tai tôi ù đi, mắt tôi hoa lên, hai hàm tôi tê dại đi. Sức ép của tiếng nổ làm tôi khó thở, phải há miệng ra để hớp không khí.

Một quả đạn đã bắn trúng đài chỉ huy.

Dưới sàn tàu, người ta dồn nhau về bên này, rồi dồn nhau về bên kia, rồi lại dồn nhau về bên này tàu. Mọi người đều cố tìm một lối để

chạy, nhưng, làm gì có lối nào để mà chạy. Chắc chắn là có rất nhiều người bị chèn, bị ép, bị dẫm, bị đạp bởi mỗi một lần người ta dồn nhau. Nhiều tiếng la, nhiều tiếng hét, nhiều tiếng gào vang lên. Nhiều tiếng chửi rửa cũng vang lên.

Trên boong tàu, cảnh chết chóc mới thật là khủng khiếp. Thịt, óc, quần áo, máu văng tứ tung trên thành tàu, lên thành đài chỉ huy, máu chảy lênh láng không còn chỗ nào là không có máu. Những tiếng rên, những tiếng khóc, những tiếng van vái của những người bị thương hòa lẫn với những tiếng kêu gọi nhau ới ới của những người còn nguyên vẹn. Tôi không thể nhận ra được trong đám người chết, trong đám người bị thương đang nằm trên vũng máu khổng lồ ai là người mình quen, ai là người trong đại đội mình. Chỉ trừ một người tôi nhận ra, binh nhất Dũng mang băng ca kiêm thợ hớt tóc của đại đội. Dũng ngồi dựa lưng vào thành tàu, hai chân duỗi dài, đầu bị chèn dọc gần như làm đôi, nửa đầu nhỏ hơn gầy gập xuống gần chấm đến vai. Óc và máu văng dính vào thành tàu. Tôi nhận ra Dũng nhờ băng tên không bị dẫm máu và hai bàn tay có những móng tay để dài hơn móng tay con gái của Dũng.

Thiếu tá Thành bị thương vào chân đang được y tá băng bó. Ông chuẩn úy Tấn thuyền trưởng già bị thương vào đầu, đang quấn băng cá nhân quanh trán, trông như người đang quấn khăn tang.

Tôi hét to cố át những tiếng ồn ào để hỏi ông thuyền trưởng già:

“Súng trên tàu còn sử dụng được không?”

Ông thuyền trưởng già vừa mấp máy đôi môi vừa gật đầu. Tôi lại gần ông ta, nói cũng

vẫn khá to vì tai tôi vẫn chưa hết bị ù:

“Ông cho súng bắn tập trung vào cái miếu trên bờ kia kìa.”

Trên bờ đã vắng tanh vắng ngắt, không một bóng người, xa xa phía trong chừng một vài trăm thước nằm trơ ra độc nhất có một cái miếu thấp thoáng có bóng người. Những bụi rậm, những lùm dương còn nằm sâu hơn nữa ở mút phía trong. Khẩu súng đã bắn chúng tôi chắc chắn là phải được đặt trong miếu.

Bây giờ chúng tôi lại mới nhận ra được một điều nữa, sau khi quan sát cái miếu và bờ biển. Mũi cái tàu mắc cạn của chúng tôi chỉ còn cách mé nước khoảng chưa đầy ba thước. Cả cái tàu đã nằm phoir gần hết thân trên cát.

Thiếu tá Thành ra lệnh cho ông thuyền trưởng và tôi:

“Huy ở trên này cho lính bắn tập trung vào cái miếu để yểm trợ. Ông thuyền trưởng cho hạ bửng tàu xuống để mọi người lên bờ.. Khi lên bờ xong, Huy cho nhặt súng đạn chuyển lên bờ cho mọi người. Ông thuyền trưởng cho gom tất cả những dụng cụ đựng nước ngọt và thực phẩm mang lên bờ.”

Tiếng súng nhỏ từ trên bờ bắt đầu bắn ra tàu khi cái bửng được từ từ hạ xuống.

Dưới sàn tàu đã nhốn nháo từ khi bị quả đạn, bây giờ lại càng nhốn nháo hơn vì cái bửng tàu không còn là vật che đạn cho mọi người nữa.

Bằng cái loa trên tàu, thiếu tá Thành ra lệnh:

“Tất cả mọi người rời khỏi tàu lên bờ. Càng nấn ná trên tàu bao nhiêu càng dễ chết bấy nhiêu.”

Súng trên tàu nổ ròn nhưng vẫn không đủ khả năng làm câm họng những khẩu súng bắn từ trên bờ.

Nhiều người ngã chết ngay trên bửng tàu, nhiều người ngã chết trong lòng tàu.

Nhiều người vẫn tiếp tục nhảy vào bờ.

Bây giờ không còn gọi được là lên bờ vì bửng tàu đã lên cao hơn mặt cát có đến hơn một thước. Vượt qua được cái “ải” bửng tàu là đã được an toàn vì vào sâu trong bờ chừng chục thước có một bờ cát cao lên che khuất được đầu người.

Nhiều người không dám vượt qua cái ải bửng tàu, nằm co rúm, nép người vào thành tàu.

Nhưng không dám vượt qua bửng tàu để vào bờ vẫn không thể được coi là an toàn. Nhiều quả đạn M-79 đã được bắn vòng cầu rơi vào nổ ngay trong lòng tàu, nổ ngay trên sàn tàu.

Tôi vẫn cố gắng quan sát vị trí của địch để chỉ điểm mục tiêu cho những khẩu súng trên tàu, nhưng ngoài cái miếu ra, tôi chỉ có thể biết thêm được là Việt Cộng còn nằm rải rác đằng sau những mô cát thấp. Bắn thì chúng tôi cứ bắn chứ kết quả thì không đáng kể, chỉ đủ làm giảm bớt tiếng súng của địch một phần nào gọi là thôi.

Mũi tàu đã được hạ búng là một mục tiêu cố định và ngon lành cho những tay súng của Việt Cộng tập bắn. Nhưng dù thế nào, số người vào được trong bờ vẫn mỗi lúc một đông thêm.

Thiếu tá Thành đã vào bờ trước, ông đang bố trí mọi người để lập thành một tuyến phòng thủ mới.

Khi trên tàu đã vắng người, khi tiếng súng đã thưa và khi tại tuyến phòng thủ mới đã có thể bắn cầm chừng, tôi và mấy xạ thủ trên tàu mới nhảy xuống sàn tàu, lại một cảnh chết chóc nữa đập vào mắt tôi. Những người bị giẫm nát không còn hình thù của một con người, thịt da nhầy nhụa.

Những người bị dồn ép ngộp thở mà chết trông khá nhất, họ nằm chết trông như ngủ.

Những người bị đạn bắn chết nằm gục ngang gục ngựa, có người bị trúng đạn ở đầu, có kẻ trúng mặt, người trúng ngực, kẻ trúng bụng.

Họ trúng đạn đủ chỗ và nằm chết đủ kiểu.

Những người bị thương đang quằn quại, rên la.

Có người ngồi gục đầu xuống, máu từ ngực phụt ra có vòi như vòi nước.

Chẳng ai buồn nghĩ đến chuyện mang những người bị thương vào bờ. Nằm trên tàu hay khiêng vào bờ nào có khác gì nhau. Có biết đến bao nhiêu người bị thương, làm sao mà lo cho xuể trong khi chính những người còn khỏe mạnh lo cho nhau, lo cho mạng sống của mình còn chưa xong. Tôi thấy trung úy Chúc tiểu đoàn 2 Pháo Binh bị thương không biết nặng nhẹ, máu ướm đầm áo quần, nằm thoi thóp.

Tôi ngạc nhiên khi thấy cô gái Huế học Văn Khoa đang ngồi vái trời vái Phật, miệng ngoác ra mà khóc. Không hiểu tại sao cô nàng lại ở

trên tàu. Đúng ra cô ta đã phải ở trên chiếc tàu cùng với lũ đoàn trưởng và lũ đoàn phó của tôi, đang lênh đênh ở ngoài khơi kia.

Nhưng tôi cũng chẳng có thời giờ đâu mà thắc mắc. Tôi nói lớn với cô ta:

“Thôi chứ cô nàng, không lo mà vô bờ đi, còn bày đặt mà ngồi đó vái cái thành tàu.”

Bưởi nói với tôi:

“Con nhỏ này là Việt Cộng đó ông thầy, nó ngồi trên tàu làm bộ khóc, làm bộ vái trời, chứ thật ra là chỉ điểm cho Việt Cộng. Ông nhớ không, hồi tối ở tuyến nó cũng khóc rùm trời.”

Tôi phì cười:

“Bộ mày tưởng nó ngồi đó làm hiệu rồi Việt Cộng tránh không bắn nó, hay mày tưởng đạn của Việt Cộng biết nó cùng một phe nên né nó.”

“Chứ sao nó ngồi trên đó mà không trúng đạn?”

Tôi không thể trả lời và cũng không thể giải thích như thế nào. Mọi câu trả lời nếu được thỏa đáng đều phải vịn vào một đấng vô hình.

Tôi vào bờ cát. Tiếng súng đã im.

Trời đã về chiều, hình như là ba hay bốn giờ gì đó.

Chúng tôi đứng một hàng dọc dọc theo bờ cát.

Mặt trời chiều chiếu thẳng vào mặt.

Sóng vỗ nhẹ nhẹ sau lưng.

Tôi nhìn quanh cố tìm những khuôn mặt quen thuộc trong đại đội, chẳng có bao nhiêu, chừng năm, bảy mạng gì đó. Đâu rồi đại đội trưởng, đâu rồi Huy mập, đâu rồi Ngô Dzu, đâu rồi Khải máy, Phước râu, đâu rồi Đăng.... đâu rồi tụi bay?

Lòng tôi chùng xuống, nước mắt trào ra. Bao nhiêu gian lao, bao nhiêu khổ ải từ bao nhiêu năm nay không sao, không lẽ lại rủ nhau cùng chết một cách đau thương tức tưởi và lãng nhách ở đây hay sao?

Thiếu tá Thành từ phía đầu kia của tuyến đi lại:

“Ông Huy, súng đạn của mình hiện giờ ra sao rồi?”

“Không bao nhiêu hết, thiếu tá. Tôi đang cho người đi nhặt súng đem xuống rửa dưới biển.”

Vừa lúc, một chiếc GMC từ phía nam đi trờ tới, thiếu tá Thành chặn xe lại và nói với tôi:

“Huy ở đây chỉ huy tuyến này. Tôi đi kiểm thêm súng đạn.”

Chiếc GMC tiếp tục chạy lên hướng bắc, trên xe chỉ có thiếu tá Thành và người tài xế.

Tôi đi một vòng dọc tuyến, thấy mấy người lính tiểu đoàn 2 Pháo Binh, tôi nói với họ:

“Tụi bay lên tàu khiêng trung úy Chức xuống.”

Điều này gợi tôi quyết định lập một toán khỏe mạnh lên tàu khiêng những người bị thương xuống. Nhưng dĩ nhiên cũng chỉ khiêng những ai là Thủy Quân Lục Chiến, còn những người thuộc các binh chủng khác thôi thì kệ họ.

Tôi cũng cho người lên tàu kiểm đạn và đồng thời tìm cách chuyển nước ngọt xuống tiếp tế cho mọi người.

Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy những người lính này, không phải là tất cả nhưng cũng không phải là ít, lúc này khi còn ở trên tàu, họ hung hăng dữ tợn bao nhiêu thì bây giờ họ lại hiền lành ngoan ngoãn bấy nhiêu. Tuyến phòng thủ cấp thời này được tập hợp bằng những người lính của khá nhiều đơn vị khác nhau của Thủy Quân Lục Chiến, tiểu đoàn 3, tiểu đoàn 4, tiểu đoàn 5, tiểu đoàn 7, tiểu đoàn 2 Pháo Binh, lính Vận Tải, Truyền Tin, lính Quân Y, Viễn Thám... Tôi không phải là cấp chỉ huy trực tiếp của họ, lúc này họ có thể hứng chí tặng tôi một viên vào đầu sau những tiếng đếm đụ mẹ một, đụ mẹ hai, đụ mẹ ba. Nhưng bây giờ họ tuân lệnh tôi một cách tuyệt đối.

Kỷ luật quả thật là một yếu tố căn bản để tạo thành sức mạnh của quân đội. Khi đã mất chỉ huy, khi mọi thằng đã bằng nhau thì thằng nào mạnh, thằng nào có súng thằng ấy nắm quyền sinh sát. Khi tình

trạng bằng nhau đã hết, tình trạng hỗn quân hỗn quan đã hết, khi sự chỉ huy được tái lập, mọi người lại rầm rập đầu vào đấy.

Bây giờ đến lượt chính tôi kê súng vào đầu một người lính, tay này to cao như một thằng Mỹ, còi trần trụi trọc, xăm đầy hình và chữ trên tay, trên lưng, trên ngực, tay khur khur ôm một khẩu M-79, đã không dám đứng dậy để chiến đấu, mà lại cũng không chịu giao súng cho ai. Tôi nói:

“Đụ mẹ, tao đếm tới ba, mày không đứng dậy hoặc không đưa súng cho tao, đụ mẹ, tao bắn.”

“Súng của em mà trung úy.”

“Đụ mẹ, một.”

“Em mệt quá rồi trung úy, trung úy cho em ngồi nghỉ một chút rồi em đứng dậy, trung úy.”

“Đụ mẹ, hai.”

“Trời ơi, ông giết em thật sao trung úy?”

“Đụ mẹ, ba.”

Tiếng “ba” chưa dứt, tên lính vội vàng đưa khẩu súng M-79 bằng cả hai tay cho tôi, miệng lắp bắp:

“Súng đây trung úy, súng đây trung úy.”

Tôi lấy khẩu súng giao cho một người lính đứng cạnh đó.

Tôi không cố tâm bắn chết người lính này, nhưng nếu anh chàng không giao súng cho tôi hoặc không đứng dậy để chiến đấu, thôi thì cũng đành vậy. May cho anh chàng và cũng may cả cho tôi!

Không có bóng dáng một người lính Bộ Binh nào trong tuyến này. Khi xuống tàu thì tranh giành cũng ra gì lắm, nhưng khi cần phải cầm súng đánh nhau với Việt Cộng thì chỉ còn chúng tôi. Phải chăng họ hận chúng tôi vì chuyện vừa xảy ra trên tàu hay vì chúng tôi là những thằng được khoán trắng cho việc đánh trận. Trừ một số người tuy không bị thương nhưng vẫn nhất định nằm lì lại trên tàu -không hiểu họ còn hy vọng gì nơi cái tàu đã nằm hơn nửa thân trên cát- những người còn lại không biết đã chạy biến đi đâu mất.

Sự vắng mặt của những người lính Bộ Binh đã làm nhiều người lính Thủy Quân Lục Chiến càng thêm tin là quả đạn bắn vào đài chỉ huy chiếc tàu lúc nãy là do những người lính của sư đoàn 1. Những lời bàn tán và đồn đãi:

“Bọn sư đoàn 1 bị bắn và bị đuổi xuống tàu đã lấy đại bác 57 ly không giựt bắn vào tàu. Không được ăn thì đập đổ!”

Tôi không tin điều này, vì những người lính Bộ Binh làm gì còn súng 57 ly trong lúc này. Nhưng những lời đồn và bàn tán mỗi lúc một nhiều cũng khiến tôi bắt đầu nghi ngờ sự suy đoán của mình.

Người tài xế chiếc xe GMC chờ thiếu tá Thành đi kiểm đạn lúc nãy hốt hơ hốt hã chạy bộ về. Anh ta báo cáo với tôi:

“Thiếu tá bị bắt rồi trung úy.”

“Tại sao mà lại về được đây?”

“Em chờ thiếu tá đi lên cách đây chừng hai cây số, bị Việt Cộng chặn lại. Em khai là binh nhì, thiếu tá ổng khai là hạ sĩ. Tụi nó tịch thu xe rồi nói em thay đồ dân sự về Huế mà sống, hình như tụi nó biết thiếu tá là sĩ quan nên bắt đi theo. Em lừa lừa rồi trốn về đây.”

Niềm hy vọng kiếm thêm được súng đạn đã tiêu tan, cấp chỉ huy của tôi đã bị bắt. Súng đạn đi mót nhặt tại chỗ dù đã rỉ sét vẫn không đủ cung cấp cho chúng tôi trong khi chúng tôi vẫn bắt buộc phải bắn cầm chừng để giữ chân Việt Cộng. Sau một hồi bàn bạc với các sĩ quan khác, tôi quyết định bỏ cái tuyến này, rời xa chiếc tàu mắc cạn, kéo nhau vào tuyến của lữ đoàn còn đang chiến đấu ở phía nam, nơi mà chúng tôi đã tách ra hồi sáng để kéo nhau xuống tàu.

Khi về gần đến tuyến của lữ đoàn, chúng tôi bị một loạt đạn đại liên từ chiếc M-113 đậu ngang tuyến của tiểu đoàn 5 bắn xẹt trên đầu chúng tôi.

Mấy người lính tiểu đoàn 5 đứng trên chiếc thiết vận xa khoát khoát tay ra hiệu không cho chúng tôi vào tuyến.

Chúng tôi giơ hai tay lên đầu giống như những kẻ đầu hàng để chứng tỏ chúng tôi không còn khả năng chiến đấu. Vừa giơ tay chúng tôi vừa tiếp tục đi tới. Lần này khẩu đại liên trên chiếc M-113

nhằm thẳng chân của những người đi đầu của chúng tôi mà bắn, đồng thời chúng tôi còn lãnh thêm mấy quả đạn M-79. Bốn, năm người bị thương ngã lăn ra cát.

Từ sáng đến giờ, thời gian chưa đầy mười tiếng đồng hồ, chúng tôi đã trải qua không biết bao nhiêu nỗi kinh hoàng. Bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu hy vọng đã tiêu tan. Bây giờ trở về để nương nhờ những người bạn, những đồng đội trong cùng binh chủng. Nhưng cánh cửa đã khép chặt, chúng tôi bị xua đuổi bằng những tràng đại liên, bằng những viên đạn M-79. Thiếu tá Tiền tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 5 mới hôm qua hôm kia đây còn nói với Huy mập “Thầy trò mày rán làm cho tao cú nữa, đây là trận đầu của tao ở bên này”, trong khi thầy trò Huy mập đã tanh banh hết. Vậy mà bây giờ, chính lính của ông - dĩ nhiên họ làm theo lệnh- vác đại liên, vác M-79 ra bắn xua đuổi chúng tôi.

Chúng tôi tấp vào bờ cát, cách tuyến của tiểu đoàn 5 chừng bốn, năm chục thước.

Ngồi đây, ngoài tuyến hay vào trong kia – trong tuyến – thực sự đối với tôi chẳng khác gì nhau. Đạn Việt Cộng không chừa một chỗ nào và cũng không chừa một ai. Trong tuyến mới đúng là nơi thu hút hỏa lực của địch, còn chúng tôi nằm ngoài, cảm thấy không an tâm chỉ là tâm lý, không an tâm vì mình đã mất khả năng tự vệ và bị từ chối sự bảo vệ của những người mình trông đợi.

Mấy người bị bắn ngã đã được đưa vào tuyến.

Lính tráng thắc mắc tại sao họ không được cho vào tuyến. Trung sĩ nhất Đăng thường vụ đại đội hỏi tôi:

“Ông thầy, mình cũng là Thủy Quân Lục Chiến chứ đâu phải là Bộ Binh, tại sao họ không cho mình vào tuyến?”

“Tiểu đoàn mình tan hàng rồi, mình vào tuyến bây giờ sẽ ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của những thằng đang đánh nhau trong đó.”

“Ảnh hưởng mẹ gì, ông thầy, mình vô tuyến rồi kiếm chỗ nằm tránh đạn ở mót đằng sau này chứ mình đâu có lên đằng trước đâu mà làm mất tinh thần của tụi nó.”

“Mày nên nhớ là họ chỉ cần nghe tin là tàu không bốc được tụi mình, tinh thần của họ đã bị nhụt hẳn đi rồi, cần gì phải đợi mình kể lại. Mà mày không thấy nằm đây mình không bị đạn bắn tới, đâu cần phải tìm chỗ tránh đạn ở trong tuyến nữa.”

Tôi chưa nói dứt câu, nhiều loạt đạn nhắm thẳng chúng tôi bay tới. Việt Cộng đã về đến chỗ tàu mắc cạn. Thầy trò cha con chúng tôi ủa chạy vào tuyến, đạn Việt Cộng bắn vãi sau lưng.

Những người lính tiểu đoàn 5 trên M-113 thản nhiên ngồi chờ cho đến khi chúng tôi vào hết trong tuyến mới bắt đầu bắn trả về phía tàu mắc cạn.

Tuyến phòng thủ của lữ đoàn từ chiều hôm qua chỉ bị tấn công một mặt từ hướng tây, nơi tiểu đoàn 7 bàn giao tuyến lại của tiểu đoàn 4 tôi. Bây giờ bị thêm một mặt tấn công mới từ hướng bắc.

Xạ trường bằng phẳng, những loại súng bắn thẳng không bị cản trở bởi bất cứ một chướng ngại nào. Những người lính trên M-113 đã rời xe, xuống những hố cá nhân đào quanh đấy.

Chúng tôi, những thằng hết khả năng tác chiến, moi vùi những cái hố ở phía sau những cái gò của dân nằm úp đáy trên mặt cát.

Tiếng súng nhỏ nổ đi đoành trên tàu mắc cạn. Hình như Việt Cộng đang bắn những người còn nằm lại trên tàu.

Đây là lần thứ hai tôi được xem, một cách rất bàng quan, những người lính Thủy Quân Lục Chiến đánh trận. Lần đầu vào ngày 27 tháng Giêng năm 73, buổi chiều cuối cùng trước giờ ngưng bắn có hiệu lực tại Cửa Việt. Tiểu đoàn 4 tôi được tăng cường hai đại đội của tiểu đoàn 2 và một đơn vị Thiết Giáp – tôi không rõ cấp đơn vị – lập thành lực lượng đặc nhiệm Tango do chính đại tá tư lệnh phó làm tư lệnh lực lượng. Lực lượng chúng tôi có nhiệm vụ bằng mọi giá cầm cò ở Cửa Việt trước 8 giờ sáng ngày 28 tháng Giêng. Trung đoàn Việt Cộng 48 phòng thủ.

Từ chạm tuyến lên đến mục tiêu khá xa, có đến mấy cây số nên từng nấc dọc đường được chia thành nhiều mục tiêu phụ, chúng tôi từng đại đội một chia nhau chiếm từng mục tiêu. Điểm xuất phát của đại đội tôi là mục tiêu mà một đại đội của tiểu đoàn 2 đánh chiếm. Đại đội

tôi di chuyển một cách thoải mái từ phía dưới lên. Đại đội trưởng tôi lúc đó là trung úy Tước – Dương Tấn Tước – gọi tôi lại gần và chỉ:

“Ông có thấy chiếc M-48 đang cháy kia không?”

“Thấy, Sao Mai.”

“Rồi, ông dắt con cái vô đó.”

Một cái lệnh hành quân rất nhẹ nhàng và dễ dàng. Nhưng thực sự, nói vậy mà đâu phải vậy, M-48 mà cháy thì mục tiêu đâu phải là nhẹ ký. Tôi vào đến nơi được xem những người lính của tiểu đoàn 2 đang chiếm mục tiêu. Những người lính của tiểu đoàn 2 này không hổ danh với chính cái tên mà Việt Cộng đã đặt cho họ, tiểu đoàn Trâu Diên. Họ xung phong, họ xông xáo vào tuyến phòng thủ của Việt Cộng như vào chỗ không người. Có chết chóc đấy, có bị thương đấy nhưng Việt Cộng không thể nào cản được bước chân của họ. Có một trung đội quá hăng máu, tiến quá nhanh, vượt qua khỏi mục tiêu tiến quá sâu vào phần đất dày đặc Việt Cộng, nên đã bị bao vây, không hầm hố, không mô cát để ẩn nấp, họ trở thành điểm tập trung tác xạ của không biết bao nhiêu tay súng Việt Cộng.

Trung đội Trâu Diên này vẫn tả xung hữu đột, vẫn bình tĩnh chiến đấu như đang thực tập một bài chiến thuật trong quân trường.

Khi đại đội tôi lên và giải vây cho họ xong, một người lính nhìn tôi cười nói:

“Đụ mẹ, đánh giặc đã quá, ông thầy!”

Lần này là lần thứ hai, tôi nằm sau một cái gò lật úp làm nơi ẩn nấp, quan sát những người lính của tiểu đoàn 5 chiến đấu. Lần này, cái hăng say, cái nhuệ khí của thể tấn công không có, chúng tôi đang ở cái thế bị bao vây, lương thực chúng tôi hết cạn, đạn dược chúng tôi hết gần sạch banh, đường về chúng tôi không có. Chúng tôi đang ở trong cái thế bi thảm nhất cả về tinh thần lẫn phương tiện chiến đấu. Vậy mà những người lính của tiểu đoàn 5, mấy con “địa đói” này vẫn vừa đánh giặc vừa cười đùa. Có hai người lính đầu không mũ sắt, mình không áo giáp, chân không giày, một người ôm nòng khẩu súng cối 60 ly được bọc bằng mấy cái áo giáp cho khỏi nóng, một người cầm mũ sắt làm bàn tiếp hậu, tay cầm quả đạn, cứ thế họ đặt súng

chỗ này bắn một hai quả, đặt súng chỗ khác bắn một hai quả. Vừa bắn vừa cười nói bô bô. Một viên đạn bất ngờ ghim sâu vào ngực người lính cầm mũ sắt, quả đạn bên tay phải rơi phịch xuống cát, mũ sắt bên tay trái văng ra xa. Một người lính khác tay cầm mũ sắt, chạy tới nhặt quả đạn tiếp tục bắn. Người lính ôm nòng súng nhìn người bạn vừa ngã chết, miệng cười tươi như không có gì xảy ra:

“Đụ má, chết sớm dzậy mày?”

Người xạ thủ thứ hai rướn người lên rồi ngã xuống vì viên đạn trúng vào bụng.

Người thứ ba cầm mũ sắt chạy ra. Vừa ra đến nơi chưa kịp bắn viên nào thì cả xạ thủ lẫn người ôm nòng súng ngã vật ra chết.

Nòng khẩu súng cối 60 ly nằm chúi hòng xuống cát. Tôi ngồi xem hào hứng đến độ quên luôn rằng cái gọ đang làm vật che đạn cho tôi cũng trúng khá nhiều đạn, trong khi cái đầu tôi mỗi lúc một rướn cao lên để xem cho rõ.

Nắng tắt dần, gió biển mỗi lúc một lạnh hơn.

Tôi thấy gai gai người, mới sực để ý mình đã cởi áo từ lúc nào và cũng không thể nghĩ được là tại sao mình đã cởi áo.

Buròi xuất hiện đột ngột, từ bên hông một cái gọ nào đó chạy tới.

Trên người mặc có mỗi cái quần lót và cái áo giáp.

Gặp Buròi lúc này còn hơn bắt được vàng. Buròi ôm chầm lấy tôi:

“Ông thầy, em kiếm ông thầy quá trời.”

“Mày ở đâu chạy tới đây?”

“Em đi kiếm ông thầy quá trời. Ai moi cho ông thầy cái lỗ này?”

“Tao moi mình ên.”

Buròi cười cười:

“Hèn chi.”

Tôi cũng cười cười:

“Hèn chi gì mày?”

“Ông thầy qua chỗ em đi. Em đào sẵn cái hố cho hai thầy trò mình nằm thoải mái. Nếu lỡ có chết chỉ việc lấp cát là êm. Ông thầy nằm kiểu này nếu chết đúng là cái lỗ không đủ chôn.”

“Đụ mẹ, trù ẻo mày.”

“Thiệt mà. Mà bây giờ về em phải đào cho rộng thêm.”

“Sao vậy?”

“Hồi nãy đi kiếm ông thầy, em gặp một cái “lỗ”. Em mang “con lỗ” về nằm chung. Ấm lắm ông thầy ơi.”

Tôi cười cười, gian ý:

“Coi được không mày?”

“Trời ơi, số một mà ông thầy. Mà thời buổi này ông còn bày đặt kén nữa hả?”

“Đâu có kén, mà đều cũng phải đỡ đỡ một chút chứ hôi rùm ai mà chịu nổi.”

“Đâu có hôi, ông thầy, con nhỏ cũng mới tắm biển lên mà.”

Hai thầy trò tôi nháy mắt nhìn nhau cười.

Bưởi cười áo giáp đưa cho tôi:

“Ông thầy mặc đi rồi mình dzọt.”

Tôi ngần ngừ:

“Thôi mày mặc đi.”

Bưởi nhất định không chịu:

“Ông không thấy đạn bắn quá trời sao? Ông chạy đâu có lẹ bằng tôi.”

“Mày tưởng chạy lẹ là không ăn đạn à?”

“Mà bộ ông không thấy lạnh hả? Người ông nổi gai ốc cùng mình kìa.”

Quả thật, gió biển mỗi lúc một mạnh hơn, tôi đã rùng mình nổi da gà sau mỗi lần gió thổi, hai hàm răng tôi đã bắt đầu đập vào nhau. Người tôi đã run lên vì lạnh. Hết phương từ chối, tôi mặc áo giáp vào rồi băng mình chạy theo Bưởi.

Chúng tôi chạy từng quãng ngắn từ cái gò này sang cái gò khác.

Đến cái gò cuối cùng trước khi đến chỗ Bưởi nằm, tôi gặp Khải máy và Phước râu.

Tôi la lên vì mừng:

“Đụ mẹ, cả hai thằng mày còn sống hả?”

Khải máy có cái tên rất lịch sử -Trần Quang Khải- ôm chầm lấy tôi:

“Ba thằng tụi em chia nhau đi kiếm ông thầy. Em với thằng Phước râu mới về tới đây.”

Phước râu bây giờ mới lên tiếng:

“Tui thấy trung úy Gắt ngồi đằng kia kìa. Đụ mẹ, ông thủ nguyên một bao cát gạo sấy thịt hộp. Thấy tui ông ngó lơ. Kệ mẹ ông chứ, ai thèm xin.”

Nói đến gạo sấy và thịt hộp, tôi mới thấy đói. Suốt từ trưa hôm qua tới giờ tôi có ăn uống gì đâu. Mà cũng có gì đâu để mà ăn uống. Ngoại trừ sáng nay ngồi uống rượu với bọn thiếu úy Sĩ, tôi lại có tạt hể uống rượu vào là không ăn gì nên tuy có đồ ăn nhưng tôi có nhét được miếng nào vào bụng đâu. Tuy nhiên, cái đói chỉ thoáng qua rất nhanh.

Tôi an ủi:

“Đói lúc này đâu có chết tụi bay. Tao cũng đói. Nhắm nhò gì!”

Bưởi giục:

“Mình về bên kia đi ông thầy.”

Khải máy dặn dò:

“Tụi em nằm đây, khi nào chạy kêu tụi em nghe ông thầy.”

Tôi và Bưởi băng qua một quãng trống ngắn, về đến hố của Bưởi.

Người con gái nằm trong hố, trùm poncho chỉ thò mỗi cái đầu ra ngoài. Khuôn mặt kẻ cũng dễ coi.

Vừa xuống hố, Bưởi ra lệnh:

“Ngồi dậy đi bà nội, lấy chỗ để tôi moi rộng thêm cho ông thầy nằm.”

Người con gái ngồi dậy, vẫn quần chặt cái poncho.

Burì khoét cái hố rộng ra thật nhanh bằng mũi sắt.

Tôi cởi áo giáp:

“Trả mày cái áo giáp, lấy trả tao cái jacket.”

“Em vớt dưới biển rồi ông thầy.”

Tôi tiếc ngẩn ngơ:

“Đụ mẹ, sao mày vớt của tao đi?”

“Lúc lội ra tàu mọi thứ em bỏ hết, em đâu dám vớt áo của ông thầy. Em mặc trong người, có điều ở dưới biển lâu nó ngấm nước, nặng quá trời luôn. Em mà không cởi ra bỏ, dám em bị chết chìm luôn rồi.”

Cả cuộc đời nhà binh bảy năm, gia tài của tôi chỉ có mỗi cái áo jacket này. Nó là cái field jacket của Mỹ, áo thật dày, có cả mũ. Tôi lựa đúng cỡ người, hy sinh một bộ đồ bột mới tinh để đắp ra ngoài. Cái áo tôi mơ ước. Tôi mới có được cách đây chừng hơn một tháng. Sài Gòn nóng như thế mà khi về phép tôi còn mang theo để tối tối, trời vừa đủ hơi man mát là tôi lấy ra mặc. Mất Quảng Trị, mất Huế tôi không tiếc bằng mất cái jacket này. Nhưng làm sao bây giờ, mất thì đã mất rồi, mà lỗi thì không thể đổ lỗi cho Burì. Tôi trong trường hợp nó cũng phải làm như vậy thôi.

Việt Cộng ở phía tàu mắc cạn hình như đã đến gần tuyến vì tôi nghe tiếng súng mỗi lúc một chát chúa hơn. Tiếng súng phòng thủ của tiểu đoàn 5 chỉ còn là cầm chừng vì mỗi lúc tôi thấy một thừa hơn.

Burì vừa mặc áo giáp vừa nói:

“Ông thầy nằm đắp chung poncho với con nhỏ này, em đi tìm cho ông thầy cái áo giáp.

“Thôi Burì, nguy hiểm mày.”

“Gần ngay đây mà ông thầy.”

Nói chưa dứt, Burì đã chạy vụt đi.

Tôi nằm đắp chung poncho với cô gái. Hơi ấm từ người nàng làm tôi khó chịu, không phải tôi khó chịu cô gái mà tôi khó chịu tôi. Đời thuở nhà ai, trong hoàn cảnh này, người ta ai cũng phải lo mà giữ sức

khỏe, còn tôi, tôi lại muốn phung phí sức khỏe. Bộ chưa đủ mệt hay sao?

Bàn tay tầm bậy của tôi mầy mò tứ tung trong poncho. Cô gái không có thái độ hoan hô hay đả đảo gì ra mặt, nhưng người cô ta đang từ âm ỉm chuyển dần sang nóng, hơi thở dồn dập và rõ tiếng hơn. Đến một lúc thuận tiện, tôi tìm một vị thế thích hợp. Nhưng vị thế thích hợp đã không có với chúng tôi. Cát dính lung tung lên người chúng tôi, ở dưới hố thì hố được đào cong vòng như cái vồng, kéo nhau lên trên miệng hố, đạn Việt Cộng bay loạn xạ ở tầm rất thấp.

Rất thèm, nhưng thôi thì đành chịu, lắc đầu, chép miệng, “ngậm ngùi”.

Suốt từ lúc tôi về đến cái hố này, cô gái vẫn không nói một tiếng, và tôi cũng không nói một tiếng nào với cô ta.

Khải máy nói vọng sang từ cái gò bên cạnh trong khi tay tôi vẫn đang mầy mò tầm bậy trong poncho:

“Người ta chạy hết rồi ông thầy ơi.”

“Thằng Bưởi chạy đi kiếm áo giáp cho tao chưa về.”

“Chắc nó chạy luôn theo mọi người rồi.”

“Chắc không đâu, đợi nó một chút nữa thử coi.”

Sáu

Trời đã tối, tiếng súng bắn đi đã êm, chỉ còn những tiếng súng Việt Cộng bắn chúng tôi. Tiếng chân người chạy mỗi lúc một nhiều về hướng nam.

Khải máy và Phước râu chạy đến chỗ tôi. Khải máy la lên:

“Trời ơi ông thầy, người ta chạy hết rồi, ông còn nằm đó mà “moi lỗ”!”

“Còn phải đợi thằng Bưởi nữa chứ.”

“Đợi gì nữa mà đợi. Có thể nó đã chết rồi, cũng có thể nó đã chạy rồi.”

Tôi quay sang cô gái:

“Thôi, chạy đi cô em.”

Cô gái nhìn tôi, lắc đầu.

Tôi đứng dậy, chạy theo Khải máy và Phước râu.

Chúng tôi chạy lom khom qua hết những cái gò nằm rải rác trên bờ, nhập vào dòng người đang chạy sát mé nước.

Chạy thì cứ chạy, không lẽ mọi người đã chạy mà mình lại không chạy, nhưng thực sự tôi không hiểu là chạy để làm gì, và chạy đi đâu, chạy về hướng nam tức là chạy về phía cửa Tư Hiền. Tôi chẳng buồn nghĩ là chạy về đó rồi sẽ làm gì, và mình có chạy nổi về đó hay không.

Phước râu đề nghị:

“Hồi nãy tụi nó tự tử nhiều quá, hay là mình tự tử luôn đi ông thầy.”

Khải máy góp ý:

“Có lý đó ông thầy. Mình chạy như vậy để làm cái gì?”

“Không, tụi mày ngu thấy mẹ. Người ta cắt đất để giao cho Việt Cộng. Tụi mình dở nên mình bị kẹt. Nếu bị bắt cũng chừng vài tháng chứ mấy, khi nào được trao trả về, đụ mẹ, đánh lại.”

“Làm tù binh của Việt Cộng chịu gì nổi ông thầy.”

“Cái gì mà không nổi, tụi mày không thấy tù binh được trao trả hồi ngưng bắn à, người ta ở tù bao nhiêu năm người ta còn chịu được. Bộ tụi mày không thấy thiếu úy Bông, chuẩn úy Nhường à!”

Tiếng súng phía sau lưng đã hết, nhưng dòng người chúng tôi lại bị ăn đạn từ phía trong bờ mỗi lần chúng tôi chạy ngang một cái chốt của Việt Cộng. Cũng có những tràng súng, cũng có những quả lựu đạn được bắn trả, được ném trả vào những cái chốt đó. Không biết có giết được mạng nào không?

Việt Cộng được dịp bắn thả cửa vào chúng tôi. Số người trúng đạn không phải là ít.

Tôi nói với hai thằng đệ tử:

“Chạy trên cát thì lẹ nhưng mà nguy hiểm quá, trong khi mình đâu cần chạy nhanh hay chạy chậm. Chạy dưới nước chậm hơn nhưng an toàn hơn. Đạn bắn ra chỉ trúng thẳng chạy trong thôi.”

Phước râu và Khải máy mỗi đứa chạy một bên để đỡ tôi, khi nào mệt tôi choàng cổ hai đứa để được dìu chạy, khi nào tôi chạy được một mình, Phước râu lại tấp vào phía trong bờ, chạy trên cát.

Tôi ngạc nhiên:

“Mỗi lần buông tao ra mày chạy trên cát cho đỡ mệt hả?”

“Tui đâu có mệt ông thầy, chạy phía này lỡ có bị bắn tui còn che được cho ông chứ.”

Tôi xúc động ứa nước mắt. Khải máy đã từng về dự đại hội chiến sĩ xuất sắc ở Sài Gòn, nhưng vì là gốc quân phạm nên leo mãi leo hoài vẫn không lên nổi cái lon hạ sĩ trong khi đã đeo binh nhất từ trước khi về đại đội cũng có đến ba năm. Khải mang máy đại đội nên là tay thân tín của đại đội trưởng, thay vì chạy theo đại đội trưởng vừa đỡ mệt vừa có cả gạo sậy thịt hộp, Khải máy lại chạy với tôi, lãnh đủ cả đói lẫn mệt.

Phước râu là hạ sĩ, đã có một thời gian năm 72 làm quyền tiểu đội trưởng khi còn là binh nhất, trong khi với Thủy Quân Lục Chiến, hạ sĩ mới hy vọng mon men được đến cái chức tiểu đội phó. Hạ sĩ Phước là tay đánh giặc có hạng nhưng cũng là tay cứng đầu, nên vừa rồi đã

được đại đội trưởng “trân trọng kính mời” ra khỏi đại đội để qua đại đội mới là đại đội 3. Là một con cáo già trong những trận đánh, đồng thời Phước râu cũng là một tay kinh nghiệm đầy mình trong những đợt “di tản chiến thuật”. Bây giờ Phước râu tự ý lấy thân che đạn cho tôi trong khi tôi không còn là cấp chỉ huy của anh chàng.

Ba thầy trò tôi chạy dĩ nhiên là chậm so với những người cùng chạy nên cứ tụt dần về phía sau. Nhưng dòng người hình như vô tận nên chúng tôi dù có bị tụt dần vẫn không phải là những thằng sau chót.

Lại rất nhiều người bị bắn ngã từng chặng từng chặng khi chạy qua những cái chốt của Việt Cộng. Chưa bao giờ bọn chó má này được bắn sướng tay đến như vậy. Mỗi tràng đạn ít ra cũng phải trúng vài ba người. Nhưng ai ngã mặc ai, những người chạy vẫn cứ chạy.

Lại có rất nhiều người tự tử. Bây giờ họ không tự tử từng người, từng cá nhân mà họ tự tử tập thể. Không rủ, không hẹn và hầu như họ đều không quen biết nhau trước hoặc có quen biết đi nữa, bạn bè đi nữa họ cũng không thể nhận ra nhau trước khi cùng chết với nhau một lúc. Dòng người chúng tôi đang chạy, một người tách ra ngồi lại trên cát, một người khác cũng tách dòng người ra ngồi chung, người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm nhập bọn, họ ngồi tùm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

Dòng người chúng tôi tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư... nhập bọn, lại tùm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, lại một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

Dòng người chúng tôi vẫn cứ tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư...

Tôi không thể nhớ để mà đếm nổi là đã có bao nhiêu quả lựu đạn đã nổ ở giữa những vòng tròn người như vậy. Nhiều, thật nhiều quả lựu đạn đã nổ.

Chúng tôi vẫn cứ chạy, những người tự tử tập thể vẫn cứ tùm thành những vòng tròn, quân đội Nhật năm 45 khi đầu hàng cũng không thể nào hào hùng hơn thế này được. Lịch sử Việt Nam chưa thấy viết một dòng nào về những cái chết hiên ngang của những thằng tốt đen

như vậy, nhưng họ có đó, vẫn oai hùng khí phách chấp nhận những cái chết vô danh như vậy.

Chúng tôi vẫn cứ chạy, khi ngang qua những cái chốt của Việt Cộng, những người bị bắn trúng vẫn cứ ngã, những người tự tử vẫn cứ nổ lựu đạn. Ngoài biển vẫn có ánh đèn của những chiếc tàu qua lại.

Những người phía trước chạy chậm dần, chậm dần rồi ngừng lại.

Trong suốt thời gian chạy tôi nghe đủ thứ tiếng, tiếng chân, tiếng thở, tiếng sóng, tiếng súng, tiếng lựu đạn nhưng không nghe tiếng nói. Bây giờ mới bắt đầu ồn ào tiếng người.

“Đụ mẹ, sao không chạy tiếp?”

“Chắc đến cửa Tư Hiền rồi.”

“Cửa Tư Hiền còn xa, chắc gặp tiểu đoàn 8 lên đón.”

“Ông thầy cho em miếng nước.”

“Đụ mẹ, tao là lính chứ đâu phải sĩ quan mà kêu tao ông thầy.”

“Thì đàn anh cho đệ tử một hớp.”

“Hớp cái con cặc, bộ mày không có bình toong à!”

Nghe đến nước, tôi mới thấy là mình cũng đang khát. Tôi liếm môi chịu đựng. Nhìn bình nước trên tay người vừa chửi thề, thèm thuồng. Cố tưởng tượng rừng me của Tào Tháo, vô ích, cổ tôi vẫn khô ran, không có tí nước bọt nào để mà nuốt.

Phước râu biết ý, ngoại giao.

“Anh cho trung úy tôi một hớp.”

Người có bi đông nước nhìn tôi.

“Trung úy thiệt không đó cha?”

“Thiệt mà, ổng là đại đội phó tui.”

Anh ta đưa bình nước cho tôi.

“Một hớp thôi nghe ông.”

Sau khi làm một ngụm nước, tôi mới có thể nói được.

“Cám ơn bạn.”

Việt Cộng xuất hiện, chĩa súng về phía chúng tôi ra lệnh.

“Đi một hàng dọc lên hàng trước”

Một giọng khác có vẻ là cấp chỉ huy.

“Tất cả giơ tay lên!”

Có tiếng trả lời.

“Bắt thì bắt, không giơ tay.”

“Bọn này ngoan cố, không hàng, chúng ông bắn bỏ mẹ.”

Nhiều tiếng nói trong chúng tôi vang lên.

“Bị bắt là tù binh, giơ tay hàng tội nó coi mình là hàng binh. Không giơ tay”

Nhất loạt chúng tôi không ai giơ tay, chỉ nối đuôi nhau thành một hàng dọc đi tới. Đang đi một hàng dọc như vậy, một người tách ra khỏi hàng, chạy ào ra ôm cứng lấy một tên Việt Cộng. Tiếng lựu đạn nổ, cả hai ngã vật ra chết.

Một người khác lại chạy ào ra ôm cứng một tên Việt Cộng khác, lại một tiếng lựu đạn nổ, lại cả hai ngã bật ra chết.

Chúng tôi và Việt Cộng vẫn còn đang ở trong thế gờm nhau, chúng tôi đông nhưng đã mất chỉ huy và không có vũ khí, Việt Cộng tuy xuất hiện ít nhưng có súng.

Tôi nghe Việt Cộng nói với nhau.

“Bọn lính thủy đánh bộ này thằng nào cũng ngoan cố. Chắc chắn tội nó còn lựu đạn trong người.”

Một tên Việt Cộng, tên này chắc chắn là du kích nằm vùng vì đang xúng xính trong áo cà sa, đầu trọc lóc, đúng là một ông sư nhưng thay vì tay cầm mõ cầm nhang, lại lăm lăm một khẩu AK, mồm thay vì nói kinh nói Phật, lại ra lệnh cho chúng tôi.

“Chúng mày còn giấu lựu đạn trong người. Tất cả cởi hết quần áo ra!”

Chúng tôi nhìn nhau, chưa có phản ứng gì, tên sư du kích quát lên.

“Đứng lại! Cởi hết quần áo ra!”

Một người lính buột miệng hỏi: “Cởi quần áo ra có bị coi là hàng binh không?” Cả chúng tôi lẫn Việt Cộng đều phì cười. Có lẽ tiếng cười đã làm không khí căng thẳng dịu lại. Chúng tôi cởi quần áo ra rồi tiếp tục đi tới.

Đã có rất nhiều người bị bắt tập hợp thành từng khối, ngồi quay lưng ra biển. Những người này không bị cởi quần áo như chúng tôi – những thằng bị bắt sau.

Ba thầy trò tôi ngồi nối đuôi nhau thành một hàng dọc trong khối mới bị bắt.

Phước râu nói với tôi.

“Ông khai là lính thôi nghe ông thầy.”

“Sao vậy?”

“Mình đi chung có gì tui còn lo cho ông được.”

“Đâu được mậy, mình bị bắt cả đơn vị, tụi nó điều tra thế nào cũng lòi ra.”

“Nhưng ông đâu đủ sức sống một mình trong tù.”

“Nhằm nhò gì, ở tù ít tháng thôi chứ mấy, mà để coi ra sao đã.”

Có tiếng nói từ trong đám tù binh.

“Yêu cầu cho nước uống.”

Nhiều tiếng khác vang lên, lúc đầu còn rời rạc, càng lúc càng ăn nhịp dần, cuối cùng có cả tiếng vỗ tay bắt nhịp.

“Nước! Nước! Nước!”

Cứ như vậy cho đến khi nước uống được hai ả du kích cái mang ra.

Nhiều người bu lại uống nước, lúc đầu còn uống tử tế, đến thùng thứ ba được mang ra, cũng vẫn nhiều người bu lại, nhưng chỉ một số người uống nước, số khác giả vờ chen lấn giành nước để bóp vú hai ả du kích.

Nhiều tiếng chí chóa vang lên. Tên Việt Cộng đứng ngoài hắng giọng hỏi.

“Cái gì ồn ào thế?”

Thùng nước được hất đổ kèm theo nhiều tiếng nói.

“Hết nước rồi, yêu cầu cho thêm.”

Tên Việt Cộng đứng ngoài ra lệnh.

“Đề nghị hai đồng chí mang thêm nước.”

Khi thùng nước kế tiếp được mang ra, màn bóp vú lại tái diễn, và khi hai nữ đồng chí được đề nghị mang thêm nước lần nữa thì trốn luôn.

Không còn nước, không còn đàn bà, mọi người ngồi trở lại trong hàng. Một người lính vừa ngồi xuống bên cạnh quay sang nhìn tôi cười.

“Đụ mẹ, bị bắt mà còn được bóp vú Việt Cộng, đã quá!”

Sau khi đếm người xong, Việt Cộng đưa chúng tôi vào sân của một trụ sở ấp.

Tôi hỏi giờ một người đeo đồng hồ. Đúng 12 giờ khuya ngày 26 rạng 27 tháng Ba.

Nghe đâu làng này có cái tên rất độc đáo: làng Cự Lại.

Ngày 26 tháng Ba là ngày Người Cà Có Ruộng.

Ngày 26 tháng Ba là ngày cả một lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến bị khoảng một đại đội du kích Việt Cộng bắt sống.

Chuyện không bao giờ tin được đã xảy ra.

Hỏi trời, hỏi đất, hỏi lính, hỏi quan. Hỏi ai đây, trách nhiệm ai đây về chuyện ô nhục này của quân sự?

Tôi sực nhớ đến câu có vẻ cải lương nhưng ngẫm thấy cũng có lý: “Làm trai không sợ gì sương gió, chỉ sợ đời không có gió sương”. Chúng tôi những thằng lính tình nguyện về một bình chủng thừa mùa gió sương, và bây giờ bị Việt Cộng bắt, chúng tôi sắp sửa được hưởng một cuộc sống chắc chắn là không thiếu gì sương gió, không hiểu một tên lính nào đó khi xâm hàng chữ này vào người có nghĩ đến hoặc có tiên đoán đến ngày hôm nay, ngày 26 tháng Ba này không?

Phước râu lại dận dò tôi.

“Ông thầy nhớ khai là lính nghe.”

Lúc trời gần sáng, Việt Cộng yêu cầu ai là sĩ quan tập hợp riêng ở gần cổng trụ sở ấp.

Lúc đầu còn lác đác nhưng rồi chỗ tập hợp riêng cho sĩ quan đông dần, hình như chẳng còn thiếu ai, ngoại trừ mấy ông cấp tá.

Tôi gặp trung úy Gắt, thiếu úy Dzu, Huy mập, Du Hồ. Tôi lại gặp Sĩ tiểu đoàn 2 Pháo binh.

Tôi còn gặp cả một thằng bạn cũ cùng học với nhau hết bậc trung học ở trường Nguyễn Trãi, Vũ Đức Giang, khi chúng tôi đang bị trói chung bằng một sợi dây điện dài. Tôi ngạc nhiên kêu lên.

“Giang, mày làm gì mà cũng bị bắt ở đây?”

“Ờ Huy, cả chục năm mới gặp lại mày.”

“Tao hỏi mày làm cái giống gì mà cũng bị bắt ở đây?”

“Tao Thủy Quân Lục Chiến.”

“Mẹ kiếp, cậu đích tin, mày mà cũng dám giết người à? Mà sao ở Thủy Quân Lục Chiến, tao không gặp mày?”

“Tao mới ra trường về Thủy Quân Lục Chiến khoảng nửa tháng nay.”

“Mày bác sĩ à?”

“Ừ, tao về tiểu đoàn 7.”

“Tội nghiệp thằng bé, mày cũng sợ đời không có gió sương à?”

Giang ngơ ngác.

“Gió sương gì? Cởi trần ngồi suốt đêm ngoài trời thế này mày bảo không bị sương à?”

Trời sáng rõ.

Mấy tên Việt Cộng gác chúng tôi cầm súng đi qua đi lại trước cổng. Một tên đứng gác trên chòi canh. Dân chúng bu sát vào hàng rào tò mò nhìn chúng tôi. Nhiều người đã cầm sẵn trên tay rễ khoai lang khoai mì để bán cho chúng tôi.

Những người bị bắt trước tôi không bị cởi quần áo nên họ có tiền, và vì là lính nên không bị trói, ra sát hàng rào mua bán với dân chúng.

Bọn Việt Cộng cố gắng ngăn cản vụ mua bán nhưng không nổi, cuối cùng đành phải ngó lơ. Nhiều người lính đem khoai sẵn đến dứt cho chúng tôi ăn.

Số sĩ quan chúng tôi cũng có đến cả trăm mạng, bị trói quặt cánh tay ra sau, nối tiếp nhau bằng sợi dây điện dài. Một số đã bị trói bằng dây kẽm vì không đủ dây điện. Lợi dụng lúc lộn xộn không có hàng ngũ gì, chúng tôi đã bàn với nhau.

“Nếu được đi chung với lính thì thôi, còn nếu bị dắt đi riêng ra phía biển, tức là bị đem đi bắn, chúng tôi sẽ cướp súng bắn lại”

Đằng nào cũng chết, cướp súng bắn lại ít ra cũng giết gỡ được vài mạng.

Phước râu, Khải máy, trung sĩ Khang cũng bu đến chỗ tôi ngồi. Tôi nói đủ cho mấy đứa nghe.

“Khang đứng lùi ra che mắt mấy thằng gác, thằng Khải xin miếng khoai dứt tao ăn, còn thằng Phước ngồi xuống nói lòng dây trói cho tao.”

Tôi dặn thêm Phước râu.

“Nói lòng vừa đủ để nếu cần, rút tay ra được. Lòng quá dễ bị bẻ.”

Bằng cùng một cách này, tất cả dây trói chúng tôi lần lượt đều được nói lòng.

Những tin đồn về mấy ông tiểu đoàn trưởng của chúng tôi được loan truyền.

“Chính mắt thằng A thấy ông Cang bắn súng vào đầu tự tử.”

“Chính mắt thằng B thấy ông Tiền tự tử chung với mấy người nữa bằng lựu đạn.”

“Thằng C đã vuốt mắt cho ông Sử ở bờ biển sau khi ông ta tự bắn vào đầu.”

“Chính mắt thằng này ...”

“Chính tay thằng nọ ...”

Những lời đồn đã làm chúng tôi hãnh diện, những lời đồn đã giúp chúng tôi thản nhiên ngồi chờ Việt Cộng dắt ra bờ biển. Nhưng rồi,

quá nhiều lời đồn không giống nhau, có khi trái ngược hẳn nhau dần dần khiến chúng tôi nghi ngờ. Không lẽ một người mà vừa tự tử bằng súng, vừa tự tử bằng lựu đạn lại vừa trốn vào nhà dân mượn ghe, mượn tài công để chạy ra biển.

Tôi hỏi một người vừa nói với tôi là ông Tiền tự tử.

“Mày có trông thấy ông Tiền cầm súng bắn vào đầu không?”

“Em không thấy nhưng thằng A nói chính thằng B trông thấy”.

Tôi hỏi một người khác nói về ông Cang.

“Mày có thấy ông Cang tự tử không?”

“Chính thằng tà lệt của ông Cang nói với em.”

Tôi nghĩ bụng, lính đồn nhiều khi rất đúng, nhưng lúc này thực ra chỉ là để thỏa mãn một nhu cầu. Những lời đồn hiện đang được loan truyền chỉ có thưởng chứ không có phạt trong lúc này.

Khoảng 9 giờ sáng, Việt Cộng kiểm điểm số sĩ quan chúng tôi rồi bắt đi một hàng dọc ra khỏi cổng trụ sở ấp.

Trước khi đi, chúng tôi đã nhìn nhau ngẫm ra hiệu.

Ra khỏi cổng trụ sở ấp, qua khỏi cổng chùa nằm ngay cạnh ấp, chúng tôi tập hợp lại thành nhiều hàng ngang. Việt Cộng ra lệnh ngồi đợi. Đợi cái gì chúng tôi không biết.

Dân chúng vẫn bu quanh hàng rào để buôn bán. Lính tráng bị giữ trong trụ sở ấp vẫn ồn ào; tôi còn nghe cả tiếng ca hát nữa. Họ quả là những người thật vô tư.

Một người trong hàng chúng tôi lên tiếng.

“Yêu cầu các anh cho lấy trả chúng tôi quần áo.”

Tên Việt Cộng đứng cạnh chúng tôi hống hách.

“Cái gì của chúng mày, quần áo gì của chúng mày. Tất cả mọi thứ là của nhân dân, chúng mày không có quyền đòi cái gì hết.”

Chúng tôi cười ồ lên, nhiều người tranh nhau nói.

“Té ra người dân nào cũng là Thủy Quân Lục Chiến hết à?”

Không hiểu tên Việt Cộng vì không hiểu câu nói hay vì không nghe rõ nên tiếp tục hùng hổ.

“Đến nước này chúng mày còn lôi Thủy Quân Lục Chiến ra dọa nữa hả? Ông cho chúng mày một tràng đạn xong đời chúng mày bây giờ.”

Trong hàng lại ào ào lên tiếng.

“Bắn đi.”

“Có giỏi bắn ngay bây giờ đi.”

Trong lúc nói ào ào lên như vậy, mọi người chúng tôi tuy tay vẫn để quặt ra sau lưng nhưng đã rút ra khỏi dây trói. Tất cả đều ở tư thế sẵn sàng.

Tên Việt Cộng mặt mũi còn non choẹt, không biết phải có thái độ như thế nào trong hoàn cảnh này nên lính qua lính quỳnh, tay nắm thật chặt khẩu súng chĩa thẳng vào chúng tôi, chân bước giật lùi mấy bước, mắt ngó dáo dác cầu cứu, mồm lắp ba lắp bắp.

“À, chúng mày làm loạn, chúng mày làm loạn.”

Một tên Việt Cộng khác có lẽ cấp bậc lớn hơn từ trong chùa đi ra hỏi.

“Cái gì đấy đồng chí?”

“Bọn này làm loạn.”

Tên mới ra này nhìn anh em chúng tôi.

“Yêu cầu anh em giữ trật tự. Anh em cần gì cứ cho chúng tôi biết nhưng không được làm ồn ào.”

“Chúng tôi yêu cầu trả quần áo lại cho chúng tôi.”

“Được rồi, anh em ngồi đợi tôi cho người đi lấy.”

Tên này quay vào chùa, cho thêm mấy tên nữa tăng cường để gác chúng tôi.

Những bàn tay đã rút ra khỏi dây trói, được ý tứ đút trở lại. Mấy người dân ôm từng ôm, từng ôm quần áo của chúng tôi bị vứt bỏ dưới bờ biển tối hôm trước lên để thành từng đống trước mặt chúng tôi.

“Yêu cầu cởi trói để chúng tôi mặc quần áo.”

Tên Việt Cộng hùng hổ lúc nãy lại tiếp tục sùng sộ.

“Cởi trói để chúng mày làm loạn à?”

“Không cởi trói sao mặc quần áo được?”

“Mặc sao được kệ chúng mày.”

Chúng tôi lại ào ào lên. Tên Việt Cộng có vẻ là cấp chỉ huy lại từ trong chùa đi ra, trông thấy đồng quần áo.

“Sao chưa phát quần áo cho người ta”, – quay sang phía chúng tôi, tên này nói tiếp -,

“các anh lại ồn ào cái gì nữa?”

“Yêu cầu phát quần áo và cởi trói cho chúng tôi để chúng tôi mặc.”

Tên này đứng suy nghĩ có vẻ lung lăm.

Tôi chờ đợi và suy nghĩ cũng không kém. Số phận của chúng tôi đã được quyết định sẵn, và quyết định như thế nào chúng tôi có thể đoán được tùy theo việc của chúng tôi được cởi trói hay không. Nếu không được cởi trói, chắc chắn chúng tôi sẽ bị bắn rất sớm. Còn nếu được cởi trói, không hẳn là chúng tôi sẽ không bị thanh toán nhưng thời gian còn hơi lâu, có thể là cuối ngày, có thể nửa đêm, có thể là phải đợi cho đến khi nào bọn chúng có đủ phương tiện mang chúng tôi đi xa, thật xa những người lính để họ không hay biết gì.

Quần áo cũng đã được mang vào trong vòng rào trụ sở ấp để phát cho lính. Quần áo chất đồng trước mặt chúng tôi được ném đến từng người tuy chưa đủ. Như vậy chắc chắn chúng tôi sẽ được cởi trói, nhưng cũng chẳng ai cấm bọn chúng chỉ cởi trói để chúng tôi mặc quần áo rồi sau đó lại trói lại.

Tôi cười một cách đau khổ. Nếu cởi trói luôn, mọi chuyện sẽ tiến triển tốt đẹp, nhưng nếu bị trói lại hóa ra chúng tôi lỗ vốn quá nặng vì hiện giờ trên nguyên tắc là chúng tôi bị trói nhưng trên thực tế, chúng tôi muốn rút tay ra lúc nào cũng được. Sau khi mặc quần áo xong, bị trói trở lại, chắc chắn tay chúng tôi sẽ bị trói thật chặt. Bị trói chặt cả trên nguyên tắc lẫn thực tế. Nếu bị đem đi bắn, khả năng chống cự của chúng tôi sẽ yếu hẳn đi, chưa chắc đã giết gỡ được tên Việt Cộng nào.

Tên chỉ huy có khuôn mặt cáo già, sau một hồi suy nghĩ đã ra lệnh cởi trói cho chúng tôi.

Cũng may, Việt Cộng cởi trói cho người ngồi ở đầu mỗi hàng, rồi sau đó chúng tôi lần lượt cởi trói cho nhau, nên bọn chúng không biết được là dây trói chúng tôi thực sự đã lỏng le lỏng lét.

Quần áo được phát sao mặc vậy nên trông chúng tôi rất tức cười. Tôi, tiểu đoàn 4 mặc áo có bảng tên của tiểu đoàn 3, thằng tiểu đoàn 3 mặc áo của tiểu đoàn 5; thằng to như trâu nước mặc áo quá nhỏ không thể cài cúc, thằng nhỏ con mặc áo rộng thùng thình, nếu đứng dậy ai cũng phải nghĩ là cởi truồng vì cái áo dài che luôn cả quần lót.

Chúng tôi chẳng thằng nào buồn đổi áo cho thằng nào, cứ vậy ngồi nhìn nhau khúc khích cười như một lũ con nít.

Chúng tôi bị trói trở lại. Quả thật là đau, đòi mặc quần áo chỉ là một cái cớ để được cởi trói, bây giờ mặc quần áo rồi, bị trói trở lại, chúng tôi chẳng còn nhờ được ai nói dây trói cả. Nhưng đã dự trù việc này nên lợi dụng lúc mặc áo, chúng tôi đã bứt đứt sợi dây điện ở nhiều khúc nên khi bị trói lần thứ nhì này, chúng tôi chỉ còn bị trói chung từng tốp vài ba mạng, xoay trở chắc chắn dễ dàng hơn là bị trói chung nhiều người vào một sợi dây dài.

Thua keo này bày keo khác! Bắt đầu có người đòi uống nước, đồng thời có người đòi đi đại, có người đòi đi ỉa.

Chúng tôi có cả một lực lượng lính hùng hậu không bị trói ở gần đó đang theo dõi chúng tôi, nên Việt Cộng dù có muốn cũng chưa dám hành hạ chúng tôi. Nước được đem ra và chúng phải bưng cho từng người chúng tôi uống. Những người đòi đi đại đi ỉa được cởi trói dẫn ra phía bờ biển. Chúng tôi tiếp tục đòi uống nước, đòi đi đại, đòi đi ỉa loạn xà ngầu lên. Bọn Việt Cộng phần cho người đi lấy nước, phần phải bưng nước cho chúng tôi uống, phần phải cởi trói dẫn chúng tôi đi đại đi ỉa, phần phải trói lại những người đi ỉa đại về, phần lại còn phải canh gác chúng tôi nhưng vì không đủ người nên nhiều người trong chúng tôi đã không kịp bị trói lại.

Cuối cùng có quyết định của tên chỉ huy là cởi hết dây trói chúng tôi, với điều kiện chúng tôi phải giữ trật tự, ngồi trong hàng. Muốn gì giờ

tay xin từng người một.

Chúng tôi được cởi trói.

Ông sư bắt chúng tôi tối hôm qua từ trong chùa đi ra, đi dép vỏ xe, mặc áo lam già, vai khoác AK, đầu trọc lóc không mũ được che bằng cái khăn mù xoa buộc túm bốn góc, vừa cười vừa nói với chúng tôi.

“Chào anh em, anh em có khỏe không?”

“Bị bắt mà khỏe mẹ gì!”

“Anh em đừng nghĩ là mình bị bắt. Anh em phải lấy làm sung sướng vì mình được nhân dân và cách mạng giải phóng ra khỏi guồng máy chiến tranh xâm lược phản dân hại nước của bọn Mỹ Ngụy.”

“Ông lầm rồi, chúng tôi chiến đấu để bảo vệ tự do, chúng tôi đâu có xâm lược ai.”

“Anh em không xâm lược, anh em làm bia đỡ đạn cho bè lũ xâm lược. Tổ quốc đứng về phía chúng tôi. Bây giờ anh em về với nhân dân, cách mạng có nhiệm vụ phải bảo vệ anh em, lo lắng và giúp đỡ anh em. Anh em sẽ được giáo dục để trở về đứng cùng một chiến tuyến với cách mạng, với nhân dân. Anh em hãy theo gương trung đoàn 56 của trung tá Phạm Văn Đính, cách mạng đã đối xử một cách rất khoan hồng, lại còn cho giữ nguyên quân hàm cũ.”

Người ngồi cạnh tôi, giơ tay lên vừa cười vừa nói.

“Vây đồng chí cho xin điều thuốc.”

Nhà tu hành đang tươi cười “thuyết pháp”, chợt sa sầm mặt xuống, chụp ngay cổ áo người vừa nói, giựt giựt mấy cái, vừa giựt vừa gằn từng tiếng.

“Ai là đồng chí với mày, mày là kẻ thù của tao. Không có chính sách khoan hồng của cách mạng thì mày đã toi đời rồi con ạ.”

Chúng tôi ngồi nháy mắt nhìn nhau cười.

Dân làng gánh những thúng cơm đến phát cho chúng tôi. Mỗi phần ăn được chừng một bát cơm và một miếng cá khô gói trong lá chuối. Phần ăn dù ít cũng không đủ để phát đều cho tất cả chúng tôi. Lý do

khá giản dị là không ai tưởng tượng nổi con số chúng tôi bị bắt đông đến như vậy.

Khoảng 2 giờ trưa, bọn Việt Cộng được tăng cường thêm bộ đội chủ lực đến, di chuyển tất cả tù binh chúng tôi ra phá Tam Giang đợi gọi để đi sâu vào trong đất liền.

Tại bờ phá, khi không còn bóng dáng người dân nào, chúng tôi bắt đầu được nếm mùi thổ phỉ, kẻ bị tước bút, người bị lột đồng hồ, kẻ bị tháo nhẫn, người bị gỡ dây chuyền. Nhiều tên du kích mặt mũi non choẹt, chừng mười lăm, mười bảy tuổi vác M-16, vác AK la hét, chửi mắng chúng tôi.

“Thằng này đeo nhiều bút chắc chắn phải là thằng chỉ huy cấp lớn, lột hết bút nó đi.”

“Thằng này để nhiều râu chắc chắn phải là thằng sĩ quan, lột đồng hồ của nó ra.”

Thôi thì có quá nhiều lý do “chính đáng” để chúng tôi bị lột sạch. Thậm chí đến sợi dây kim loại để đeo thẻ bài chúng tôi cũng bị lột với lý do là phương tiện chiến tranh của quân đội Ngụy.

Ưu tiên sĩ quan chúng tôi qua phá trước hết.

Trong khi tập hợp đợi tất cả mọi người qua phá, một tên hình như là cán bộ chính trị đứng thao thao bất tuyệt với chúng tôi.

Nào là quân đội nhân dân là quân đội bách chiến bách thắng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng.

Nào là các anh là những người may mắn đã được nhân dân và cách mạng giải phóng khỏi gông xiềng của Mỹ Ngụy.

Nào là chính sách khoan hồng nhân đạo của chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đối với tù tàn binh biết ăn năn hối cải.

Nào là thành phố Đà Nẵng đang bị bao vây mọi mặt, mọi phía từ đường núi, đường bộ, đường biển đến vùng trời.

Một người đứng lên hỏi.

“Xin anh giải thích cho chúng tôi một số điều, thứ nhất hành động chôn người tập thể tại Huế trong trận tết Mậu Thân và bắn giết bừa

bãi những người dân vô tội tại đại lộ kinh hoàng năm 72, thứ nhì, tại sao mang tiếng là xâm lược mà khi chúng tôi rút khỏi Quảng Trị và Huế, dân chúng lại bỏ chạy hết vào Đà Nẵng và Sài Gòn để tránh nạn Cộng Sản, thứ ba, anh giải thích thế nào về hành động quân đội nhân dân của các anh đã và đang cướp bóc ở bên kia phá, thứ tư, chúng tôi sử dụng súng đạn của đế quốc Mỹ hay mấy anh sử dụng súng đạn của Cộng Sản Nga, Tàu để tàn sát đồng bào, thứ năm...”

Tên cán bộ chính trị Việt Cộng tức giận ngắt lời và ra lệnh cho bọn thủ hạ.

“Lôi cổ thẳng ngoan cổ này ra ngoài” – quay sang chúng tôi, hấn gần giọng – Các anh phải biết Đảng và nhân dân chỉ khoan hồng cho người nào thực sự biết ăn năn hối cải, còn tên nào ngoan cổ chỉ có hại vào thân thôi.”

Nói xong, tên này hăm hăm đi ra ngoài.

Chúng tôi nghe một tiếng súng nổ ở phía phá Tam Giang.

Khi mọi người đã qua phá xong, chúng tôi bị dẫn đi dọc theo con đường đất quanh co hướng về phía quốc lộ 1.

Lúc này, ở bờ phía bên kia phá, chúng tôi được nếm mùi cướp bóc, thổ phỉ, và bây giờ trên con đường đất hai bên là ruộng, là lùm, là bụi này, chúng tôi được thưởng thức món giết người.

Đoàn tù chúng tôi đi thất thểu trên đường, đoành một tiếng, một xác người ngã xuống bờ ruộng, đoành một tiếng, một xác người nữa ngã xuống bờ ruộng. Một người đi ngay bên cạnh tôi bị bắn vào đầu, máu và óc văng dính cả vào người tôi.

Trò bắn giết rất kỳ cục và khó hiểu. Những người bị bắn chết và những người không bị bắn -hay chưa bị bắn- đều không hiểu tại sao bọn Việt Cộng lại bắn người này mà không bắn người kia. Tại sao thẳng Việt Cộng này không bắn người này mà bắn người nọ? Chúng tôi rất hoang mang nhưng lúc này không ai có phản ứng gì, mọi người vẫn cứ lầm lũi, thất thểu đi. Đói, khát, mệt mỏi và luộm thuộm lếch thếch, chúng tôi đi, hoang mang không hiểu bao giờ đến lượt mình bị bắn.

Số người bị bắn mỗi lúc dĩ nhiên mỗi nhiều hơn. Tất cả lon lá đã được gỡ ra từ sáng, khi chúng tôi mới nhận được quần áo mang từ bờ biển vào. Râu ria trên mặt biểu hiệu cho chức cấp hiệu theo nghĩa Việt Cộng cũng không phải, vì nhiều người để râu, trong đó có cả tôi, không hay chưa bị bắn, nhiều người râu ria nhẵn nhụi đã bị bắn.

Mãi về sau, khi nghe được bọn Việt Cộng cầm súng đi tìm người để bắn nói chuyện với nhau chúng tôi mới vỡ lẽ ra. Những tên Việt Cộng nào đã từng bị tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến nào đánh cho xất bất xang bang lúc trước, lúc này cứ đi tìm huy hiệu và bảng tên của tiểu đoàn đó mà bắn.

Người mặc áo có gắn phù hiệu của tiểu đoàn 5 không bị thằng Việt Cộng này bắn nhưng bị thằng Việt Cộng khác bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu tiểu đoàn 3 bị bắn bởi thằng Việt Cộng không bắn người mặc áo của tiểu đoàn 4.

Chúng tôi lột hết bảng tên và phù hiệu tiểu đoàn.

Cuộc bắn giết thừa dần rồi chấm dứt.

Chúng tôi bị đưa về căn cứ La Sơn nhốt tạm để sau đó, hạ sĩ quan và binh sĩ bị đưa nhốt ở Khe Tre, Nam Đông. Đám sĩ quan chúng tôi bị đưa về cây số 23, gần ngay chỗ Ban chỉ huy tiểu đoàn 4 ít ngày trước, đối diện với làng Đồng Lâm.

Khoảng giữa tháng Tư, chúng tôi bị đưa về trại tù binh chính thức nằm phía bắc Khe Sanh, sát biên giới Lào, ở ngay đầu nguồn sông Bến Hải.

(Hết)

California, 1985

